

Số: 625/BC-TĐHTPHCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Về việc công khai trong hoạt động của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 654/QĐ-TĐHTPHCM ngày 07 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 11/KH-TĐHTPHCM ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện quy chế công khai theo Thông tư số 09/2024/BGDĐT năm học 2025-2026;

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh công khai nội dung như sau:

I. Thông tin chung về Nhà trường

1. Thông tin chung

a) Tên Trường (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có):

Tên Trường: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

Tên Tiếng Anh: Ho Chi Minh University of Natural Resources and Environment.

b) Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của Nhà trường, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của Nhà trường (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Địa chỉ trụ sở chính: 236B Lê Văn Sỹ, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cơ sở 2: 205 Phùng Hưng, Phường Tam Phước, Thành phố Đồng Nai.

Địa chỉ cơ sở 3: Khu dân cư Nhơn Đức, Xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: (028) 38443006

Fax: (028) 38449474

Địa chỉ thư điện tử: info@hcmunre.edu.vn

Cổng thông tin điện tử: <https://hcmunre.edu.vn>

c) Loại hình của Nhà trường, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp.

Loại hình sở hữu: Công lập.

Cơ quan/tổ chức quản lý trực tiếp: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

d) Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của Nhà trường.

Sứ mạng: Trường ĐH TN&MT TP.HCM là trung tâm đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cho ngành Tài nguyên và Môi trường (sau đây viết tắt là TN&MT) và xã hội, phục vụ mục tiêu phát triển bền vững.

Tầm nhìn: Trường trở thành trung tâm đào tạo trình độ đại học, sau đại học và nghiên cứu tiên tiến, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao và chuyển giao công nghệ cho ngành TN&MT và xã hội (đặc biệt là khu vực phía Nam), trở thành một trong những Trường đại học hàng đầu trong lĩnh vực TN&MT ở khu vực Đông Nam Á.

Mục tiêu: Đến năm 2025, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm đào tạo và nghiên cứu tiên tiến cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành tài nguyên và môi trường và xã hội; đến năm 2035, trở thành một trong những trường đại học nghiên cứu - ứng dụng hàng đầu trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường ở khu vực Đông Nam Á.

đ) Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Nhà trường.

Tháng 12 năm 1976: Thành lập Trường Cán bộ Khí tượng Thủy văn phân hiệu phía Nam tại TP. Hồ Chí Minh.

Cùng thời gian đó, thành lập Trường Trung học Đo đạc Bản đồ 2 tại Đồng Nai

Đến tháng 5 năm 1976: Đổi tên thành Trường Cán bộ Khí tượng Thủy văn phía Nam và đến ngày 18 tháng 4 năm 1996 đổi tên thành Trường Cán bộ Khí tượng Thủy văn TP. Hồ Chí Minh

Tháng 10 năm 1994, Trường Trung học Đo đạc Bản đồ 2 được đổi tên thành Trường Trung học Địa chính Trung Ương III

Năm 2007: Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường TP.HCM được thành lập dựa trên cơ sở sát nhập trường Trung học Cán bộ Khí tượng Thủy văn và Trung học Địa chính Trung Ương III.

Năm 2011: Ngày 19/8/2011, trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường TP.HCM được nâng cấp thành trường Đại học theo Quyết định số 1430/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

e) Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Họ tên người đại diện pháp luật: PGS.TS. Huỳnh Quyền

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: 236B Lê Văn Sỹ, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: 0913767879

Email: hquyen@hcmunre.edu.vn

2. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của Nhà trường.

Quyết định số 5955/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường.

Luật Giáo dục đại học năm 2025 đã không còn quy định về tổ chức Hội đồng trường.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng Nhà trường.

Bổ nhiệm Hiệu trưởng:

- Quyết định số 1989/QĐ-BNNMT ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc bổ nhiệm viên chức quản lý.

Bổ nhiệm các Phó Hiệu trưởng:

- Quyết định số 2010/QĐ-BNNMT ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc bổ nhiệm viên chức quản lý.

- Quyết định số 2011/QĐ-BNNMT ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc bổ nhiệm viên chức quản lý.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà trường và của các đơn vị trực thuộc, sơ đồ tổ chức bộ máy của Nhà trường.

Nghị quyết số 11/NQ-HĐTTPHCM ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Trường về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

Quyết định số 5955/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị trực thuộc.

Quyết định số 5955/QĐ-BNNMT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo Nhà trường và lãnh đạo các đơn vị trực thuộc.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Địa chỉ thư điện tử	Địa chỉ nơi làm việc	Nhiệm vụ, trách nhiệm
1	Huỳnh Quyền	Hiệu trưởng	0913767879	hquyen@hcmunre.edu.vn	Ban Giám hiệu	Lãnh đạo trường
2	Vũ Xuân Cường	Phó Hiệu trưởng	0903381813	vxcuong@hcmunre.edu.vn	Ban Giám hiệu	Lãnh đạo trường
3	Lê Hoàng Nghiêm	Phó Hiệu trưởng	0937060645	lhngkiem@hcmunre.edu.vn	Ban Giám hiệu	Lãnh đạo trường
4	Trần Văn Sơn	Trưởng phòng	0909331427	tvson@hcmunre.edu.vn	Phòng Tổ chức - Hành chính	Quản lý phòng
5	Lâm Đặng Minh Khôi	Phó Trưởng phòng	0938695899	ldmkhoi@hcmunre.edu.vn	Phòng Tổ chức - Hành chính	Quản lý phòng
6	Đỗ Thế Sơn	Phó Trưởng phòng	0983036995	dtson@hcmunre.edu.vn	Phòng Tổ chức - Hành chính	Quản lý phòng
7	Vũ Đình Khôi	Phó Trưởng phòng	0983429887	vdkhoi@hcmunre.edu.vn	Phòng Tổ chức - Hành chính	Quản lý phòng
8	Trần Ký	Phó Trưởng phòng	0918095920	tky@hcmunre.edu.vn	Phòng Đào tạo	Quản lý phòng
9	Võ Thị Tuyết Mai	Phó Trưởng phòng	0908951755	vttmai@hcmunre.edu.vn	Phòng Đào tạo	Quản lý phòng
10	Phan Thị Diễm Hạnh	Phó Trưởng phòng, phụ trách	0902353557	ptdhanh@hcmunre.edu.vn	Phòng Kế hoạch - tài chính	Quản lý phòng
11	Huỳnh Thiên Tài	Phó Trưởng phòng, phụ trách	0977081567	httai@hcmunre.edu.vn	Phòng KHCN&QHĐN	Quản lý phòng
12	Trần Thanh Tâm	Phó Trưởng phòng	0909367388	tttam@hcmunre.edu.vn	Phòng KHCN&QHĐN	Quản lý phòng
13	Lê Thị Kim Thoa	Phó Trưởng phòng	0936854385	thoa.ltk@hcmunre.edu.vn	Phòng KHCN&QHĐN	Quản lý phòng
14	Lê Trung Tri	Trưởng phòng	0903980158	lttri@hcmunre.edu.vn	Phòng Quản trị cơ sở vật chất	Quản lý phòng
15	Đặng Xuân Trường	Phó Trưởng phòng	0913804068	dxtruong@hcmunre.edu.vn	Phòng Quản trị cơ sở vật chất	Quản lý phòng
16	Nguyễn Bá Khoa	Phó Trưởng phòng, điều hành	0932151932	khoa.nb@hcmunre.edu.vn	Phòng Công tác sinh viên	Quản lý phòng
17	Lê Thị Phụng	Trưởng phòng	0908497629	ltphung@hcmunre.edu.vn	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Quản lý phòng
18	Trần Thị Lệ Hoa	Phó Trưởng phòng	0917880569	ttlhoa@hcmunre.edu.vn	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Quản lý phòng
19	Lý Cẩm Hùng	Trưởng khoa	0916182822	lchung@hcmunre.edu.vn	Khoa Khoa học ứng dụng	Quản lý khoa
20	Hồ Ngọc Vinh	Trưởng khoa	0908008522	hnvinh@hcmunre.edu.vn	Khoa Luật, Lý luận chính trị, Giáo dục thể chất và quốc phòng an ninh	Quản lý khoa
21	Nguyễn Thị Hồng Hoa	Phó Trưởng khoa	0903867688	nthhoa@hcmunre.edu.vn	Khoa Luật, Lý luận chính trị, Giáo dục thể chất và quốc phòng an ninh	Quản lý khoa

STT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Địa chỉ thư điện tử	Địa chỉ nơi làm việc	Nhiệm vụ, trách nhiệm
22	Nguyễn Văn Thắng	Phó Trưởng khoa	0917709142	nvthang@hcmunre.edu.vn	Khoa Luật, Lý luận chính trị, Giáo dục thể chất và quốc phòng an ninh	Quản lý khoa
23	Cần Thu Văn	Trưởng khoa	0983738347	ctvan@hcmunre.edu.vn	Khoa Khí tượng, Thủy văn và Tài nguyên nước	Quản lý khoa
24	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Trưởng khoa	0779333550	ntpthao@hcmunre.edu.vn	Khoa Khí tượng, Thủy văn và Tài nguyên nước	Quản lý khoa
25	Nguyễn Lữ Phương	Phó Trưởng khoa	0938592234	nlphuong@hcmunre.edu.vn	Khoa Môi trường	Quản lý khoa
26	Thái Phương Vũ	Phó Trưởng khoa	0942785007	tpvu@hcmunre.edu.vn	Khoa Môi trường	Quản lý khoa
27	Đỗ Minh Tuấn	Trưởng khoa	0962329727	tuandm@hcmunre.edu.vn	Khoa Trắc địa, Bản đồ và Công trình	Quản lý khoa
28	Trần Thống Nhất	Phó Trưởng khoa	0769943872	ttnhat@hcmunre.edu.vn	Khoa Trắc địa, Bản đồ và Công trình	Quản lý khoa
29	Trần Thanh Hùng	Trưởng khoa	0918345716	tthung@hcmunre.edu.vn	Khoa Quản lý đất đai	Quản lý khoa
30	Nguyễn Hữu Cường	Phó Trưởng khoa	0987997088	nheuong@hcmunre.edu.vn	Khoa Quản lý đất đai	Quản lý khoa
31	Lê Văn Tình	Phó Trưởng khoa	0961811569	lvtinh@hcmunre.edu.vn	Khoa Quản lý đất đai	Quản lý khoa
32	Dương Thị Thúy Nga	Trưởng khoa	0938589589	dtnga_cntt@hcmunre.edu.vn	Khoa Công nghệ thông tin	Quản lý khoa
33	Từ Thanh Trí	Phó Trưởng khoa	0933000208	tttri@hcmunre.edu.vn	Khoa Công nghệ thông tin	Quản lý khoa
34	Thiêm Quốc Tuấn	Phó Trưởng khoa, phụ trách	0919563564	tqtuan@hcmunre.edu.vn	Khoa Địa chất và Khoáng sản	Quản lý khoa
35	Nguyễn Thị Hồng Nguyệt	Trưởng khoa	0917456104	nthnguyet@hcmunre.edu.vn	Khoa Kinh tế	Quản lý khoa
36	Nguyễn Thị Hoài Thanh	Phó Trưởng khoa	0919693939	nththanh@hcmunre.edu.vn	Khoa Kinh tế	Quản lý khoa
37	Nguyễn Trọng Khanh	Giám đốc	0983222377	ntkhanh@hcmunre.edu.vn	Trung tâm Giáo dục thường xuyên	Quản lý trung tâm
38	Nguyễn Vĩnh An	Phó Giám đốc	0917455489	nvan@hcmunre.edu.vn	Trung tâm Giáo dục thường xuyên	Quản lý trung tâm
39	Nguyễn Văn Khánh	Giám đốc	0936639899	nvkhanh@hcmunre.edu.vn	Trung tâm TV&DV TN&MT	Quản lý trung tâm
40	Nguyễn Cửu Long Giang	Giám đốc	0903327875	nclgiang@hcmunre.edu.vn và giang.ncl@hcmunre.edu.vn	Trung tâm Dữ liệu, Truyền thông và Thư viện	Quản lý trung tâm
41	Nguyễn Thị Thu Hằng	Phó Giám đốc	0989305820	ntthang@hcmunre.edu.vn	Trung tâm Dữ liệu, Truyền thông và Thư viện	Quản lý trung tâm
42	Lê Trung Chon	Viện trưởng	0909122367	chonlt@hcmunre.edu.vn	Viện Nghiên cứu phát triển bền vững	Quản lý viện

3. Các văn bản khác của Nhà trường

- Chiến lược phát triển của Nhà trường:

Quyết định 3494/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

- Quy chế dân chủ ở cơ sở của Nhà trường:

Nghị quyết số 18/NQ-HĐTTPHCM ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng Trường ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

- Các Nghị quyết của Hội đồng Trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính:

Nghị quyết số 15/NQ-HĐTTPHCM ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng Trường ban hành Quy chế quản lý tài chính của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

Quyết định số 5002/QĐ-BNNMT ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường giai đoạn 2026-2030.

- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:

Quyết định số 21/QĐ-TĐHTP HCM ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2026.

- Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của Nhà trường và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có):

Quyết định số 696/QĐ-TĐHTP HCM ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

- Quy tắc văn hóa ứng xử nơi công sở của Nhà trường:

Quyết định số 133/QĐ-TĐHTP HCM ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh Ban hành Quy chế văn hóa công sở và ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

Quyết định số 1014/QĐ-TĐHTP HCM ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh ban hành Quy tắc văn hóa giao tiếp trong Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh và môi trường mạng.

II. Thu, chi tài chính

1. Tình hình tài chính của Nhà trường trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác).

Nhà trường căn cứ vào ngân sách được giao, các nguồn thu tại trường để lập dự toán thu chi. Đảm bảo thực hiện thu chi, quyết toán và báo cáo tài chính theo chế độ kế toán, tài chính của nhà nước: có dự toán, quyết toán tài chính, báo cáo tài chính theo từng năm học và thực hiện đầy đủ các quy định quản lý, lưu trữ hồ sơ chứng từ. Hệ thống sổ sách, chứng từ của trường đầy đủ và hợp lệ. Các khoản thu chi của nhà trường đều thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền. Căn cứ vào tình hình thực tế, trường đã ban hành các quy chế thực hiện công tác công khai, quản lý tài sản. Ngay đầu mỗi năm học, căn cứ vào nhiệm vụ năm học để xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ và định kỳ tự kiểm tra công tác tài chính, tài sản theo đúng quy định, quy chế chi tiêu nội bộ. Nhà trường thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định về công tác công khai trong cơ sở giáo dục theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Trong quá trình thực hiện, khi có điểm chưa phù hợp hoặc có vấn đề phát sinh do hướng dẫn chỉ đạo thay đổi của cơ quan quản lý tài chính cấp trên, quy chế chi tiêu nội bộ được điều chỉnh, bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

Nhà trường thực hiện công tác quản lý tài chính, tài sản bảo đảm đúng luật, công khai, minh bạch, sử dụng nguồn tài chính bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Cơ sở vật chất, tài sản của nhà trường được sử dụng triệt để. Trường luôn quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích để phục vụ các hoạt động giáo dục, cuối mỗi năm có báo cáo cấp trên.

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm báo cáo
1	Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác).	178.218
2	Chi lương và thu nhập	62.192
3	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	72.382
4	Chi hỗ trợ người học	4.585
5	Chi khác	0

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học

Bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của Nhà trường trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Năm học 2025-2026	Dự kiến cho từng năm học tiếp theo		
			Năm học 2026-2027	Năm học 2027-2028	Năm học 2028-2029
I	Học phí chính quy chương trình đại trà				
1	Đại học				
	Khối ngành III	15.900.000	20.425.000	23.076.750	26.077.428
	Khối ngành IV	17.100.000	21.212.500	23.970.625	27.084.157
	Khối ngành V	18.500.000	24.642.857	27.297.278	30.840.624
	Khối ngành VII	16.900.000	21.790.000	24.621.200	27.819.256
2	Thạc sĩ				
	Khối ngành V	27.750.000	38.625.000	42.640.550	48.183.822
	Khối ngành VII	25.350.000	36.200.000	40.905.750	46.223.780
II	Học phí vừa học vừa làm				
1	Trung cấp				
	Khối ngành IV	25.650.000	30.912.500	34.931.125	39.472.172
	Khối ngành V	27.750.000	34.875.000	38.580.084	43.595.494
	Khối ngành VII	25.350.000	32.562.500	36.795.625	41.579.057
2	Cao đẳng				
	Khối ngành III	23.850.000	30.637.500	34.620.375	39.121.024
	Khối ngành IV	25.650.000	30.912.500	34.931.125	39.472.172
	Khối ngành V	27.750.000	34.875.000	38.580.084	43.595.494
	Khối ngành VII	25.350.000	32.562.500	36.795.625	41.579.057
3	Đại học				
	Khối ngành III	23.850.000	30.637.500	34.620.375	39.121.024
	Khối ngành IV	25.650.000	30.912.500	34.931.125	39.472.172
	Khối ngành V	27.750.000	34.875.000	38.580.084	43.595.494
	Khối ngành VII	25.350.000	32.562.500	36.795.625	41.579.057

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm báo cáo
1	Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học	4.585

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm báo cáo
1	Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù	57.721

5. Các nội dung công khai tài chính khác

Trường thực hiện công khai dự toán ngân sách nhà nước và công khai quyết toán ngân sách theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC.

III. Điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo, nghiên cứu

1. Thông tin về mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với kết quả do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố

Nhà trường đã ban hành Thông báo số 499/TB-TĐHTPHCM ngày 02/6/2026 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh về Kết quả thu thập dữ liệu và báo cáo Chuẩn cơ sở giáo dục đại học Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh năm 2025 theo Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, như sau:

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản trị

Tiêu chí	Chỉ số đánh giá	Ngưỡng	Thực tế	Kết quả
1.1	Số tháng khuyết lãnh đạo chủ chốt	6	0	Đạt
1.2	Mức độ hoàn thiện văn bản theo Luật GDĐH	100%	100%	Đạt
1.3	Tỉ lệ chỉ số hoạt động chính được cải thiện	50%	60%	Đạt
1.4	Mức độ cập nhật dữ liệu quản lý trên HEMIS	100%	100%	Đạt

Tiêu chuẩn 2: Giảng viên

Tiêu chí	Chỉ số đánh giá	Ngưỡng	Thực tế	Kết quả
2.1	Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên	40	28,93	Đạt
2.2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	70%	98,92%	Đạt
2.3	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	20%	31,77%	Đạt

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất

Tiêu chí	Chỉ số đánh giá	Ngưỡng	Thực tế	Kết quả
3.1	Diện tích đất/người học (m2)	25		Từ 2030 mới tính
3.2.1	Diện tích sàn xây dựng/người học (m2)	2,8	3,08	Đạt
3.2.2	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt (%)	70%	98,6%	Đạt
3.3.1	Số đầu sách/ngành đào tạo	40	504,9	Đạt

3.3.2	Số bản sách/người học	5	43,3	Đạt
3.4.1	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến (%)	10%	27,09%	Đạt
3.4.2	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	100	111,1	Đạt

Tiêu chuẩn 4: Tài chính

Tiêu chí	Chỉ số đánh giá	Ngưỡng	Thực tế	Kết quả
4.1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	0%; 30%	20,43%	Đạt
4.2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	0,0%	9,71%	Đạt

Tiêu chuẩn 5: Tuyển sinh và đào tạo

Tiêu chí	Chỉ số đánh giá	Ngưỡng	Thực tế	Kết quả
5.1.1	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	50,0%	82%	Đạt
5.1.2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	-30,0%	31,3%	Đạt
5.2.1.	Tỉ lệ thôi học	10,0%	5,11%	Đạt
5.2.2	Tỉ lệ thôi học năm đầu	15,0%	4,71%	Đạt
5.3.1	Tỉ lệ tốt nghiệp	60,0%	69,4%	Đạt
5.3.2	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	40,0%	48,4%	Đạt
5.4.1	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	70,0%	82,2%	Đạt
5.4.2	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	70,0%	90,2%	Đạt
5.5	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	70,0%	86,1%	Đạt

Tiêu chuẩn 6: Nghiên cứu và đổi mới sáng tạo

Tiêu chí	Chỉ số đánh giá	Ngưỡng	Thực tế	Kết quả
6,1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	5	10,3%	Đạt
6.2.1	Số công bố khoa học/giảng viên	0,3	0,82	Đạt
6.2.2	Số công bố WoS, Scopus/giảng viên	0,3	0,3	Đạt

2. Thông tin về ngành, chương trình đào tạo

a) Danh mục ngành đào tạo đang hoạt động và thông tin chi tiết theo yêu cầu về điều kiện mở ngành đào tạo.

❖ Danh mục ngành đào tạo đang hoạt động

- Trình độ Đại học chính quy

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	THỜI GIAN ĐÀO TẠO	QUYẾT ĐỊNH MỞ NGÀNH
1	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	4,5 năm	Số 1418/QĐ-BGDĐT ngày 11/4/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	Quản lý đất đai	7850103	4 năm	
3	Địa chất học	7440201	4,5 năm	
4	Quản trị kinh doanh	7340101	4 năm	Số 2373/QĐ-BGDĐT ngày 28/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	THỜI GIAN ĐÀO TẠO	QUYẾT ĐỊNH MỞ NGÀNH
5	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	7520503	4,5 năm	Số 4147/QĐ-BGDĐT ngày 5/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
6	Khí tượng và khí hậu học	7440222	4,5 năm	
7	Thủy văn học	7440224	4,5 năm	
8	Kỹ thuật Cấp thoát nước	7580213	4,5 năm	Số 3080/QĐ-BGDĐT ngày 16/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
9	Công nghệ thông tin	7480201	4,5 năm	
10	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	7850102	4 năm	Số 169/QĐ-BGDĐT ngày 20/1/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
11	Hệ thống thông tin	7480104	4,5 năm	Số 947/QĐ-BGDĐT ngày 28/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
12	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	4 năm	
13	Quản lý tài nguyên và môi trường biển đảo	7850197	4 năm	Số 1118/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
14	Quản lý đô thị và công trình	7580106	4,5 năm	Số 153/QĐ-TĐHTPHCM ngày 22/02/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM
15	Bất động sản	7340116	4 năm	Số 1161/QĐ-TĐHTPHCM ngày 31/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM
16	Công nghệ vật liệu	7510402	4 năm	Số 277/QĐ-TĐHTPHCM ngày 24/3/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM
17	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	4 năm	Số 278/QĐ-TĐHTPHCM ngày 24/3/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM
18	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	4 năm	Số 157/QĐ-TĐHTPHCM ngày 17/4/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM
19	Biến đổi khí hậu	7440221	4 năm	Số 184/QĐ-TĐHTPHCM ngày 22/4/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM
20	Quản lý Tài nguyên nước	7850198	4 năm	Số 156/QĐ-TĐHTPHCM ngày 17/4/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM

- Trình độ Đại học vừa làm vừa học

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	THỜI GIAN ĐÀO TẠO
1	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	1.5 – 3.0 năm
2	Quản lý đất đai	7850103	1.5 – 3.0 năm
3	Kỹ thuật Cấp thoát nước	7580213	1.5 – 3.0 năm
4	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	7520503	1.5 – 3.0 năm
5	Khí tượng và khí hậu học	7440222	1.5 – 3.0 năm
6	Thủy văn học	7440224	1.5 – 3.0 năm

- Trình độ Cao học

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH	THỜI GIAN ĐÀO TẠO	QUYẾT ĐỊNH MỞ NGÀNH
1	Kỹ thuật Môi trường	8520320	2 năm	Số 514/QĐ-BGDĐT ngày 13/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	Quản lý Đất đai	8850103	2 năm	
3	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	8850101	2 năm	Số 824/QĐ-TĐHTPHCM ngày 22/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM
4	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ	8520503	2 năm	Số 825/QĐ-TĐHTPHCM ngày 22/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM
5	Công nghệ thông tin	8480201	2 năm	Số 823/QĐ-TĐHTPHCM ngày 22/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM
6	Thủy văn học	8440224	2 năm	Số 744/QĐ-TĐHTPHCM ngày 28/8/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM
7	Kỹ thuật Cấp thoát nước	8580213	2 năm	Số 745/QĐ-TĐHTPHCM ngày 28/8/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM
8	Quản trị Kinh doanh	8340101	2 năm	Số 01/QĐ-TĐHTPHCM ngày 02/01/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM

❖ Thông tin về điều kiện mở ngành trình độ đại học của tất cả các ngành và các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo được thực hiện đúng quy định theo các văn bản sau

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ Phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Luật Giáo dục đại học số 42/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Quốc Hội;

Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành kèm theo Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Thông tư số 12/2024/TT- BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Quyết định số 504/QĐ-TĐHTPHCM ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy phương thức đào tạo theo tín chỉ;

Quyết định số 335/QĐ-TĐHTPHCM ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh về việc Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh;

Quyết định số 1340/QĐ-TĐHTPHCM ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 335/QĐ-TĐHTPHCM ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh;

Quyết định số 698/QĐ-TĐHTPHCM ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh về Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành, rà soát và đánh giá cải tiến chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

❖ Thông tin về điều kiện mở ngành trình độ thạc sĩ của tất cả các ngành và các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo được thực hiện đúng quy định, xem chi tiết tại website: <https://hcmunre.edu.vn/to-chuc/vien-nghien-cuu-va-phat-trien-ben-vung/dao-tao-sau-dai-hoc/chuong-trinh-dao-tao>

b) Danh mục chương trình đào tạo đang thực hiện, thông tin chi tiết theo yêu cầu chuẩn chương trình đào tạo (chuẩn đầu ra, chuẩn đầu vào, các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo) và mẫu văn bằng, chứng chỉ cấp cho người tốt nghiệp cho từng trình độ, ngành và hình thức đào tạo; đối với các chương trình liên kết đào tạo quốc tế có thêm thông tin về cơ sở giáo dục đại học liên kết đào tạo, thời gian hoạt động liên kết, văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

❖ Danh mục chương trình đào tạo đang thực hiện, thông tin chi tiết theo yêu cầu chuẩn chương trình đào tạo (chuẩn đầu ra, chuẩn đầu vào)

• Trình độ đại học chính quy

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
1. Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh		
1	Chuẩn đầu ra	Kiến thức ELO 1: Phân tích được các vấn đề kinh tế trong xã hội dựa trên các kiến thức giáo dục đại cương chung về kinh tế, xã hội như đường lối chính sách của Đảng và nhà nước, luật kinh tế, kinh tế, tài chính, tiền tệ. ELO 2: Vận dụng các kiến thức về kinh tế, kinh doanh, và quản lý như kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, quản trị nhằm giải quyết các vấn đề liên quan công tác chuyên môn. ELO 3: Vận dụng sáng tạo các chức năng quản trị tổ chức để hoạch định, tổ chức, thực hiện, kiểm tra các hoạt động, các dự án cho tổ chức ở mọi lĩnh vực ngành nghề. ELO 4: Phân tích và đưa ra giải pháp cho các vấn đề về chiến lược, mục tiêu giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh trong doanh nghiệp dựa vào các kiến thức chuyên môn: quản trị tài chính doanh nghiệp, phân tích dự báo kinh doanh, kế toán quản trị, quản trị rủi ro, đổi mới. ELO 5: Vận dụng các kiến thức chuyên môn trong quá trình học tập: quản trị nhân sự, quản trị văn phòng, quản trị marketing, quản trị dự án, quản trị vận hành... cùng các nghiên cứu khoa học chuyên ngành quản trị và kinh nghiệm tại các đơn vị thực tập để lập kế hoạch kinh doanh và dự án khởi nghiệp; thực hiện được các chức năng quản trị tổ chức cho các doanh nghiệp với trình độ của một nhà quản trị sơ trung cấp. ELO 6: Vận dụng các kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng các yêu cầu công việc trong hoạt động quản trị và kinh doanh như hệ thống kiểm soát quản trị, kinh doanh trực tuyến, chuyển đổi số. Kỹ năng ELO 7: Đạt được chứng nhận/chứng chỉ theo Quy định hiện hành về chuẩn đầu ra Tiếng Anh/Tin học để xét tốt nghiệp của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, người học vận dụng ngôn ngữ tiếng Anh trong hoạt động giao tiếp, trao đổi hoàn thành báo cáo công việc chuyên môn, hội nhập theo xu hướng quốc tế hóa. ELO 8: Hoàn thiện khả năng kết nối, truyền cảm hứng để làm việc theo nhóm nhằm giải quyết vấn đề đa phương, khởi nghiệp tạo việc làm cho mình và cho người khác. ELO 9: Thực hiện khả năng phân tích logic, khả năng tư duy phản biện, khả năng truyền đạt tri thức với người cùng ngành và với những người khác để giải quyết và đánh giá kết quả thực hiện công việc của bản thân, tập thể trước những thách thức của môi trường kinh doanh. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm ELO 10: Có ý thức trách nhiệm cá nhân hoặc trách nhiệm trước tập thể khi làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong quá trình giải quyết các vấn đề của tổ chức. ELO 11: Chia sẻ, hướng dẫn, giám sát các thành viên khác trong tổ

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
		chức để thực hiện nhiệm vụ trong chuyên môn. ELO 12: Tự định hướng, đề xuất các giải pháp và phản biện rồi đưa ra kết luận chuyên môn dựa trên kiến thức và nghiên cứu được đào tạo khi thuyết trình, bảo vệ các dự án, công trình, đề tài nghiên cứu trong kinh doanh. ELO 13: Tự hoạch định, sử dụng nguồn lực để tiến hành các dự án kinh doanh đồng thời giám sát, theo dõi tiến độ nhằm đánh giá và cải thiện các hoạt động trong quá trình thực hiện.
2	Chuẩn đầu vào	Người học đã tốt nghiệp trung học phổ thông và đạt điều kiện trúng tuyển vào Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.
2. Chương trình đào tạo ngành Bất động sản		
1	Chuẩn đầu ra	Kiến thức ELO 1: Vận dụng kiến thức cơ bản của các môn triết học và kinh tế học chính trị để giải thích bản chất của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội; vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết những vấn đề trong công tác chuyên môn và đời sống. ELO 2: Ứng dụng các kiến thức về khoa học tự nhiên và xã hội làm nền tảng để học tập các môn cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành, để nghiên cứu và giải quyết các công việc chuyên môn. ELO 3: Liên kết được các kiến thức cơ sở nhóm ngành và ngành làm nền tảng cho việc học tập các môn học ngành và chuyên ngành. ELO 4: Vận dụng được phương pháp luận và phương pháp nghiệp vụ trong lĩnh vực phát triển và quản trị bất động sản, đồng thời vận dụng các văn bản pháp luật trong quản lý nhà nước về đất đai và bất động sản để hiểu và tổ chức thực hiện các hoạt động nghề nghiệp trong thị trường bất động sản có sự quản lý của nhà nước. ELO 5: Áp dụng được các quy trình và giải pháp quy hoạch, kiến trúc, kỹ thuật và tài chính để tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ của ngành bất động sản bao gồm: phân tích thị trường và định giá bất động sản, đầu tư phát triển và quản trị bất động sản. ELO 6: Phát triển được các kiến thức chuyên ngành đã được học để đề xuất được các giải pháp về đầu tư phát triển bất động sản, quản trị kỹ thuật và kinh doanh bất động sản phù hợp với định hướng phát triển đất đai và thị trường bất động sản của nhà nước. Kỹ năng ELO 7: Đạt được chứng nhận/ chứng chỉ theo Quy định hiện hành về chuẩn đầu ra Tiếng Anh, Tin học để xét tốt nghiệp của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. ELO 8: Sử dụng được các phần mềm chuyên ngành phục vụ cho công việc chuyên môn. ELO 9: Thực hiện tốt các kỹ năng trong giao tiếp, hợp tác, đàm phán, quản lý mâu thuẫn và phản biện chuyên môn khi thực hiện các dự án, công trình, đề tài nghiên cứu. ELO 10: Sử dụng thành thạo các loại máy móc, trang thiết bị và các phần mềm chuyên ngành để khảo sát, đo đạc, thu thập và xử lý số liệu phục vụ các công tác chuyên môn trong lĩnh vực Bất động sản.

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
		ELO 11: Phân tích được những thông tin trong lĩnh vực bất động sản để khái quát hóa vấn đề và xác định được mục tiêu cốt lõi cần giải quyết trong thực tiễn liên quan đến hoạt động nghề nghiệp một cách khoa học, hiệu quả. ELO 12: Tổ chức được các công tác điều tra, khảo sát, đo đạc, thu thập, xử lý số liệu tại thực địa. Năng lực tự chủ và trách nhiệm ELO 13: Giải quyết được các hoạt động chuyên môn và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước tập thể về các quyết định của cá nhân, sẵn sàng chia sẻ kiến thức chuyên môn để giúp ích cho cộng đồng và xã hội. ELO 14: Giám sát những người cùng nhiệm vụ thực hiện công việc được giao. Có thể tự định hướng giải quyết công việc, tự đưa ra kết luận cá nhân và bảo vệ được quan điểm cá nhân khi thuyết trình, bảo vệ các dự án, công trình, đề tài nghiên cứu. ELO 15: Đánh giá được những khó khăn, nguy hiểm và tìm ra các giải pháp xử lý khi thực hiện các nhiệm vụ như điều tra, khảo sát thu thập thông tin về đất đai và thị trường bất động sản.
2	Chuẩn đầu vào	Người học đã tốt nghiệp trung học phổ thông và đạt điều kiện trúng tuyển vào Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.
3. Chương trình đào tạo ngành Địa chất học		
1	Chuẩn đầu ra	Kiến thức ELO 1: Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật để giải thích bản chất của sự vật, hiện tượng, những vấn đề trong công tác chuyên môn và đời sống. ELO 2: Liên kết các kiến thức cơ sở nhóm ngành tài nguyên môi trường, cơ sở ngành, ngành trong quá trình học tập. ELO 3: Vận dụng các kiến thức đã học vào thực tế, giúp người học hoàn thành báo cáo thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp. ELO 4: Phân tích các dữ liệu địa chất bằng kỹ thuật bản đồ, viễn thám - GIS, tin học địa chất để xây dựng cơ sở dữ liệu, mô phỏng, dự báo tài nguyên và tai biến địa chất. ELO 5: Đánh giá được các thông tin, dữ liệu, kết quả khảo sát, thăm dò, phân tích thí nghiệm địa chất trong việc xây dựng và hoàn thành các báo cáo chuyên đề. Kỹ năng ELO 6: Giải quyết được những khó khăn, thử thách để hoàn thành nhiệm vụ, thích ứng với môi trường làm việc nhiều áp lực. ELO 7: Thực hiện tốt kỹ năng dẫn dắt khởi nghiệp, giao tiếp ứng xử, vận động quần chúng, am hiểu văn hóa của các vùng miền để hoàn thành các nhiệm vụ được giao. ELO 8: Sử dụng được các công cụ quản lý, phân tích dữ liệu, phần mềm tin học ứng dụng để tổng hợp, xử lý các dữ liệu, hiển thị thông tin và thành lập các bản đồ chuyên đề nhằm tìm các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi. ELO 9: Thực hiện tốt các dạng công tác điều tra, khảo sát, thăm dò, phân tích thí nghiệm thuộc lĩnh vực địa chất ứng dụng để đánh giá chất

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
		lượng công việc sau khi hoàn thành. ELO 10: Sử dụng bản đồ, địa bàn địa chất, các thiết bị khảo sát, thăm dò, phân tích thí nghiệm địa chất trong việc thiết kế các tuyến lộ trình thực địa, xác định vị trí điểm đứng, yếu tố thể nằm, xác định thành phần, tính chất của đất đá, nước để truyền đạt, phổ biến kiến thức chuyên môn khi thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp. ELO 11: Sử dụng tin học và tiếng Anh trong học tập, nghiên cứu, làm việc và đạt được chứng nhận/chứng chỉ theo quy định hiện hành để xét tốt nghiệp của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP.HCM. Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm ELO 12: Thể hiện khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. ELO 13: Thực hiện tốt khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. ELO 14: Thực hiện tốt đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm, khả năng học, tự học để định hướng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu công việc, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. ELO 15: Thực hiện tốt khả năng lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.
2	Chuẩn đầu vào	Người học đã tốt nghiệp trung học phổ thông và đạt điều kiện trúng tuyển vào Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.
4. Chương trình đào tạo ngành Khí tượng và Khí hậu học		
1	Chuẩn đầu ra	Kiến thức ELO 1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, tư tưởng Hồ Chí Minh và pháp luật nhà nước vào cuộc sống và nghề nghiệp. ELO 2: Vận dụng các kiến thức toán học, vật lý giải thích các hiện tượng xảy ra trong khí quyển; khảo sát định lượng các quá trình vật lý trong khí quyển. ELO 3: Ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình khảo sát và phân tích số liệu khí tượng; Phân tích mối quan hệ giữa các lĩnh vực khoa học trái đất, tài nguyên môi trường và biến đổi khí hậu với ngành khí tượng; ELO 4: Sử dụng thành thạo các công nghệ hiện đại đáp ứng công việc thời đại 4.0; thực hiện quan trắc, thu thập dữ liệu khí tượng bề mặt tại trạm; tham vấn xây dựng mạng lưới trạm khí tượng và kiểm soát số liệu khí tượng theo đúng quy phạm của ngành. Từ đó lập kế hoạch, tổ chức và giám sát quá trình quan trắc và kiểm soát số liệu khí tượng. ELO 5: Xác định các hiện tượng, các hình thái thời tiết dựa trên bản đồ Synop, ảnh mây vệ tinh, sản phẩm mô hình số trị, v.v... Đồng thời đưa ra dự báo thời tiết và khí hậu trong tương lai. Từ đó có thể quản lý và điều hành hoạt động phân tích và dự báo thời tiết, dự báo khí hậu. Kỹ năng ELO 6: Sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành (mô hình dự báo số; công nghệ AI; GIS, phần mềm chuyên dụng). Làm chủ được các thiết bị và máy móc khí tượng; quan trắc yếu tố khí tượng theo phương

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
		pháp truyền thống và các phương pháp hiện đại. ELO 7: Đề xuất các đề tài, dự án liên quan đến khí tượng và khí hậu có mục tiêu rõ ràng, có các ràng buộc cụ thể. Từ đó dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác. ELO 8: Phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn trên thực địa trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi. ELO 9: Đánh giá chất lượng công việc trong công tác dự báo, quan trắc khí tượng v.v. sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên nhóm trong một dịp trực dự báo; dịp quan trắc khí tượng đảm bảo đáp ứng yêu cầu của ngành Khí tượng. ELO 10: Giao tiếp hiệu quả thông qua các bài thuyết trình bằng văn bản, bằng miệng và đồ họa về các vấn đề liên quan đến khí tượng và khí hậu học (thảo luận dự báo thời tiết; trao đổi học thuật; viết báo khoa học). ELO 11: Sử dụng được các tài liệu tiếng Anh chuyên ngành trong việc học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ và các công việc chuyên môn. Đạt được chứng nhận/chứng chỉ theo Quy định hiện hành về chuẩn đầu ra Tiếng Anh, Tin học để xét tốt nghiệp của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. Năng lực tự chủ và trách nhiệm ELO 12: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trên thực địa trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm đúng tiêu chuẩn ngành khí tượng. ELO 13: Hướng dẫn, giám sát những người khác trong quá trình thực hiện phân tích, dự báo thời tiết và khí hậu; quan trắc khí tượng, kiểm soát số liệu khí tượng đúng quy phạm. ELO 14: Tự định hướng nghiên cứu trong lĩnh vực khí tượng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. ELO 15: Đề ra các chương trình, kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động trong công tác dự báo thời tiết và khí hậu; quan trắc và kiểm soát số liệu khí tượng. Nhận thức về nhu cầu học tập suốt đời và giáo dục nghề nghiệp liên tục.
2	Chuẩn đầu vào	Người học đã tốt nghiệp trung học phổ thông và đạt điều kiện trúng tuyển vào Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.
5. Chương trình đào tạo ngành Thủy văn học		
1	Chuẩn đầu ra	Kiến thức ELO1: Vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, tư tưởng Hồ Chí Minh và pháp luật nhà nước vào cuộc sống và nghề nghiệp. ELO2: Giải thích được những kiến thức cơ bản về khoa học trái đất, tài nguyên, môi trường, biến đổi khí hậu trong mối quan hệ với khoa học thủy văn. ELO3: Vận dụng được kiến thức nền tảng và hiện đại về toán – lý, công nghệ thông tin, lập trình, quản trị và phân tích dữ liệu vào việc thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn thủy văn. ELO4: Phân tích được quy trình điều tra, khảo sát thủy văn; nguyên lý

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
		quá trình lũ, hạn, mặn, sạt lở; phương pháp tính toán thủy văn công trình, điều tiết dòng chảy, tính toán ngập lụt và thoát nước đô thị; trình tự quy hoạch và quản lý lưu vực sông. ELO5: Ứng dụng được các nguyên lý, mô hình, công cụ chuyên ngành để phân tích, mô phỏng, dự báo các hiện tượng thủy văn và đề xuất giải pháp để phòng chống thiên tai, khai thác hiệu quả nguồn nước phục vụ mục tiêu phát triển bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu. Kỹ năng ELO6: Có khả năng giải quyết các vấn đề chuyên môn phức tạp đòi hỏi sự tổng hợp những kiến thức lý thuyết và thực tiễn liên ngành trong mối quan hệ với lĩnh vực thủy văn. ELO7: Sử dụng thành thạo và linh hoạt các mô hình, phần mềm, công cụ chuyên ngành phục vụ phân tích, mô phỏng, dự báo các hiện tượng thủy văn. ELO8: Thực hiện đầy đủ, chính xác, đúng quy định - quy phạm công tác thực địa điều tra, khảo sát, đo đạc và chỉnh lý các yếu tố thủy văn theo phương pháp truyền thống và hiện đại. ELO9: Có kỹ năng tư duy hệ thống và tư duy phản biện, có năng lực thích ứng với điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi, đáp ứng yêu cầu công việc và nhu cầu khởi nghiệp. ELO10: Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm tốt tại nơi làm việc; có khả năng trình bày, phổ biến kiến thức và kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp. ELO11: Đạt tối thiểu một trong các chuẩn kỹ năng tiếng Anh và Tin học để xét tốt nghiệp: Đạt được chứng nhận/chứng chỉ theo Quy định hiện hành về chuẩn đầu ra Tiếng Anh, Tin học để xét tốt nghiệp của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. Năng lực tự chủ và trách nhiệm ELO12: Có khả năng làm việc độc lập cũng như phối hợp trong nhóm; bảo vệ được các kết luận chuyên môn của mình và của nhóm; tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và tính khoa học về các vấn đề mà bản thân và nhóm mình đưa ra. ELO13: Tích cực, chủ động phát hiện và đề xuất giải pháp trong chuyên môn; có tinh thần học hỏi, cầu thị, có trách nhiệm với công việc, cộng đồng và xã hội. ELO14: Thực hiện đúng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong việc hoạt động, xây dựng và phát triển lĩnh vực thủy văn; am hiểu vai trò, tác động của ngành nghề đến xã hội và các yêu cầu của xã hội đối với ngành nghề trong bối cảnh hiện tại, tương lai, ở trong nước và quốc tế. ELO 15: Sẵn sàng học tập ở mức cao hơn; luôn tự trau dồi, cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp thời đại mới đáp ứng yêu cầu công việc.
2	Chuẩn đầu vào	Người học đã tốt nghiệp trung học phổ thông và đạt điều kiện trúng tuyển vào Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.
6. Chương trình đào tạo ngành Biển đổi khí hậu		
1	Chuẩn	Kiến thức

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
	đầu ra	ELO 1: Hiểu được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, pháp luật và đạo đức nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề chuyên môn và đóng góp vào phát triển bền vững. ELO 2: Hiểu được kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học môi trường, khí hậu học, và năng lượng tái tạo để tạo kiến thức cơ bản cho các môn chuyên sâu của ngành Biến đổi khí hậu. ELO 3: Hiểu được các chính sách, quy định, và thỏa thuận quốc tế như Thỏa thuận Paris, Nghị định thư Kyoto, và các cam kết quốc gia về khí hậu. ELO 4: Phân tích các tác động biến đổi khí hậu và đánh giá tính dễ tổn thương (vulnerability assessment) cho hệ sinh thái và con người. ELO 5: Áp dụng các giải pháp thích ứng cho nông nghiệp, nước, đô thị và cộng đồng. ELO 6: Áp dụng được công nghệ giảm phát thải như năng lượng tái tạo, thu giữ và lưu trữ carbon (CCS), và các giải pháp giao thông xanh. Kỹ năng ELO 7: Đạt được chứng nhận/chứng chỉ theo Quy định hiện hành về chuẩn đầu ra Tiếng Anh, Tin học để xét tốt nghiệp của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. ELO 8: Vận dụng được các công cụ phân tích dữ liệu khí hậu như GIS, Python và công nghệ trí tuệ nhân tạo để đánh giá rủi ro khí hậu và dự báo kịch bản khí hậu tương lai. ELO 9: Thiết kế, triển khai và giám sát các chương trình thích ứng tại địa phương hoặc khu vực, bao gồm: Thiết kế các giải pháp hạ tầng chống chịu khí hậu, quy hoạch đô thị xanh, và quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững; Triển khai các chương trình phục hồi sinh thái, bảo vệ hệ sinh thái trước tác động khí hậu. ELO 10: Phát triển và ứng dụng các công nghệ năng lượng tái tạo, tối ưu hóa hiệu quả năng lượng; Đánh giá và triển khai các dự án thu giữ carbon hoặc phát triển hệ thống giao thông xanh; mô hình hóa và đo lường khí nhà kính (GHG Inventory). ELO 11: Xây dựng và thực thi các kế hoạch hành động về biến đổi khí hậu ở các cấp độ địa phương, quốc gia và quốc tế; Tham gia vào các quy trình đàm phán khí hậu, hợp tác với các tổ chức phi chính phủ, chính phủ, và quốc tế. ELO 12: Truyền đạt kiến thức về biến đổi khí hậu và các giải pháp đến cộng đồng, doanh nghiệp, và các bên liên quan; Tổ chức các chiến dịch nâng cao nhận thức, giáo dục về khí hậu trong cộng đồng. Năng lực tự chủ và trách nhiệm ELO 13: Đánh giá hiệu quả các giải pháp thích ứng và giảm nhẹ trong thực tế, đảm bảo phù hợp với đặc điểm kinh tế, xã hội và môi trường của từng khu vực; ELO 14: Thực hiện nghiên cứu liên ngành để tìm kiếm các giải pháp sáng tạo cho biến đổi khí hậu; Viết báo cáo và bài nghiên cứu khoa học liên quan đến các giải pháp thích ứng hoặc giảm nhẹ biến đổi khí hậu. ELO 15: Có năng lực và ý thức học tập suốt đời, đồng thời lan tỏa ý

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
		thức bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất cho cộng đồng xung quanh người học
2	Chuẩn đầu vào	Người học đã tốt nghiệp trung học phổ thông và đạt điều kiện trúng tuyển vào Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.
7. Chương trình đào tạo ngành Hệ thống thông tin		
1	Chuẩn đầu ra	Kiến thức ELO 1: Hiểu và vận dụng kiến thức về lý luận chính trị vào công tác chuyên môn và cuộc sống. ELO 2: Hiểu và vận dụng kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội vào ngành đào tạo để giải quyết các vấn đề liên quan. ELO 3: Vận dụng kiến thức nền tảng của ngành HTTT, quản lý Tài nguyên, Môi trường và ứng dụng vào thực tiễn liên quan đến dữ liệu, thông tin, tri thức, kỹ thuật công nghệ mới, thương mại điện tử, mạng máy tính, an toàn và bảo mật thông tin, hệ thống thông tin địa lý, xử lý ảnh viễn thám và phân tích không gian, trí tuệ nhân tạo, biến đổi khí hậu, tính toán, dự báo, mô phỏng các quá trình thay đổi trong môi trường không khí, nước, dự báo, giám sát, phân tích thông tin, hỗ trợ ra quyết định. ELO 4: Lập được kế hoạch để phát triển các dự án HTTT trong các công ty, tổ chức kinh tế tư nhân và nhà nước, cũng như các viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo. ELO 5: Tổ chức được các nhóm phát triển HTTT trong các công ty, tổ chức kinh tế tư nhân và nhà nước, cũng như các viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo. Kỹ năng ELO 6: Vận dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học, phương pháp làm việc độc lập, khả năng tổ chức hợp tác trong thực hiện nhiệm vụ và khả năng trình bày báo cáo các kết quả NCKH. ELO 7: Ứng dụng các công nghệ mới, hiện đại như công nghệ dữ liệu lớn, an toàn và bảo mật thông tin, khôi phục dữ liệu, khai phá dữ liệu, trực quan hóa dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, kiến thức liên ngành như xử lý ảnh viễn thám và phân tích không gian, tính toán, dự báo, mô phỏng các quá trình thay đổi trong môi trường không khí, nước, hỗ trợ ra quyết định vào các bài toán thuộc lĩnh vực HTTT, quản lý Tài nguyên, Môi trường. ELO 8: Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác. ELO 9: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi, đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. ELO 10: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp. ELO 11: Sử dụng được các tài liệu tiếng Anh chuyên ngành trong việc học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ và các công việc chuyên môn. Đạt

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
		được chứng nhận/chứng chỉ theo Quy định hiện hành về chuẩn đầu ra Tiếng Anh, Tin học để xét tốt nghiệp của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. Năng lực tự chủ và trách nhiệm ELO 12: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, tự định hướng, đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. ELO 13: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. ELO 14: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động trong nhóm hoặc trong tổ chức. ELO 15: Chấp hành nghiêm minh pháp luật của Nhà nước và quy định của cơ quan, làm việc với tinh thần kỷ luật, tính chuyên nghiệp cao, có lối sống lành mạnh; yêu nghề, có đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp, có ý thức trách nhiệm cao với công việc được giao; năng động, bản lĩnh, tự tin, cầu tiến; hợp tác thân thiện với đồng nghiệp và có tinh thần ý thức trách nhiệm phục vụ cộng đồng.
2	Chuẩn đầu vào	Người học đã tốt nghiệp trung học phổ thông và đạt điều kiện trúng tuyển vào Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.
8. Chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin		
1	Chuẩn đầu ra	Kiến thức ELO 1: Hiểu và vận dụng kiến thức về lý luận chính trị vào công tác chuyên môn và cuộc sống. ELO 2: Hiểu và vận dụng kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội vào ngành đào tạo để giải quyết các vấn đề liên quan. ELO 3: Vận dụng kiến thức nền tảng của ngành CNTT, quản lý Tài nguyên, Môi trường và ứng dụng vào thực tiễn liên quan đến dữ liệu, thông tin, tri thức, kỹ thuật công nghệ mới, thương mại điện tử, mạng máy tính, an toàn và bảo mật thông tin, hệ thống thông tin địa lý, xử lý ảnh viễn thám và phân tích không gian, trí tuệ nhân tạo, biến đổi khí hậu, tính toán, dự báo, mô phỏng các quá trình thay đổi trong môi trường không khí, nước, dự báo, giám sát, phân tích thông tin, hỗ trợ ra quyết định. ELO 4: Lập được kế hoạch để phát triển các dự án CNTT trong các công ty, tổ chức kinh tế tư nhân và nhà nước, cũng như các viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo. ELO 5: Tổ chức được các nhóm phát triển CNTT trong các công ty, tổ chức kinh tế tư nhân và nhà nước, cũng như các viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo. Kỹ năng ELO 6: Vận dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học, phương pháp làm việc độc lập, khả năng tổ chức hợp tác trong thực hiện nhiệm vụ và khả năng trình bày báo cáo các kết quả NCKH. ELO 7: Ứng dụng các công nghệ mới, hiện đại như công nghệ dữ liệu lớn, an toàn và bảo mật thông tin, khôi phục dữ liệu, khai phá dữ liệu,

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
		trực quan hóa dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, kiến thức liên ngành như xử lý ảnh viễn thám và phân tích không gian, tính toán, dự báo, mô phỏng các quá trình thay đổi trong môi trường không khí, nước, hỗ trợ ra quyết định vào các bài toán thuộc lĩnh vực CNTT, quản lý Tài nguyên, Môi trường. ELO 8: Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác. ELO 9: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi, đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. ELO 10: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp. ELO 11: Sử dụng được các tài liệu tiếng Anh chuyên ngành trong việc học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ và các công việc chuyên môn. Đạt được chứng nhận/chứng chỉ theo Quy định hiện hành về chuẩn đầu ra Tiếng Anh, Tin học để xét tốt nghiệp của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. Năng lực tự chủ và trách nhiệm ELO 12: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, tự định hướng, đưa ra các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. ELO 13: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. ELO 14: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động trong nhóm hoặc trong tổ chức. ELO 15: Chấp hành nghiêm minh pháp luật của Nhà nước và quy định của cơ quan, làm việc với tinh thần kỷ luật, tính chuyên nghiệp cao, có lối sống lành mạnh; yêu nghề, có đạo đức cá nhân và đạo đức nghề nghiệp, có ý thức trách nhiệm cao với công việc được giao; năng động, bản lĩnh, tự tin, cầu tiến; hợp tác thân thiện với đồng nghiệp và có tinh thần ý thức trách nhiệm phục vụ cộng đồng.
2	Chuẩn đầu vào	Người học đã tốt nghiệp trung học phổ thông và đạt điều kiện trúng tuyển vào Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.
9. Chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học		
1	Chuẩn đầu ra	Kiến thức ELO 1: Vận dụng kiến thức cơ bản của các môn lý luận chính trị để giải thích bản chất của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội; vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết những vấn đề trong công tác chuyên môn và đời sống. ELO 2: Ứng dụng được các kiến thức về khoa học tự nhiên (toán, lý, hóa) làm nền tảng để học tập các môn cơ sở cơ sở ngành, nhóm ngành và chuyên ngành. ELO 3: Áp dụng được các kiến thức liên ngành công nghệ hóa học -vật

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
		liệu để mô tả và phân tích tương tác của các đối tượng này và môi trường xung quanh, làm nền tảng cho các học phần kiến thức ngành công nghệ kỹ thuật hóa học. ELO 4: Liên kết được các kiến thức liên ngành về khoa học và kỹ thuật để hiểu, phân tích và đánh giá được các giải pháp kỹ thuật nhằm giải quyết các vấn đề về công nghệ kỹ thuật hóa học và các lĩnh vực có liên quan. ELO 5: Vận dụng được các kiến thức chuyên môn để giải quyết các vấn đề về hóa học ứng dụng vào đời sống và sản xuất công nghiệp, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, đáp ứng mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững trong thời đại công nghệ 4.0. Kỹ năng ELO 6: Đạt được chứng nhận/chứng chỉ theo Quy định hiện hành về chuẩn đầu ra Tiếng Anh, Tin học để xét tốt nghiệp của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. ELO 7: Thực hiện hiệu quả kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, phương pháp làm việc độc lập, làm việc nhóm và tìm kiếm thông tin, tài liệu, công nghệ mới để tự học tập, nghiên cứu, nâng cao trình độ. ELO 8: Khả năng nhận diện, diễn đạt, và giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong quá trình hoạt động thực tiễn thuộc lĩnh vực hóa học, vật liệu, môi trường; khả năng sử dụng phần mềm và các công cụ hiện đại phục vụ học tập, nghiên cứu và làm việc sau khi tốt nghiệp. Năng lực tự chủ và trách nhiệm ELO 9: Thực hiện được hiệu quả phương pháp làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức về lợi ích tập thể; sẵn sàng chia sẻ kiến thức và ứng dụng chuyên môn để nâng cao nhận thức cộng đồng. ELO 10: Có năng lực tự học tập ở mức cao hơn và luôn trau dồi tổng hợp kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp thời đại mới.
2	Chuẩn đầu vào	Người học đã tốt nghiệp trung học phổ thông và đạt điều kiện trúng tuyển vào Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.
10. Chương trình đào tạo ngành Công nghệ vật liệu		
1	Chuẩn đầu ra	Kiến thức ELO 1: Vận dụng kiến thức cơ bản của các môn lý luận chính trị để giải thích bản chất của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội; vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết những vấn đề trong công tác chuyên môn và đời sống. ELO 2: Ứng dụng được các kiến thức về khoa học tự nhiên (toán, lý, hóa) làm nền tảng để học tập các môn cơ sở ngành và chuyên ngành. ELO 3: Áp dụng được các kiến thức liên ngành hóa học, sinh học và vật liệu để mô tả, phân tích, các phản ứng vật lý, hóa học, đánh giá các tính chất của vật liệu tiên tiến và lựa chọn vật liệu phù hợp cho các ứng dụng cụ thể, làm nền tảng cho các học phần chuyên ngành. ELO 4: Liên kết được các kiến thức liên ngành về khoa học và kỹ thuật để phân tích và tối ưu các quy trình tổng hợp các loại vật liệu tiên tiến,

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
		các vật liệu cơ sở trong lĩnh vực tài nguyên môi trường, đặc biệt là vật liệu nano là nền tảng của cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật của thế kỷ 21. ELO 5: Vận dụng các kiến thức chuyên ngành để đánh giá được khả năng ứng dụng các vật liệu, đặc biệt ứng dụng định hướng trong các lĩnh vực xử lý môi trường, tái chế, tái sử dụng hiệu quả và trong ứng dụng công nghệ năng lượng xanh phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững trong thời đại công nghiệp 4.0. Kỹ năng ELO 6: Đạt được chứng nhận/chứng chỉ theo Quy định hiện hành về chuẩn đầu ra Tiếng Anh, Tin học để xét tốt nghiệp của Trường Đại học tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. ELO 7: Thực hiện tốt các kỹ năng; viết và thuyết trình; làm việc nhóm; giao tiếp; đàm phán và thương lượng. ELO 8: Kỹ năng làm việc trong phòng thí nghiệm: sử dụng được các công cụ, thiết bị chuyên ngành một cách hiệu quả và sáng tạo, đảm bảo an toàn lao động. Phát triển các kỹ năng phát hiện vấn đề, thu thập tài liệu và tìm kiếm thông tin, kỹ năng triển khai nghiên cứu và khám phá, sáng tạo tại phòng thí nghiệm, rèn luyện các kỹ năng viết báo cáo và công bố trên các tạp chí chuyên ngành. Năng lực tự chủ và trách nhiệm ELO 9 : Thực hiện được hiệu quả phương pháp làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức về lợi ích tập thể; sẵn sàng chia sẻ kiến thức và ứng dụng chuyên môn để nâng cao nhận thức cộng đồng. ELO 10 : Có năng lực tự học tập ở mức cao hơn và luôn trau dồi tổng hợp kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp thời đại mới.
2	Chuẩn đầu vào	Người học đã tốt nghiệp trung học phổ thông và đạt điều kiện trúng tuyển vào Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.
11. Chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường		
1	Chuẩn đầu ra	Kiến thức ELO 1: Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên, tin học ngoại ngữ để giải quyết những vấn đề trong công tác chuyên môn và đời sống. ELO 2: Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành vào việc xác định các vấn đề môi trường, phân tích, đánh giá và đề xuất phương án công nghệ phù hợp kiểm soát chất thải, xử lý nước cấp trong từng trường hợp cụ thể. ELO 3: Thực hiện được công việc khảo sát lập kế hoạch, thiết kế các công trình xử lý chất thải, nước cấp phù hợp với yêu cầu thực tế, thi công, vận hành, giám sát, kiểm tra đánh giá, quản lý kỹ thuật, xử lý sự cố đối với các công trình/ hệ thống công nghệ môi trường ELO 4: Vận dụng các nguyên lý cơ bản vào hoạt động nghiên cứu, triển khai ứng dụng công nghệ kỹ thuật môi trường. ELO 5: Liên kết được các kiến thức liên ngành Tài nguyên và bảo vệ môi trường, phát triển bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu.

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
		Kỹ năng ELO 6: Hình thành và phát triển kỹ năng tổng hợp, phân tích, đánh giá dữ liệu và thông tin để đề xuất các giải pháp công nghệ kỹ thuật môi trường và quản trị doanh nghiệp. ELO 7: Phát triển kỹ năng khảo sát, thiết kế, giám sát và quản lý kỹ thuật các hệ thống xử lý chất thải, nước cấp; Các kỹ thuật vận hành, quan trắc phân tích các chỉ tiêu môi trường và giải quyết được các sự cố kỹ thuật xảy ra trong quá trình vận hành các hệ thống xử lý chất thải, nước cấp. ELO 8: Thực hiện hiệu quả kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, phương pháp làm việc độc lập, nhóm; kỹ năng trình bày một báo cáo chuyên môn hoàn chỉnh phù hợp xu hướng phát triển của ngành. ELO 9: Đạt được chứng nhận/chứng chỉ theo Quy định hiện hành về chuẩn đầu ra Tiếng Anh, Tin học để xét tốt nghiệp của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. - Tin học chuyên ngành: Vận dụng công nghệ kỹ thuật số trong học tập, nghiên cứu khoa học, công việc liên quan đến lĩnh vực công nghệ kỹ thuật môi trường. Năng lực tự chủ và trách nhiệm ELO 10: Thích nghi tốt với các môi trường làm việc yêu nghề, có trách nhiệm với cộng đồng. ELO 11: Có năng lực định hướng nghiên cứu khoa học, quản lý và giải quyết tốt công việc chuyên môn và hướng dẫn người khác thực hiện công việc chuyên môn ELO 12: Có ý thức tự rèn luyện sức khỏe, phẩm chất đạo đức công dân sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, và học tập suốt đời.
2	Chuẩn đầu vào	Người học đã tốt nghiệp trung học phổ thông và đạt điều kiện trúng tuyển vào Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.
12. Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật trắc địa – Bản đồ		
1	Chuẩn đầu ra	Kiến thức ELO 1: Vận dụng các lý thuyết sai số, thu nhận, xử lý dữ liệu địa lý bằng các công nghệ chuyên dụng trong trắc địa bản đồ, viễn thám và GIS phù hợp với yêu cầu của quy chuẩn, quy trình, quy phạm chuyên ngành để triển khai, giải quyết, hỗ trợ ra quyết định các vấn đề liên ngành tài nguyên môi trường và các lĩnh vực khác có nhu cầu về trắc địa bản đồ, viễn thám và GIS trong xã hội. ELO 2: Vận dụng kiến thức cơ bản của các môn lý luận chính trị để giải thích bản chất của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội; kiến thức pháp luật để giải quyết những vấn đề liên quan trong công tác chuyên môn và đời sống. ELO 3: Ứng dụng được các kiến thức cơ bản về toán, vật lý, tin học để mô phỏng, giải thích và xử lý số liệu trong hoạt động sản xuất trắc địa bản đồ, viễn thám và GIS. ELO 4: Lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các công đoạn từ khảo sát, điều tra, thiết kế, thi công, nghiệm thu các nhiệm vụ trong dự án sản

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
		xuất trắc địa, bản đồ, viễn thám và GIS ELO 5: Sắp xếp được các nguồn lực để quản lý, điều hành hoạt động của tổ chức, dự án trong lĩnh vực trắc địa bản đồ, viễn thám và GIS Kỹ năng ELO 6: Đạt được chứng nhận/chứng chỉ theo Quy định hiện hành về chuẩn đầu ra Tiếng Anh, Tin học để xét tốt nghiệp của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh ELO 7: Thích ứng được với các thiết bị đo đạc, các phần mềm chuyên dụng để triển khai tất cả các công việc nhiệm vụ từ khi bắt đầu tới khi kết thúc dự án trong lĩnh vực chuyên môn trắc địa bản đồ, viễn thám và GIS ELO 8: Thực hiện được các kỹ năng: dẫn dắt, khởi nghiệp và điều hành để tạo việc làm cho mình và cho người khác trong các lĩnh vực ứng dụng trắc địa bản đồ, viễn thám và GIS ELO 9: Thực hành tốt kỹ năng tự học nâng cao trình độ, phản biện và tự phản biện, phê phán và tự phê phán, sử dụng được các giải pháp thay thế trong điều kiện cuộc phát triển công nghệ lần thứ từ đang diễn ra nhanh chóng và có tốc độ thay đổi công nghệ cao, khó đoán định ELO 10: Đánh giá chất lượng công việc của các thành viên trong đơn vị, tổ chức sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực trắc địa bản đồ, viễn thám và GIS ELO 11: Trình bày hiệu quả các vấn đề chuyên môn bằng văn bản và thuyết trình trong quá trình triển khai cuộc họp, dự án thuộc lĩnh vực chuyên môn cho nhiều người và nhiều nhóm người cùng thực hiện. Năng lực tự chủ và trách nhiệm ELO 12: Tổ chức các hoạt động chuyên môn độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong các điều kiện hoàn cảnh thực tế khác nhau một cách trách nhiệm với công việc được giao, phụ trách. ELO 13: Sẵn sàng hỗ trợ, hướng dẫn và giám sát các thành viên trong nhóm, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ liên quan tới lĩnh vực trắc địa bản đồ, viễn thám và GIS ELO 14: Tự định hướng, đưa ra kết luận và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân cho các ý tưởng, công việc chuyên môn trắc địa bản đồ, viễn thám và GIS ELO 15: Chịu trách nhiệm với vai trò là thành viên hoặc chủ trì cho việc lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động của nhiệm vụ, dự án về trắc địa bản đồ, viễn thám và GIS.
2	Chuẩn đầu vào	Người học đã tốt nghiệp trung học phổ thông và đạt điều kiện trúng tuyển vào Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.
13. Chương trình đào tạo ngành Quản lý đô thị và công trình		
1	Chuẩn đầu ra	Kiến thức ELO 1: Vận dụng kiến thức cơ bản của các môn lý luận chính trị để giải thích bản chất của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội; kiến thức pháp luật để giải quyết những vấn đề liên quan trong công tác chuyên môn và đời sống.

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
		ELO 2: Ứng dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên vào nghiên cứu các học phần tiếp về kiến thức ngành và chuyên ngành Quản lý đô thị và công trình. ELO 3: Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành bao gồm các kiến thức về kinh tế, kiến trúc, môi trường, kỹ thuật... làm nền tảng cho ngành học. ELO 4: Vận dụng được các kiến thức chuyên môn về chuyên ngành gắn liền lý thuyết với thực tiễn về hệ thống kỹ thuật hạ tầng đô thị, kỹ năng quản lý kỹ thuật hạ tầng đô thị và ứng dụng các phần mềm, phương tiện, công cụ hiện đại vào quản lý kỹ thuật hạ tầng đô thị. ELO 5: Vận dụng các kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng các yêu cầu công việc trong công tác quản lý hệ thống kỹ thuật hạ tầng đô thị. Kỹ năng ELO 6: Vận dụng các quy trình - quy phạm... để thực hiện các nghiệp vụ về quản lý đô thị và công trình như: lập và phân tích dự án đô thị, quản lý quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị, quản lý phát triển khu đô thị, quản lý nhà ở đô thị, quản lý công trình ngầm đô thị, quản lý tài nguyên và môi trường, quản lý xây dựng công trình đô thị... ELO 7: Đạt được chứng nhận/chứng chỉ theo Quy định hiện hành về chuẩn đầu ra Tiếng Anh/ Tin học để xét tốt nghiệp của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, người học vận dụng ngôn ngữ tiếng Anh trong hoạt động giao tiếp, trao đổi hoàn thành báo cáo công việc chuyên môn, hội nhập theo xu hướng quốc tế hóa. ELO 8: Hoàn thiện khả năng kết nối, truyền cảm hứng để làm việc theo nhóm nhằm giải quyết vấn đề đa phương, khởi nghiệp tạo việc làm cho mình và cho người khác. ELO 9: Thực hiện khả năng phân tích logic, khả năng tư duy phản biện, khả năng truyền đạt tri thức với người cùng ngành và với những người khác để giải quyết và đánh giá kết quả thực hiện công việc của bản thân, tập thể. Năng lực tự chủ và trách nhiệm ELO 10: Có ý thức trách nhiệm cá nhân hoặc trách nhiệm trước tập thể khi làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong quá trình giải quyết các vấn đề của tổ chức. ELO 11: Chia sẻ, hướng dẫn, giám sát các thành viên khác trong tổ chức để thực hiện nhiệm vụ trong chuyên môn. ELO 12: Tự định hướng, đề xuất các giải pháp và phản biện rồi đưa ra kết luận chuyên môn dựa trên kiến thức và nghiên cứu được đào tạo khi thuyết trình, bảo vệ các đề án, dự án, công trình, đề tài nghiên cứu trong quản lý đô thị và công trình. ELO 13: Tự hoạch định, sử dụng nguồn lực để tiến hành các đề án, dự án, công trình đồng thời giám sát, theo dõi tiến độ nhằm đánh giá và cải thiện các hoạt động trong quá trình thực hiện. ELO 14: Xác định vai trò, tác động của ngành nghề đến xã hội và các

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
		yêu cầu của xã hội đối với ngành nghề trong bối cảnh hiện tại, tương lai, ở trong nước và quốc tế.
2	Chuẩn đầu vào	Người học đã tốt nghiệp trung học phổ thông và đạt điều kiện trúng tuyển vào Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.
14. Chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật cấp thoát nước		
1	Chuẩn đầu ra	Kiến thức ELO 1: Vận dụng được kiến thức cơ bản của các môn lý luận chính trị để giải thích bản chất của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội; vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết những vấn đề trong công tác chuyên môn và đời sống; ELO 2: Vận dụng tốt các kiến thức về khoa học tự nhiên và cơ sở ngành làm nền tảng để học tập các môn chuyên ngành cũng như trong công tác nghiên cứu và giải quyết các công việc chuyên môn; ELO 3: Áp dụng linh hoạt kiến thức thực tế và lý thuyết ngành KTCTN sâu, rộng, tiên tiến vào các bài tập, đồ án môn học và đồ án tốt nghiệp; ELO 4: Vận dụng được kiến thức chung về quản trị, quản lý và liên ngành có liên quan để giải quyết nhiệm vụ thiết kế và vận hành hiệu quả hệ thống Cấp thoát nước; Kỹ năng ELO 5: Đạt được chứng nhận/chứng chỉ theo quy định hiện hành về Chuẩn đầu ra tiếng Anh, Tin học để xét tốt nghiệp của Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh; ELO 6: Ứng dụng các nền tảng công nghệ thông tin cần thiết phục vụ thiết kế, mô hình hóa trong ngành Cấp thoát nước; ELO 7: Thực hiện hoàn chỉnh một vài thiết kế mới, cải tạo, nâng cấp các công trình trong hệ thống Cấp thoát nước; ELO 8: Đánh giá đúng nội dung các thông tin, tài liệu chuyên ngành và liên ngành từ nhiều nguồn khác nhau; nghiên cứu và kết hợp được các công nghệ mới để phục vụ lĩnh vực chuyên môn; ELO 9: Truyền đạt, phản biện được và dễ hiểu các vấn đề chuyên môn ngành KTCTN với người cùng ngành và với những người khác. Năng lực tự chủ và trách nhiệm ELO 10: Thực hiện hiệu quả phương pháp làm việc độc lập và làm việc nhóm, quản lý thời gian hiệu quả; Hòa nhập môi trường làm việc nhanh, tự định hướng và hướng dẫn người khác trong lĩnh vực chuyên môn; Thực hiện hiệu quả việc tự học và học trọn đời; ELO 11: Ý thức được tính quan trọng nghề nghiệp với đời sống xã hội; Chấp hành tốt những quy định pháp luật để xử lý các quan hệ cá nhân và trong công việc; hình thành thói quen sống và làm việc theo pháp luật chung, pháp luật chuyên ngành và lòng ghép ý thức bảo vệ môi trường vào cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp.
2	Chuẩn đầu vào	Người học đã tốt nghiệp trung học phổ thông và đạt điều kiện trúng tuyển vào Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.
15. Chương trình đào tạo ngành Quản lý tài nguyên và môi trường		
1	Chuẩn đầu ra	CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Kiến thức:

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
		ELO 1: Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên và xã hội, tin học, ngoại ngữ để giải thích bản chất của sự vật, hiện tượng và giải quyết những vấn đề trong công tác chuyên môn và đời sống. ELO 2: Vận dụng được các kiến thức lý thuyết và kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để phân tích, tổng hợp, đánh giá các hiện trạng, giải thích các hiện tượng, quy luật, xu hướng diễn biến, hậu quả đến tài nguyên - môi trường. ELO 3: Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành quản lý tài nguyên và môi trường vào thực tế như các kiến thức về kỹ thuật, công nghệ xử lý, kiểm soát ô nhiễm, quan trắc môi trường, mô hình hoá, qui hoạch.. và kiến thức thực tế từ các đợt thực tập để phân tích, đánh giá, dự báo và đề xuất các giải pháp quản lý, kỹ thuật nhằm giảm thiểu tác động, kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ tài nguyên - môi trường. ELO 4: Vận dụng các công cụ quản lý, kỹ thuật môi trường hiện có để đề xuất các giải pháp, qui trình quản lý phục vụ công tác bảo vệ môi trường - tài nguyên, phát triển bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu. ELO 5: Thực hiện được công việc xây dựng kế hoạch, tổ chức và thực hiện các chương trình quan trắc môi trường; sử dụng được các thiết bị phân tích môi trường; khảo sát hiện trường và thu thập mẫu và phân tích đánh giá trong phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn quy định; các qui trình thanh, kiểm tra, xử phạt và cấp phép môi trường hiện hành. Kỹ năng: ELO 6: Hình thành và phát triển kỹ năng tổng hợp, phân tích, đánh giá dữ liệu và thông tin để đề xuất các giải pháp quản lý môi trường và quản trị doanh nghiệp một cách khoa học và logic. ELO 7: Vận dụng thành thạo các văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn của Nhà nước, các công cụ quản lý môi trường, các phương pháp thống kê, xử lý số liệu, phương pháp mô hình hoá, phương pháp tham vấn cộng đồng, điều tra xã hội học, phương pháp xác định và giải quyết vấn đề,...để đánh giá tác động môi trường và xã hội; lập báo cáo hiện trạng môi trường và các báo cáo môi trường định kỳ trong quản lý môi trường; hoàn thành các hồ sơ, thủ tục môi trường trong doanh nghiệp; kiểm soát an toàn, sức khỏe và vệ sinh môi trường làm việc. ELO 8: Thực hiện giao tiếp tốt thông qua viết báo cáo, thuyết trình, thảo luận nhóm và huấn luyện, phổ biến kiến thức trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. ELO 9: Đạt được chứng nhận/chứng chỉ theo Quy định hiện hành về chuẩn đầu ra Tiếng Anh, Tin học để xét tốt nghiệp của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân ELO 10: Tự định hướng nghiên cứu giải pháp khoa học, thích nghi với môi trường làm việc liên ngành và đa ngành và thích ứng cao với sự thay đổi môi trường làm việc; ELO 11: Thể hiện khả năng làm việc độc lập, tác phong làm việc khoa học, sẵn sàng hướng dẫn, phối hợp với người khác thực hiện tốt các

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
		nhiệm vụ, cải tiến để nâng cao hiệu quả công việc, làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm tập thể, trách nhiệm xã hội.. ELO 12: Thể hiện thái độ, tác phong làm việc nghiêm túc, trung thực trong công tác chuyên môn, tinh thần học hỏi cầu tiến, hành xử chuyên nghiệp, chủ động lên kế hoạch nghề nghiệp của mình, luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực của mình CHUYÊN NGÀNH MÔI TRƯỜNG, SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN Kiến thức: ELO 1: Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên và xã hội, tin học, ngoại ngữ để giải thích bản chất của sự vật, hiện tượng và giải quyết những vấn đề trong công tác chuyên môn và đời sống. ELO 2: Vận dụng được các kiến thức lý thuyết và kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để phân tích, tổng hợp, đánh giá các hiện trạng, giải thích các hiện tượng, quy luật, xu hướng diễn biến, hậu quả đến tài nguyên - môi trường. ELO 3: Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành quản lý tài nguyên và môi trường vào thực tế như các kiến thức về kỹ thuật, công nghệ xử lý, kiểm soát ô nhiễm, quan trắc môi trường, mô hình hoá, qui hoạch... và kiến thức thực tế từ các đợt thực tập để phân tích, đánh giá, dự báo và đề xuất các giải pháp quản lý, kỹ thuật nhằm giảm thiểu tác động, kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ tài nguyên - môi trường. ELO 4: Vận dụng các công cụ quản lý, kỹ thuật môi trường hiện có để đề xuất các giải pháp, qui trình quản lý phục vụ công tác bảo vệ môi trường - tài nguyên, phát triển bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu. ELO 5: Thực hiện được công việc xây dựng kế hoạch, tổ chức và thực hiện các chương trình quan trắc môi trường; sử dụng được các thiết bị phân tích môi trường; khảo sát hiện trường và thu thập mẫu và phân tích đánh giá trong phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn quy định; thực hiện các quy trình về kiểm soát an toàn, sức khỏe và môi trường; các qui trình thanh, kiểm tra, xử phạt và cấp phép môi trường hiện hành. Kỹ năng: ELO 6: Hình thành và phát triển kỹ năng tổng hợp, phân tích, đánh giá dữ liệu và thông tin để đề xuất các giải pháp an toàn cho người lao động, cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường và quản trị doanh nghiệp một cách khoa học và logic. ELO 7: Vận dụng thành thạo các văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn của Nhà nước, các công cụ quản lý môi trường, các phương pháp thống kê, xử lý số liệu, phương pháp mô hình hoá, phương pháp tham vấn cộng đồng, điều tra xã hội học, phương pháp xác định và giải quyết vấn đề,...để đánh giá tác động môi trường và xã hội; lập báo cáo hiện trạng môi trường và các báo cáo môi trường định kỳ trong quản lý môi trường; hoàn thành các hồ sơ, thủ tục môi trường trong doanh nghiệp; kiểm soát an toàn, sức khỏe và vệ sinh môi trường làm việc. ELO 8: Thực hiện giao tiếp tốt thông qua viết báo cáo, thuyết trình, thảo

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
		luận nhóm và huấn luyện, phổ biến kiến thức trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. ELO 9: Đạt được chứng nhận/chứng chỉ theo Quy định hiện hành về chuẩn đầu ra Tiếng Anh, Tin học để xét tốt nghiệp của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân ELO 10: Tự định hướng nghiên cứu giải pháp khoa học, thích nghi với môi trường làm việc liên ngành và đa ngành và thích ứng cao với sự thay đổi môi trường làm việc; ELO 11: Thể hiện khả năng làm việc độc lập, tác phong làm việc khoa học, sẵn sàng hướng dẫn, phối hợp với người khác thực hiện tốt các nhiệm vụ, cải tiến để nâng cao hiệu quả công việc, làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm tập thể, trách nhiệm xã hội. CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ Kiến thức: ELO 1: Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, khoa học tự nhiên và xã hội, tin học, ngoại ngữ để giải thích bản chất của sự vật, hiện tượng và giải quyết những vấn đề trong công tác chuyên môn và đời sống. ELO 2: Vận dụng được các kiến thức lý thuyết và kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để phân tích, tổng hợp, đánh giá các hiện trạng, giải thích các hiện tượng, quy luật, xu hướng diễn biến, hậu quả đến tài nguyên - môi trường. ELO 3: Vận dụng được các kiến thức chuyên ngành quản lý tài nguyên và môi trường vào thực tế như các kiến thức về kỹ thuật, công nghệ xử lý, kiểm soát ô nhiễm, quan trắc môi trường, mô hình hoá, qui hoạch.. và kiến thức thực tế từ các đợt thực tập để phân tích, đánh giá, dự báo và đề xuất các giải pháp quản lý, kỹ thuật nhằm giảm thiểu tác động, kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ tài nguyên - môi trường. ELO 4: Vận dụng các công cụ quản lý, kỹ thuật môi trường hiện có để đề xuất các giải pháp, qui trình quản lý phục vụ công tác bảo vệ môi trường - tài nguyên, phát triển bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu. ELO 5: Thực hiện được công việc xây dựng kế hoạch, tổ chức và thực hiện các chương trình quan trắc môi trường; sử dụng được các thiết bị phân tích môi trường; các qui trình thanh, kiểm tra, xử phạt và cấp phép môi trường hiện hành. Kỹ năng: ELO 6: Hình thành và phát triển kỹ năng tổng hợp, phân tích, đánh giá dữ liệu và thông tin để đề xuất các giải pháp quản lý môi trường và quản trị doanh nghiệp một cách khoa học và logic. ELO 7: Vận dụng thành thạo các văn bản pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn của Nhà nước, các công cụ quản lý môi trường, các phương pháp thống kê, xử lý số liệu, phương pháp mô hình hoá, phương pháp tham vấn cộng đồng, điều tra xã hội học, phương pháp xác định và giải quyết

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
		vấn đề,...để đánh giá tác động môi trường và xã hội; lập báo cáo hiện trạng môi trường và các báo cáo môi trường định kỳ trong quản lý môi trường; hoàn thành các hồ sơ, thủ tục môi trường trong doanh nghiệp; kiểm soát an toàn, sức khỏe và vệ sinh môi trường làm việc. ELO 8: Thực hiện giao tiếp tốt thông qua viết báo cáo, thuyết trình, thảo luận nhóm và huấn luyện, phổ biến kiến thức trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. ELO 9: Đạt được chứng nhận/chứng chỉ theo Quy định hiện hành về chuẩn đầu ra Tiếng Anh, Tin học để xét tốt nghiệp của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân ELO 10: Tự định hướng nghiên cứu giải pháp khoa học, thích nghi với môi trường làm việc liên ngành và đa ngành và thích ứng cao với sự thay đổi môi trường làm việc; ELO 11: Thể hiện khả năng làm việc độc lập, tác phong làm việc khoa học, sẵn sàng hướng dẫn, phối hợp với người khác thực hiện tốt các nhiệm vụ, cải tiến để nâng cao hiệu quả công việc, làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm tập thể, trách nhiệm xã hội,. ELO 12: Thể hiện thái độ, tác phong làm việc nghiêm túc, trung thực trong công tác chuyên môn, tinh thần học hỏi cầu tiến, hành xử chuyên nghiệp, chủ động lên kế hoạch nghề nghiệp của mình, luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực của mình
2	Chuẩn đầu vào	Người học đã tốt nghiệp trung học phổ thông và đạt điều kiện trúng tuyển vào Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.
16. Chương trình đào tạo ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên		
1	Chuẩn đầu ra	Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên sinh viên đạt được các kỹ năng và kiến thức toàn diện, đủ năng lực để phát triển bền vững cũng như dễ dàng hòa nhập với nền tri thức quốc tế Kiến thức ELO 1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về kinh tế, chính trị, xã hội và pháp luật vào việc giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động khai thác và quản lý kinh tế tài nguyên môi trường theo quan điểm khoa học kinh tế. ELO 2: Ứng dụng các kiến thức về khoa học tự nhiên làm nền tảng để học tập các môn cơ sở ngành và chuyên ngành cũng như trong công tác nghiên cứu và giải quyết các công việc chuyên môn. ELO 3: Triển khai các hoạt động, các dự án kinh tế-xã hội của các tổ chức, doanh nghiệp liên quan các lĩnh vực khai thác tái tạo tài nguyên và bảo vệ môi trường, phát triển bền vững. ELO 4: Thực hiện được việc định giá tài nguyên, giá trị tổn hại trong lĩnh vực tài nguyên, thẩm định giá tài sản nguồn lực nói chung và liên quan đến các lĩnh vực tài nguyên môi trường nói riêng. ELO 5: Áp dụng hệ thống chính sách thuế, phí, quản lý tài chính, kế toán trong hoạt động ở các tổ chức, các doanh nghiệp.

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
		Kỹ năng ELO 6: Vận dụng các kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng các yêu cầu công nghệ trong lĩnh vực kinh tế môi trường cũng như hệ thống tài nguyên thiên nhiên. ELO 7: Đạt được chứng nhận/chứng chỉ theo Quy định hiện hành về chuẩn đầu ra Tiếng Anh/Tin học để xét tốt nghiệp của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, người học vận dụng ngôn ngữ tiếng Anh trong hoạt động giao tiếp, trao đổi, hoàn thành báo cáo công việc chuyên môn, hội nhập theo xu hướng quốc tế hóa. ELO 8: Thực hiện tốt kỹ năng thuyết trình, giao tiếp và chuẩn mực trong phát ngôn để phân tích các vấn đề về quản lý, kinh tế tài nguyên môi trường. ELO 9: Xây dựng được các giải pháp thay thế và có khả năng phản biện trong điều kiện môi trường kinh doanh thay đổi. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm ELO 10: Thể hiện các chuẩn mực về đạo đức, tuân thủ luật pháp và thực thi trách nhiệm xã hội trong quá trình làm việc. ELO 11: Chứng minh được quan điểm cá nhân trong việc đưa ra kết luận khi thuyết trình, bảo vệ các dự án, công trình, đề tài nghiên cứu. ELO 12: Triển khai tốt công tác lãnh đạo, điều hành, hợp tác trong nhóm để đạt mục tiêu của tổ chức, của doanh nghiệp. ELO 13: Thực hiện việc lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động giải quyết công việc thực tiễn.
2	Chuẩn đầu vào	Người học đã tốt nghiệp trung học phổ thông và đạt điều kiện trúng tuyển vào Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.
17. Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai		
1	Chuẩn đầu ra	Kiến thức ELO 1: Vận dụng kiến thức cơ bản của triết học và lý luận chính trị để giải thích bản chất của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội; vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết những vấn đề trong công tác chuyên môn và đời sống. ELO 2: Ứng dụng các kiến thức khoa học cơ bản về tự nhiên, xã hội và tư duy làm nền tảng để học tập các môn cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành cũng như trong công tác nghiên cứu và giải quyết các công việc chuyên môn. ELO 3: Liên kết được các kiến thức cơ sở về các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bao gồm đất, nước, động thực vật và khoáng sản, sinh thái, môi trường và khí hậu, cùng với các kiến thức về kỹ thuật trắc địa bản đồ và công nghệ GIS làm nền tảng cho việc học tập các môn học chuyên ngành. ELO 4: Vận dụng được các phương pháp suy luận và các văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai để hiểu về hệ thống và tổ chức thực hiện các nghiệp vụ chuyên ngành về quản lý đất đai.

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
		ELO 5: Áp dụng được các quy trình, quy phạm và các giải pháp kỹ thuật - công nghệ trong việc tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ quản lý đất đai trong các lĩnh vực: Địa chính, Quy hoạch đất đai, Giám sát và bảo vệ tài nguyên đất đai, Kinh tế và phát triển đất đai và Hệ thống thông tin quản lý đất đai. ELO 6: Phát triển được các kiến thức chuyên ngành đã học để đề xuất các giải pháp về cơ chế pháp lý, hành chính, kinh tế và tổ chức, cũng như các giải pháp kỹ thuật và công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý đất đai như sử dụng đất đai hiệu quả, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với sự thay đổi của điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và công nghệ theo định hướng phát triển của nhà nước. Kỹ năng ELO 7: Đạt được chứng nhận/ chứng chỉ theo Quy định hiện hành về chuẩn đầu ra Tiếng Anh, Tin học để xét tốt nghiệp của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. ELO 8: Sử dụng được các phần mềm chuyên ngành phục vụ cho công việc chuyên môn. ELO 9: Thực hiện tốt các kỹ năng trong giao tiếp, hợp tác, đàm phán, quản lý mâu thuẫn và phản biện chuyên môn khi thực hiện các dự án, công trình, đề tài nghiên cứu. ELO 10: Sử dụng thành thạo các loại máy móc, trang thiết bị và các phần mềm chuyên ngành để điều tra, khảo sát, đo đạc, thu thập và xử lý số liệu phục vụ các công tác chuyên môn trong các lĩnh vực Quản lý đất đai. ELO 11: Phân tích được những thông tin trong các lĩnh vực quản lý đất đai để khái quát hóa vấn đề và xác định được mục tiêu cốt lõi cần giải quyết trong thực tiễn liên quan đến công tác quản lý nhà nước về đất đai một cách khoa học và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, có hiệu lực và hiệu quả quản lý. ELO 12: Tổ chức được các công tác điều tra, khảo sát, đo đạc, thu thập, xử lý số liệu tại thực địa. Năng lực tự chủ và trách nhiệm ELO 13: Giải quyết được các hoạt động chuyên môn và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước tập thể về các quyết định của cá nhân, sẵn sàng chia sẻ kiến thức chuyên môn để giúp ích cho cộng đồng và xã hội. ELO 14: Giám sát những người cùng nhiệm vụ thực hiện công việc được giao. Có thể tự định hướng giải quyết công việc, tự đưa ra kết luận cá nhân và bảo vệ được quan điểm cá nhân khi thuyết trình, bảo vệ các dự án, công trình, đề tài nghiên cứu. ELO 15: Đánh giá được những khó khăn, nguy cơ, rủi ro và tìm ra được các giải pháp xử lý khi thực hiện các nhiệm vụ như điều tra, khảo sát, đo đạc, thu thập và xử lý dữ liệu thông tin đất đai, khi tương tác phối hợp với các đối tác khác thực hiện các nội dung quản lý đất đai.
2	Chuẩn đầu vào	Người học đã tốt nghiệp trung học phổ thông và đạt điều kiện trúng tuyển vào Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
18. Chương trình đào tạo ngành Quản lý tài nguyên nước		
1	Chuẩn đầu ra	Kiến thức ELO 1: Vận dụng kiến thức cơ bản của các môn lý luận chính trị để giải thích bản chất của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội; vận dụng kiến thức pháp luật để giải quyết những vấn đề trong công tác chuyên môn và đời sống. ELO 2: Áp dụng các kiến thức cơ bản về toán, lý, hóa trong học tập, nghiên cứu và công việc chuyên môn các môn cơ sở ngành, chuyên ngành. ELO 3: Vận dụng kiến thức các môn cơ sở ngành, phân tích, giải thích các quy luật vật lý của dòng chảy trong tự nhiên; về mối quan hệ giữa vận hành của công trình với dòng chảy; về các quá trình, quy luật, sự biến đổi, sự hình thành quá trình thủy văn trong tự nhiên. ELO 4: Áp dụng được các phương pháp phục vụ cho công việc thiết kế định hình, xác định các thông số cơ bản đối với một số công trình tài nguyên nước, đáp ứng cho yêu cầu về Quy hoạch và quản lý hệ thống công trình; Vận dụng được các văn bản pháp luật trong quản lý tài nguyên nước. ELO 5: Áp dụng được các công việc về điều tra, khảo sát, phân tích, đánh giá trữ lượng - chất lượng tài nguyên nước mặt và nước dưới đất; Lập kế hoạch, quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện các đợt khảo sát, đo đạc. ELO 6: Áp dụng được các công cụ chuyên ngành (mô hình toán, phần mềm chuyên ngành) phục vụ mô phỏng, dự báo, hỗ trợ ra quyết định, lập quy hoạch và quản lý nguồn nước: (i) tính toán và dự báo trong tài nguyên nước; (ii) tính toán cân bằng nước phục vụ cho công tác vận hành hệ thống công trình; (iii) tính toán, dự báo các quá trình động lực học dòng chảy, vận chuyển bùn cát phục vụ cho công tác chỉnh trị sông và bờ biển, quá trình lan truyền chất ô nhiễm phục vụ quản lý nguồn nước; (iv) các quy trình - quy phạm, công nghệ thông tin,... phục vụ lưu trữ, khôi phục và chuẩn hóa dữ liệu nguồn nước. ELO 7: Vận dụng được các kiến thức tổng hợp để phân tích, đánh giá các kết quả dự báo; các tác động giữa nguồn nước và các đối tượng dùng nước; giữa các thành phần trong hệ thống nguồn nước. ELO 8: Áp dụng được các phương pháp đánh giá rủi ro trong tài nguyên nước, các phương pháp hỗ trợ ra quyết định; Từ đó giúp đề xuất và lựa chọn phương án tối ưu về nguồn nước, xây dựng các giải pháp Quản lý tài nguyên nước. Kỹ năng ELO 9: Đạt được chứng nhận/chứng chỉ theo Quy định hiện hành về chuẩn đầu ra Tiếng Anh, Tin học để xét tốt nghiệp của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh. ELO 10: Vận dụng thành thạo các văn bản pháp quy, tiêu chuẩn quy phạm và chính sách của Nhà nước trong quản lý tài nguyên nước đối với các vùng nghiên cứu cụ thể thuộc địa phương. ELO 11: Sử dụng được các phần mềm chuyên ngành: phần mềm mô

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
		hình, phần mềm ứng dụng thành lập các bản đồ chuyên ngành, ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các nội dung chuyên môn. ELO 12: Vận dụng tốt các kỹ năng: truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin chuyên ngành; ứng dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để cải tiến các hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn về Quản lý tài nguyên nước. Năng lực tự chủ và trách nhiệm ELO 13: Thực hiện nhiệm vụ độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có năng lực lãnh đạo, điều hành trong nhóm và đưa ra các quyết định chuyên môn. ELO 14: Thực hiện việc hướng dẫn, giám sát những người khác trong công việc được giao, lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn nhân lực, đánh giá và nâng cao tính hiệu quả các hoạt động trong lĩnh vực quản lý tài nguyên nước.
2	Chuẩn đầu vào	Người học đã tốt nghiệp trung học phổ thông và đạt điều kiện trúng tuyển vào Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.
19. Chương trình đào tạo ngành Quản lý tài nguyên và môi trường biển đảo		
1	Chuẩn đầu ra	Kiến thức ELO 1: Vận dụng kiến thức để giải thích bản chất của sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội liên quan đến khoa học trái đất và môi trường; vận dụng các kiến thức chính sách, pháp luật, chính trị để giải quyết những vấn đề trong quản lý tài nguyên và môi trường biển đảo. ELO 2: Ứng dụng được các kiến thức về khoa học tự nhiên (toán, vật lý, hóa học) để giải thích các hiện tượng xảy ra trong môi trường biển; áp dụng được các kiến thức về khoa học biển và đại dương như đặc điểm tự nhiên, khí tượng hải văn, tài nguyên và môi trường biển, luật biển, sự tương tác giữa đại dương và vùng ven bờ,... để lý giải được các hiện tượng tự nhiên liên quan đến biển – đại dương, và làm nền tảng khoa học quản lý tài nguyên và môi trường biển đảo. ELO 3: Vận dụng được các kiến thức, phương pháp trong thực hiện công việc điều tra khảo sát, đo đạc các đặc điểm tài nguyên và môi trường biển. ELO 4: Ứng dụng được các kiến thức, các công cụ kỹ thuật chuyên ngành (mô hình toán, phần mềm chuyên ngành) phục vụ tính toán, mô phỏng các quá trình thủy động lực học và đánh giá thực trạng khai thác quản lý tài nguyên và môi trường biển. ELO 5: Xây dựng được các kế hoạch quản lý, điều hành các đợt đo đạc khảo sát thực tế; các kế hoạch, giải pháp quản lý tổng hợp tài nguyên theo hướng phát triển bền vững và bảo vệ môi trường biển ứng phó với biến đổi khí hậu. Kỹ năng ELO 6: Đạt được chứng nhận/chứng chỉ theo Quy định hiện hành về chuẩn đầu ra Tiếng Anh, Tin học để xét tốt nghiệp của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
		ELO 7: Trình bày một cách rõ ràng các mục tiêu, các ràng buộc của vấn đề liên quan đến tài nguyên và môi trường biển đảo, phân tích và tổng hợp thông tin về tài nguyên và môi trường biển đảo. ELO 8: Áp dụng và phát triển các công cụ, trang thiết bị cơ bản trong quan trắc biển, các phần mềm xử lý số liệu, biên tập bản đồ, thiết lập mô hình tính toán phục vụ công tác giám sát, đánh giá tài nguyên và môi trường biển đảo. ELO 9: Phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong quản lý tài nguyên và môi trường biển đảo. ELO 10: Kiểm tra, kiểm soát, đánh giá mối liên quan, tính thực tế của số liệu trong công tác dự báo, quan trắc vật lý biển, tài nguyên và môi trường biển v.v. đảm bảo đáp ứng yêu cầu của ngành quản lý tài nguyên và môi trường biển đảo. ELO 11: Vận dụng tốt các kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phản biện, kỹ năng thuyết trình, quản lý thời gian để giải quyết các vấn đề phức tạp mang tính liên ngành. Năng lực tự chủ và trách nhiệm ELO 12: Thực hiện hiệu quả phương pháp làm việc độc lập, tự giải quyết các vấn đề phát sinh trong công việc và sẵn sàng phối hợp với đồng nghiệp để đạt đến hiệu quả cao nhất. ELO 13: Giải quyết được những khó khăn, nguy hiểm để hoàn thành nhiệm vụ và sẵn sàng thích ứng với môi trường làm việc nhiều áp lực. ELO 14: Tự định hướng nghiên cứu, đưa ra các câu hỏi, các vấn đề liên quan đến tài nguyên và môi trường biển đảo, đưa ra kết luận chuyên môn, tự trả lời và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. ELO 15: Thể hiện các chuẩn mực về đạo đức, tuân thủ chính sách pháp luật và thực thi trách nhiệm xã hội trong hoạt động nghề nghiệp.
2	Chuẩn đầu vào	Người học đã tốt nghiệp trung học phổ thông và đạt điều kiện trúng tuyển vào Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.
19. Chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		
1	Chuẩn đầu ra	Kiến thức ELO 1: Hiểu và phân tích các vấn đề kinh tế – xã hội liên quan đến logistics và chuỗi cung ứng dựa trên kiến thức nền tảng về đường lối chính sách, luật pháp, tài chính, tiền tệ và thương mại quốc tế. ELO 2: Áp dụng kiến thức về kinh tế học, kinh doanh và quản lý, bao gồm kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, quản trị chuỗi cung ứng và logistics để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong vận tải, kho bãi, phân phối và thương mại điện tử. ELO 3: Vận dụng các chức năng của quản trị logistics và chuỗi cung ứng để hoạch định, tổ chức, vận hành và kiểm soát hiệu quả các hoạt động trong doanh nghiệp. ELO 4: Phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả logistics và chuỗi cung ứng, dựa trên kiến thức về tài chính, phân tích dữ liệu, quản trị rủi ro và đổi mới sáng tạo. ELO 5: Lập kế hoạch và phát triển các dự án kinh doanh hoặc khởi nghiệp trong lĩnh vực logistics, thông qua việc tích hợp kiến thức về vận

TT	Nội dung	Thông tin chi tiết
		hành, vận tải, kho bãi, mua hàng và dự án logistics với thực tiễn nghề nghiệp. ELO 6: Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số vào quản lý logistics, vận hành chuỗi cung ứng số hóa và thương mại điện tử trong môi trường toàn cầu hóa. Kỹ năng ELO 7: Đạt được chuẩn đầu ra tiếng Anh và tin học theo quy định xét tốt nghiệp của Trường đại học Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh; sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp, trao đổi công việc, thích ứng với môi trường logistics. ELO 8: Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kết nối, truyền cảm hứng và phối hợp hiệu quả để giải quyết các vấn đề đa phương trong chuỗi cung ứng; xây dựng nền tảng cho khởi nghiệp và phát triển nghề nghiệp. ELO 9: Rèn luyện tư duy logic, tư duy phản biện và kỹ năng truyền đạt để phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề trong logistics và chuỗi cung ứng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và thích ứng với môi trường kinh doanh. Năng lực tự chủ và trách nhiệm ELO 10: Hình thành ý thức trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm tập thể trong quá trình làm việc độc lập hoặc theo nhóm, đảm bảo hiệu quả trong giải quyết các vấn đề logistics và quản lý chuỗi cung ứng. ELO 11: Phát triển kỹ năng hướng dẫn, chia sẻ và giám sát, hỗ trợ các thành viên trong tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chuyên môn trong quản lý chuỗi cung ứng, vận tải, kho bãi và logistics. ELO 12: Nâng cao khả năng tự định hướng, đề xuất giải pháp, phản biện và đưa ra kết luận chuyên môn, phục vụ thuyết trình, bảo vệ dự án, đề án nghiên cứu trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng. ELO 13: Xây dựng kỹ năng hoạch định, phân bổ và sử dụng nguồn lực hiệu quả để triển khai các dự án logistics và chuỗi cung ứng, đồng thời giám sát, theo dõi tiến độ, đánh giá và tối ưu hóa quy trình, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp.
2	Chuẩn đầu vào	Người học đã tốt nghiệp trung học phổ thông và đạt điều kiện trúng tuyển vào Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh.

• Trình độ Cao học

TT	Tên ngành	Chuẩn đầu vào	Chuẩn đầu ra theo CTĐT	Chuẩn đầu ra tiếng Anh
1	Kỹ thuật Môi trường	- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc	Đạt chuẩn kiến thức từ ELO 1,2,3,4 Đạt chuẩn kỹ năng từ ELO 5,6,7 Đạt chuẩn về thái độ, mức tự chủ và trách nhiệm ELO 8,9,10 của CTĐT ngành	Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 4 trở lên
2	Quản lý Đất đai	ng nghiệp đại học (hoặc	Đạt chuẩn kiến thức từ ELO 1,2,3,4 Đạt chuẩn kỹ năng từ ELO 5,6,7,8,9	

		trình độ tương đương trở lên)	Đạt chuẩn về thái độ, mức tự chủ và trách nhiệm ELO 10,11,12 của CTĐT ngành	theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
3	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	ngành phù hợp. Trường hợp thí sinh thuộc ngành khác cần phải học Chuyển đổi, bổ túc kiến thức theo quy định	Đạt chuẩn kiến thức từ ELO 1,2,3,4 Đạt chuẩn kỹ năng từ ELO 5,6,7,8,9 Đạt chuẩn về thái độ, mức tự chủ và trách nhiệm ELO 10,11,12 của CTĐT ngành	
4	Kỹ thuật trắc địa - Bản đồ		Đạt chuẩn kiến thức từ ELO 1,2,3,4,5 Đạt chuẩn kỹ năng từ ELO 6,7,8,9 Đạt chuẩn về thái độ, mức tự chủ và trách nhiệm ELO 10,11,12 của CTĐT ngành.	
5	Công nghệ thông tin	- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Đạt chuẩn kiến thức từ ELO 1,2,3,4 Đạt chuẩn kỹ năng từ ELO 5,6,7,8,9 Đạt chuẩn về thái độ, mức tự chủ và trách nhiệm ELO 10,11,12 của CTĐT ngành	
6	Thủy văn học		Đạt chuẩn kiến thức từ ELO 1,2,3,4 Đạt chuẩn kỹ năng từ ELO 5,6,7,8,9 Đạt chuẩn về thái độ, mức tự chủ và trách nhiệm ELO 10,11,12 của CTĐT ngành.	
7	Kỹ thuật Cấp thoát nước		Đạt chuẩn kiến thức từ ELO 1,2 Đạt chuẩn kỹ năng từ ELO 3,4,5,6 Đạt chuẩn về thái độ, mức tự chủ và trách nhiệm ELO 7,8,9 của CTĐT ngành.	
8	Quản trị Kinh doanh		Đạt chuẩn kiến thức từ ELO 1,2,3 Đạt chuẩn kỹ năng từ ELO 4,5,6,7 Đạt chuẩn về thái độ, mức tự chủ và trách nhiệm ELO 8,9 của CTĐT ngành	

❖ **Mẫu văn bằng, chứng chỉ cấp cho người tốt nghiệp cho từng trình độ, ngành và hình thức đào tạo.**

Mẫu văn bằng chứng chỉ cấp cho người tốt nghiệp được Nhà trường công khai trên trang Thông tin điện tử của Trường theo đường dẫn sau: <https://hcmunre.edu.vn/upload/elfinder/Trang%20Phong/DaoTao/Q%C4%90-QC/Quy%20tr%C3%ACnh%2C%20Quy%20%C4%91%E1%BB%8Bnh%20v%C3%A0%20c%C3%A1c%20bi%E1%BB%83u%20m%E1%BA%ABu/M%E1%BA%ABu%20v%C4%83n%20b%E1%BA%B1ng.pdf> và <https://hcmunre.edu.vn/to-chuc/vien-nghien-cuu-va-phat-trien-ben-vung/dao-tao-sau-dai-hoc/chuong-trinh-dao-tao>

❖ **Đối với các chương trình liên kết đào tạo quốc tế có thêm thông tin về cơ sở giáo dục đại học liên kết đào tạo, thời gian hoạt động liên kết, văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.**

Nhà trường không có chương trình liên kết đào tạo quốc tế.

3. Thông tin các kỳ thi cấp chứng chỉ

Nhà trường không có hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ quốc tế và thông tin chi tiết về kỳ thi, loại chứng chỉ và mẫu chứng chỉ được cấp, thời hạn hoạt động liên kết, văn bản phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4. Thông tin về đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên

a) Số lượng cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm.

- Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ: 7

- Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ: 101

b) Số lượng giảng viên toàn thời gian của cơ sở giáo dục và từng lĩnh vực đào tạo chia theo trình độ được đào tạo, chức danh giáo sư, phó giáo sư; danh sách giảng viên cơ hữu theo từng đơn vị chuyên môn bao gồm: họ tên, trình độ, chức danh, chuyên môn, lĩnh vực phụ trách, hướng nghiên cứu chính.

Tổng số giảng viên cơ hữu của Trường tính đến ngày 30/6/2026 là 243 người (trong đó: 01 Giáo sư; 10 PGS; 67 TS; 159 ThS; 06 ĐH)

Danh sách giảng viên cơ hữu theo từng đơn vị chuyên môn (bao gồm họ tên, trình độ, chức danh, chuyên môn, lĩnh vực phụ trách, hướng nghiên cứu chính):

- Giảng viên khoa Công nghệ thông tin:

Họ và tên	Trình độ	Chức danh	Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách	Hướng nghiên cứu
Vũ Xuân Cường	PGS.TS	Giảng viên cao cấp	Địa - Tin học	Lãnh đạo trường, giảng dạy	Hệ thống thông tin, địa tin học
Dương Thị Thúy Nga	TS	Giảng viên	Công nghệ thông tin	Quản lý khoa, giảng dạy	Công nghệ thông tin
Từ Thanh Trí	ThS	Giảng viên	Hệ thống thông tin	Quản lý khoa, giảng dạy	Công nghệ thông tin
Đặng Đức Trung	ThS	Giảng viên	Khoa học máy tính	Giảng dạy	Công nghệ thông tin
Báo Văn Tuy	TS	Giảng viên chính	Sử dụng và Bảo vệ TNMT	Giảng dạy	Công nghệ thông tin
Hà Thanh Vân	ThS	Giảng viên	HTTT Địa lý và Bản đồ viễn thám	Giảng dạy	Công nghệ thông tin
Vũ Khánh Tường Vân	ThS	Giảng viên	Công nghệ thông tin	Giảng dạy	Công nghệ thông tin
Trần Thị Hồng Tường	ThS	Giảng viên	Bản đồ viễn thám và HTTT Địa lý	Giảng dạy	Công nghệ thông tin
Ngô Tân Khai	ThS	Giảng viên	Khoa học máy tính	Giảng dạy	Công nghệ thông tin
Trần Văn Định	ThS	Giảng viên	Công nghệ thông tin	Giảng dạy	Công nghệ thông tin
Cao Hữu Thanh Vũ	ThS	Giảng viên	Công nghệ thông tin	Giảng dạy	Công nghệ thông tin
Phạm Trọng Huynh	ThS	Giảng viên	Công nghệ thông tin	Giảng dạy	Công nghệ thông tin
Đinh Thị Hồng Loan	ThS	Giảng viên	Khoa học máy tính	Giảng dạy	Công nghệ thông tin

Họ và tên	Trình độ	Chức danh	Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách	Hướng nghiên cứu
Nguyễn Thanh Truyền	ThS	Giảng viên	Khoa học máy tính	Giảng dạy	Công nghệ thông tin
Lê Huỳnh Tuyết Trinh	ĐH	Giảng viên - Trợ giảng	Khoa học môi trường	Giảng dạy	Công nghệ thông tin
Lê Tuấn Thu	ThS	Giảng viên	Khoa học máy tính	Giảng dạy	Công nghệ thông tin
Nguyễn Phan Chí Thành	ĐH	Giảng viên - Trợ giảng	Công nghệ thông tin	Giảng dạy	Công nghệ thông tin
Nguyễn Duy Tuấn	ĐH	Giảng viên - Trợ giảng	Công nghệ thông tin	Giảng dạy	Công nghệ thông tin
Phùng Thị Mỹ Diễm	ThS	Giảng viên	Hải dương học	Giảng dạy	Công nghệ thông tin
Trần Vĩnh Phước	PGS.TS	Giảng viên chính	Tin học	Giảng dạy	Công nghệ thông tin
Hà Châu Hoàng	ThS	Giảng viên	Quản trị hệ thống thông tin	Giảng dạy	Công nghệ thông tin

- Giảng viên khoa Địa chất và Khoáng sản:

Họ và tên	Trình độ	Chức danh	Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách	Hướng nghiên cứu
Thiêm Quốc Tuấn	TS	Giảng viên chính	Kỹ thuật địa chất	Quản lý khoa, giảng dạy	Địa chất, môi trường
Trần Đức Dậu	ThS	Giảng viên	Khai thác mỏ	Giảng dạy	Địa chất, môi trường
Nguyễn Thị Thanh Hoa	TS	Giảng viên	Kỹ thuật tài nguyên nước	Giảng dạy	Địa chất, môi trường
Lê Quang Luật	ThS	Giảng viên	Địa chất	Giảng dạy	Địa chất, môi trường
Lê Thị Thùy Dương	ThS	Giảng viên	Địa kỹ thuật	Giảng dạy	Địa chất, môi trường
Huỳnh Tiến Đạt	ThS	Giảng viên	Khoa học Môi trường	Giảng dạy	Địa chất, môi trường
Trần Lê Thế Diễm	TS	Giảng viên	Kỹ thuật địa chất	Giảng dạy	Địa chất, môi trường
Nguyễn Trọng Khanh	ThS	Giảng viên	Kỹ thuật môi trường	Giảng dạy	Địa chất, môi trường
Phan Đình Tuấn	GS.TS	Giảng viên cao cấp	Hóa học	Giảng dạy	Địa chất, môi trường
Hoàng Thị Thanh Thủy	PGS.TS	Giảng viên cao cấp	Địa chất môi trường	Giảng dạy	Địa chất, môi trường

- Giảng viên khoa Khí tượng, TV & Tài nguyên nước:

Họ và tên	Trình độ	Chức danh	Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách	Hướng nghiên cứu
Cần Thu Văn	TS	Giảng viên chính	Thủy văn	Quản lý khoa, giảng dạy	Thủy văn, tài nguyên nước
Nguyễn Thị Phương Thảo	TS	Giảng viên	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	Quản lý khoa, giảng dạy	Tài nguyên nước
Nguyễn Thị Tuyết	ThS	Giảng viên chính	BV, SD hợp lý và tái tạo TNTN	Giảng dạy	Thủy văn, tài nguyên nước
Trần Thị Thu Thảo	ThS	Giảng viên	Thủy văn	Giảng dạy	Thủy văn, tài nguyên nước
Nguyễn Thị Phương Chi	ThS	Giảng viên	Khí tượng -Thủy văn- Hải dương học	Giảng dạy	Khí tượng
Phạm Thị Minh	ThS	Giảng viên	Khí tượng	Giảng dạy	Khí tượng
Vũ Thị Vân Anh	TS	Giảng viên	Kỹ thuật tài nguyên nước	Giảng dạy	Thủy văn, tài nguyên nước
Phan Vũ Hoàng Phương	ThS	Giảng viên	KH& QL Môi trường	Giảng dạy	Tài nguyên nước, môi trường
Vũ Lê Vân Khánh	ThS	Giảng viên	Công nghệ hóa học	Giảng dạy	Hóa, môi trường
Vũ Thị Hiền	TS	Giảng viên	Hóa hữu cơ	Giảng dạy	Hóa, môi trường
Phan Thị Thùy Dương	ThS	Giảng viên	Thủy văn học	Giảng dạy	Thủy văn, tài nguyên nước
Nguyễn Văn Tín	ThS	Giảng viên	Khí tượng, Khí hậu học	Giảng dạy	Khí tượng
Nguyễn Hữu Tuấn	ThS	Giảng viên	Thủy văn học	Giảng dạy	Thủy văn, tài nguyên nước
Hoàng Trung Thống	ThS	Giảng viên	Xây dựng dân dụng	Giảng dạy	Tài nguyên nước
Đoàn Thanh Vũ	ThS	Giảng viên	Công trình Tài nguyên nước	Giảng dạy	Tài nguyên nước
Lê Ngọc Diệp	ThS	Giảng viên	Xây dựng công trình thủy	Giảng dạy	Tài nguyên nước
Ngô Nam Thịnh	TS	Giảng viên	Vật lý địa cầu	Giảng dạy	Tài nguyên nước
Trần Văn Sơn	ThS	Giảng viên chính	Hải dương học	Quản lý phòng, giảng dạy	Khí tượng
Lê Thị Kim Thoa	TS	Giảng viên chính	Viễn thám	Quản lý phòng, giảng dạy	Hệ thống thông tin
Trần Thị Lệ Hoa	ThS	Giảng viên	Quản lý giáo dục	Quản lý phòng, giảng dạy	Kỹ năng

- Giảng viên khoa Khoa học ứng dụng:

Họ và tên	Trình độ	Chức danh	Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách	Hướng nghiên cứu
Lý Cẩm Hùng	TS	Giảng viên chính	Hóa	Quản lý khoa, giảng dạy	Hóa, môi trường
Trần Đình Thành	ThS	Giảng viên	Toán	Giảng dạy	Toán
Nguyễn Thị Thúy Hằng	ThS	Giảng viên	Hóa hữu cơ	Giảng dạy	Hóa, môi trường
Đinh Thị Thúy Liễu	ThS	Giảng viên	Quang học	Giảng dạy	Vật lý
Nguyễn Lương Tuấn Dũng	ThS	Giảng viên	Tiếng Anh	Giảng dạy	Ngôn ngữ Anh
Nguyễn Thị Như Dung	ThS	Giảng viên	Vật lý địa cầu	Giảng dạy	Vật lý
Nguyễn Thị Lê Phi	ThS	Giảng viên	Tiếng Anh	Giảng dạy	Ngôn ngữ Anh
Hồ Thị Lài	ThS	Giảng viên	Tiếng Anh	Giảng dạy	Ngôn ngữ Anh
Trần Nguyễn Thị Nhất Vương	ThS	Giảng viên	Tiếng Anh	Giảng dạy	Ngôn ngữ Anh
Tô Thị Lệ	ThS	Giảng viên	Anh văn	Giảng dạy	Ngôn ngữ Anh
Nguyễn Thanh Hằng	ThS	Giảng viên	Vật lý vô tuyến và điện tử	Giảng dạy	Vật lý
Nguyễn Thị Hằng	ThS	Giảng viên	Toán	Giảng dạy	Toán
Nguyễn Thành Đức	ThS	Giảng viên	Hóa hữu cơ	Giảng dạy	Hóa, môi trường
Phạm Kim Thủy	ThS	Giảng viên	Toán Giải tích	Giảng dạy	Ngôn ngữ Anh
Nguyễn Thị Tuyền	ThS	Giảng viên	Tiếng Anh	Giảng dạy	Ngôn ngữ Anh
Nguyễn Thị Thu Hương	ĐH	Giảng viên	Anh văn	Giảng dạy	Ngôn ngữ Anh
Trần Bá Lê Hoàng	TS	Giảng viên	Vật lý	Giảng dạy	Vật lý
Huỳnh Thị Minh Sương	ThS	Giảng viên	Hóa	Giảng dạy	Hóa, môi trường
Nguyễn Gia Trung Quân	ThS	Giảng viên	Tiếng Anh	Giảng dạy	Ngôn ngữ Anh
Lại Hoài Châu	ThS	Giảng viên	Tiếng Anh	Giảng dạy	Ngôn ngữ Anh
Nguyễn Ngọc Thùy	ThS	Giảng viên	Tiếng Anh	Giảng dạy	Ngôn ngữ Anh
Huỳnh Đăng Nguyên	ThS	Giảng viên	Toán Giải tích	Giảng dạy	Toán
Nguyễn An Giang	ThS	Giảng viên	Đại số và lý thuyết số	Giảng dạy	Toán
Dương Thị Xuân An	ThS	Giảng viên	Toán giải thích	Giảng dạy	Toán

Họ và tên	Trình độ	Chức danh	Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách	Hướng nghiên cứu
Nguyễn Thị Lan Hương	TS	Giảng viên	Hóa học	Giảng dạy	Hóa, môi trường
Trần Anh Khoa	ThS	Giảng viên	Kỹ thuật hóa học	Giảng dạy	Hóa, môi trường
Trần Duy Hải	TS	Giảng viên	Kỹ thuật Hóa học	Giảng dạy	Hóa, môi trường
Trần Hậu Vương	TS	Giảng viên	Kỹ thuật môi trường	Giảng dạy	Hóa, môi trường
Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	TS	Giảng viên	Kỹ thuật và Quản lý môi trường	Giảng dạy	Hóa, môi trường
Kỷ Trần Quỳnh Trâm	ThS	Giảng viên	Giảng dạy tiếng Anh cho người sử dụng ngôn ngữ khác	Giảng dạy	Ngôn ngữ Anh
Huỳnh Quyền	PGS.TS	Giảng viên cao cấp	Hóa học	Lãnh đạo trường, giảng dạy	Hóa, môi trường
Võ Thị Tuyết Mai	TS	Giảng viên	Toán giải thích	Quản lý phòng, giảng dạy	Toán
Huỳnh Thiên Tài	TS	Giảng viên	Hóa	Quản lý phòng, giảng dạy	Hóa, môi trường
Trần Tuyết Sương	TS	Giảng viên	Kỹ thuật hóa học	Giảng dạy	Hóa, môi trường

- Giảng viên khoa Kinh tế:

Họ và tên	Trình độ	Chức danh	Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách	Hướng nghiên cứu
Nguyễn Thị Hồng Nguyệt	PGS.TS	Giảng viên cao cấp	Kinh tế	Quản lý khoa, giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh
Nguyễn Thị Hoài Thanh	ThS	Giảng viên	Quản trị kinh doanh	Quản lý khoa, giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh
Nguyễn Châu Thoại	ThS	Giảng viên	Kinh tế	Giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh
Nguyễn Hồng Sơn	ThS	Giảng viên chính	Kinh tế	Giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh
Đặng Bắc Hải	TS	Giảng viên	Kinh tế học	Giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh
Sử Thị Oanh Hoa	ThS	Giảng viên	Quản lý Môi trường	Giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh
Trần Thị Diễm Nga	ThS	Giảng viên	Tài chính - Ngân Hàng	Giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh
Lê Thị Xoan	TS	Giảng viên	Quản trị kinh doanh	Giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh
Trần Huy Khôi	ThS	Giảng viên	Kinh tế doanh nghiệp và thị trường	Giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh

Họ và tên	Trình độ	Chức danh	Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách	Hướng nghiên cứu
Nguyễn Minh Hiếu	ThS	Giảng viên	Tư vấn doanh nghiệp	Giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh
Nguyễn Thị Bích Duyên	ThS	Giảng viên	Quản trị kinh doanh	Giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh
Nguyễn Phan Hoài Vũ	ThS	Giảng viên	Quản trị kinh doanh	Giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh
Thành Ngọc Mỹ Duyên	ThS	Giảng viên	Quản trị kinh doanh	Giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh
Phạm Thành Phước	ThS	Giảng viên	Quản trị kinh doanh	Giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh
Hồ Thị Khánh Viên	ThS	Giảng viên	Quản trị kinh doanh	Giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh
Phạm Minh Khang	ThS	Giảng viên	Quản trị kinh doanh	Giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh
Vũ Quốc Quý	ThS	Giảng viên	Quản trị kinh doanh	Giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh
Trịnh Thị Ngọc Thúy	ThS	Giảng viên	Quản trị kinh doanh	Giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh
Nguyễn Trọng Hiếu	ThS	Giảng viên	Kinh tế quốc tế	Giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh
Hoàng Thị Vân	ThS	Giảng viên	Quản trị kinh doanh	Giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh
Nguyễn Hoàng An	ThS	Giảng viên	Quản trị kinh doanh	Giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh
Nguyễn Đình Hiền	ThS	Giảng viên	Quản trị kinh doanh	Giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh
Nguyễn Thị Hoài Trinh	ThS	Giảng viên	Quản trị kinh doanh	Giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh
Lê Quang Huê	ThS	Giảng viên	Quản trị kinh doanh	Giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh
Mai Văn Chương	ThS	Giảng viên	Quản trị kinh doanh	Giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh
Trần Văn Dũng	TS	Giảng viên	Quản trị kinh doanh	Giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh
Trịnh Thị Tuyết Mai	ThS	Giảng viên	Quản trị kinh doanh	Giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh
Hoàng Hải Yến	ThS	Giảng viên	Kế toán	Giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh
Vương Tấn Đức	TS	Giảng viên	Kinh tế	Giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh
Huỳnh Văn Hồng	TS	Giảng viên	Quản trị kinh doanh	Giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh
Võ Hữu Sang	ThS	Giảng viên	Kế toán	Giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh
Hoàng Sĩ Thính	TS	Giảng viên	Kinh tế nguồn lực	Giảng dạy	Kinh tế, quản trị kinh doanh

- Giảng viên khoa Môi trường:

Họ và tên	Trình độ	Chức danh	Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách	Hướng nghiên cứu
Nguyễn Lữ Phương	PGS.TS	Giảng viên cao cấp	Xây dựng	Quản lý khoa, giảng dạy	Môi trường
Thái Phương Vũ	TS	Giảng viên	Kỹ thuật môi trường xây dựng	Quản lý khoa, giảng dạy	Môi trường
Huỳnh Thị Ngọc Hân	TS	Giảng viên	Hóa	Giảng dạy	Môi trường
Nguyễn Huy Cương	TS	Giảng viên	Kỹ thuật và công nghệ xây dựng	Giảng dạy	Môi trường
Bùi Phương Linh	ThS	Giảng viên chính	Kỹ thuật môi trường	Giảng dạy	Môi trường
Nguyễn Ngọc Trinh	ThS	Giảng viên	Khoa học Môi trường	Giảng dạy	Môi trường
Dương Hồng Huệ	ThS	Giảng viên	Quản lý Môi trường	Giảng dạy	Môi trường
Nguyễn Thị Hồng	TS	Giảng viên	Kỹ thuật Môi trường	Giảng dạy	Môi trường
Hoàng Thị Tố Nữ	ThS	Giảng viên	Xây dựng công trình thủy	Giảng dạy	Môi trường
Phạm Thị Diễm Phương	ThS	Giảng viên	Quản lý Môi trường	Giảng dạy	Môi trường
Nguyễn Kim Chung	ThS	Giảng viên	Quản lý môi trường	Giảng dạy	Môi trường
Huỳnh Thị Ngọc Hân	TS	Giảng viên	Công nghệ môi trường	Giảng dạy	Môi trường
Đàm Thị Minh Tâm	ThS	Giảng viên	Hóa phân tích	Giảng dạy	Môi trường
Nguyễn Thị Thu Hiền	ThS	Giảng viên	Công nghệ môi trường	Giảng dạy	Môi trường
Nguyễn Thị Đoan Trang	TS	Giảng viên	Kỹ thuật vi nhân sinh	Giảng dạy	Môi trường
Lê Bảo Việt	ThS	Giảng viên	Quản lý Môi trường	Giảng dạy	Môi trường
Lê Thị Hồng Tuyết	ThS	Giảng viên	Vi sinh vật học	Giảng dạy	Môi trường
Nguyễn Ngọc Thiệp	ThS	Giảng viên	Kỹ thuật môi trường	Giảng dạy	Môi trường
Lê Thị Ngọc Diễm	ThS	Giảng viên	Kỹ thuật môi trường	Giảng dạy	Môi trường
Nguyễn Thị Quỳnh Trang	ThS	Giảng viên	Khoa học Môi trường	Giảng dạy	Môi trường
Trần Thị Vân Trinh	ThS	Giảng viên	KT Môi trường và CN sinh học	Giảng dạy	Môi trường
Phạm Thị Thanh Hà	ThS	Giảng viên	Sử dụng và Bảo vệ TNMT	Giảng dạy	Môi trường
Nguyễn Thanh Ngân	TS	Giảng viên	Môi trường đất và nước	Giảng dạy	Môi trường

Họ và tên	Trình độ	Chức danh	Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách	Hướng nghiên cứu
Ngô Thị Ánh Tuyết	ThS	Giảng viên	Quản lý Môi trường	Giảng dạy	Môi trường
Trần Ngọc Bảo Luân	ThS	Giảng viên	Kỹ thuật môi trường	Giảng dạy	Môi trường
Trần Thị Bích Phượng	ThS	Giảng viên	Khoa học Môi trường	Giảng dạy	Môi trường
Đinh Thị Thu Hà	TS	Giảng viên	Kỹ thuật CTXD và môi trường	Giảng dạy	Cấp thoát nước
Huỳnh Anh Hoàng	TS	Giảng viên	Hóa học	Giảng dạy	Môi trường
Trần Vĩnh Thiện	TS	Giảng viên chính	Hóa	Giảng dạy	Môi trường
Lê Thị Ngọc Hân	ThS	Giảng viên	Kỹ thuật môi trường	Giảng dạy	Môi trường
Trần Quốc Bảo	TS	Giảng viên	Khoa học Môi trường	Giảng dạy	Môi trường
Nguyễn Thị Phương Lệ Chi	TS	Giảng viên	Hóa học	Giảng dạy	Môi trường
Đinh Ngọc Huy	TS	Giảng viên	Hải dương học	Giảng dạy	Môi trường
Đỗ Đức Thiện	TS	Giảng viên	Kỹ thuật xây dựng dân dụng	Giảng dạy	Cấp thoát nước
Ngô Đình Ngọc Giao	TS	Giảng viên	Kỹ thuật môi trường	Giảng dạy	Môi trường
Trần Thị Thúy An	ThS	Giảng viên	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giảng dạy	Môi trường
Trần Thị Minh Ngọc	TS	Giảng viên	Khoa học môi trường	Giảng dạy	Môi trường
Lê Hoàng Nghiêm	PGS.TS	Giảng viên cao cấp	Môi trường	Lãnh đạo trường, giảng dạy	Môi trường
Trần Thanh Tâm	TS	Giảng viên	Kỹ thuật vật liệu	Quản lý phòng, giảng dạy	Kỹ thuật vật liệu, môi trường
Lê Thị Phụng	ThS	Giảng viên	Quản lý tài nguyên và môi trường	Quản lý phòng, giảng dạy	Môi trường
Nguyễn Vĩnh An	ThS	Giảng viên	Quy hoạch và Quản lý TNN	Giảng dạy	Cấp thoát nước
Nguyễn Tấn Thông	TS	Giảng viên	Kỹ thuật và Công nghệ Hóa - Sinh	Giảng dạy	Môi trường

- Giảng viên khoa Quản lý đất đai:

Họ và tên	Trình độ	Chức danh	Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách	Hướng nghiên cứu
Trần Thanh Hùng	TS	Giảng viên	Kinh tế	Quản lý khoa, giảng dạy	Quản lý đất đai
Nguyễn Hữu Cường	TS	Giảng viên chính	Kinh tế	Quản lý khoa, giảng dạy	Quản lý đất đai
Lê Văn Tinh	TS	Giảng viên	Kỹ thuật trắc địa	Quản lý khoa, giảng dạy	Quản lý đất đai
Nguyễn Huy Anh	TS	Giảng viên	Quản lý tài nguyên môi trường	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Trần Mỹ Hào	ThS	Giảng viên	Quản lý đất đai	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Hoàng Thị Thu Hoài	ThS	Giảng viên	Quy hoạch phát triển đô thị	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Nguyễn Văn Cương	ThS	Giảng viên	Bản đồ viễn thám và HTTT địa lý	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Nguyễn Thị Bích Ngọc	ThS	Giảng viên	Quản lý đất đai	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Ngô Thị Hiệp	ThS	Giảng viên	Quản lý đất đai	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Trần Thế Long	ThS	Giảng viên	Quản lý đất đai	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Trương Công Phú	TS	Giảng viên	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Nguyễn Đức Anh	ThS	Giảng viên	Quản lý đất đai và địa chính	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Lê Minh Chiến	ThS	Giảng viên	Quản lý đất đai	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Nguyễn Thu Hương	TS	Giảng viên	Nghiên cứu tài nguyên và môi trường	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Trần Văn Trọng	ThS	Giảng viên	Quản lý đất đai	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Nguyễn Ngọc Mỹ Tiên	ThS	Giảng viên	Quản trị kinh doanh	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Trần Hồng Quang	TS	Giảng viên	Kinh tế	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Trần Tấn Tài	ThS	Giảng viên	Quản lý đất đai	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Võ Quốc Khánh	TS	Giảng viên	Nông nghiệp	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Phạm Thị Nguyên	ThS	Giảng viên	Quản lý đất đai và địa chính	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Phạm Văn Cự	ThS	Giảng viên	Quản lý đất đai	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Nguyễn Phụng Dục	ThS	Giảng viên	Kiến trúc	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Bạch Văn Lượng	ThS	Giảng viên	Quản trị kinh doanh	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Nguyễn Văn Anh	ThS	Giảng viên	Quản lý đất đai	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Trần Thị Thanh Lam	ĐH	Giảng viên - Trợ giảng	Quản lý đất đai	Giảng dạy	Quản lý đất đai

Họ và tên	Trình độ	Chức danh	Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách	Hướng nghiên cứu
Nguyễn Trường An	ThS	Giảng viên	Quản lý đất đai	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Bùi Thị Thu Hà	TS	Giảng viên	Công nghệ sinh học thực phẩm	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Huỳnh Ngọc Anh	ThS	Giảng viên	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Trần Thanh Thúy	ThS	Giảng viên	Quản lý đất đai và địa chính	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Trần Thị Xuân Hương	ThS	Giảng viên	Quản lý đất đai	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Trần Thiện Phong	TS	Giảng viên	Quản lý tài nguyên và Môi trường	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Phan Hồng Anh	ĐH	Giảng viên - Trợ giảng	Quản lý đất đai	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Nguyễn Thành Thuận	ĐH	Giảng viên - Trợ giảng	Quản lý đất đai	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Trần Quang Ngọc Hân	ĐH	Giảng viên - Trợ giảng	Quản lý đất đai	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Phạm Thanh Tâm	TS	Giảng viên	Quản lý đất đai	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Vũ Thị Thúy Hoài	ThS	Giảng viên	Quản lý đất đai	Giảng dạy	Quản lý đất đai
Đỗ Thế Sơn	ThS	Giảng viên	Khoa học đất	Quản lý phòng, giảng dạy	Quản lý đất đai
Vũ Thị Cẩm Tú	ThS	Giảng viên	Ngữ văn	Giảng dạy	Quản lý đất đai

- Giảng viên khoa Trắc địa, Bản đồ và Công trình

Họ và tên	Trình độ	Chức danh	Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách	Hướng nghiên cứu
Đỗ Minh Tuấn	TS	Giảng viên chính	Trắc địa thiên văn	Quản lý khoa, giảng dạy	Trắc địa, bản đồ
Phạm Văn Tùng	TS	Giảng viên chính	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	Giảng dạy	Trắc địa, bản đồ
Trần Thống Nhất	TS	Giảng viên chính	Quản trị tài nguyên MT	Quản lý khoa, giảng dạy	Trắc địa, bản đồ
Đỗ Công Hữu	ThS	Giảng viên	Trắc địa	Giảng dạy	Trắc địa, bản đồ
Lê Thùy Linh	ThS	Giảng viên	KT Trắc địa bản đồ	Giảng dạy	Trắc địa, bản đồ
Đoàn Thị Bích Ngọc	ThS	Giảng viên	Kỹ thuật trắc địa	Giảng dạy	Trắc địa, bản đồ
Trịnh Ngọc Hà	ThS	Giảng viên	KT Trắc địa bản đồ	Giảng dạy	Trắc địa, bản đồ
Trần Văn Huân	ThS	Giảng viên	Kỹ thuật trắc địa	Giảng dạy	Trắc địa, bản đồ
Trần Ngọc Huyền Trang	ThS	Giảng viên	Kỹ thuật trắc địa	Giảng dạy	Trắc địa, bản đồ

Họ và tên	Trình độ	Chức danh	Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách	Hướng nghiên cứu
Nguyễn Hữu Đức	ThS	Giảng viên	Trắc địa và bản đồ	Giảng dạy	Trắc địa, bản đồ
Nguyễn Thị Thuận	ThS	Giảng viên	Bản đồ viễn thám và HTTT Địa lý	Giảng dạy	Trắc địa, bản đồ
Huỳnh Nguyễn Định Quốc	ThS	Giảng viên	Kỹ thuật trắc địa	Giảng dạy	Trắc địa, bản đồ
Nguyễn Văn Tuấn	ThS	Giảng viên	Kỹ thuật trắc địa	Giảng dạy	Trắc địa, bản đồ
Nguyễn Thị Hải Yến	ThS	Giảng viên chính	Trắc địa	Giảng dạy	Trắc địa, bản đồ
Nguyễn Kim Hoa	ThS	Giảng viên	Kỹ thuật trắc địa	Giảng dạy	Trắc địa, bản đồ
Nguyễn Xuân Hòa	ThS	Giảng viên	TĐ công trình và TĐ cao cấp	Giảng dạy	Trắc địa, bản đồ
Văn Ngọc Trúc Phương	TS	Giảng viên	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giảng dạy	Trắc địa, bản đồ
Mai Thị Duyên	ThS	Giảng viên	KT Trắc địa bản đồ	Giảng dạy	Trắc địa, bản đồ
Trần Văn Bắc	ThS	Giảng viên	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	Giảng dạy	Trắc địa, bản đồ
Lê Thiên Bảo	ThS	Giảng viên	Trắc địa và Viễn thám	Giảng dạy	Trắc địa, bản đồ
Nguyễn Trọng Nhân	ThS	Giảng viên	Trắc địa và Viễn thám	Giảng dạy	Trắc địa, bản đồ
Hoàng Hữu Đức	ThS	Giảng viên	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	Giảng dạy	Trắc địa, bản đồ
Nguyễn Anh Hiệp	ThS	Giảng viên	Kỹ thuật công trình xây dựng	Giảng dạy	Quản lý đô thị, công trình
Lê Nguyễn Ngọc Hải	ThS	Giảng viên	Quản lý đô thị và công trình	Giảng dạy	Quản lý đô thị, công trình
Lê Minh Lưu	ThS	Giảng viên	Công trình thủy lợi	Giảng dạy	Quản lý đô thị, công trình
Đinh Thị Linh	TS	Giảng viên	Kỹ thuật thủy lực	Giảng dạy	Quản lý đô thị, công trình
Nguyễn Tấn Vĩnh Nam	ThS	Giảng viên	Thiết kế đô thị	Giảng dạy	Quản lý đô thị, công trình
Đặng Xuân Trường	PGS.TS	Giảng viên	Kỹ thuật địa chất	Quản lý phòng, giảng dạy	Quản lý đô thị, công trình
Trần Ký	TS	Giảng viên chính	Kỹ thuật tài nguyên nước	Quản lý phòng, giảng dạy	Tài nguyên nước
Nguyễn Văn Khánh	TS	Giảng viên	KT Trắc địa bản đồ	Quản lý trung tâm, giảng dạy	Trắc địa, bản đồ
Lê Trung Chon	PGS.TS	Giảng viên cao cấp	Khoa học kỹ thuật	Quản lý viện, giảng dạy	Trắc địa, bản đồ

- Giảng viên khoa Luật, Lý luận chính trị và Giáo dục thể chất - quốc phòng an ninh

Họ và tên	Trình độ	Chức danh	Chuyên môn	Lĩnh vực phụ trách	Hướng nghiên cứu
Hồ Ngọc Vinh	TS	Giảng viên	Triết học	Quản lý khoa, giảng dạy	Triết học, lịch sử Đảng CSVN
Nguyễn Thị Hồng Hoa	TS	Giảng viên chính	Triết học	Quản lý khoa, giảng dạy	Triết học, lịch sử Đảng CSVN
Nguyễn Văn Thắng	ThS	Giảng viên	Khoa học giáo dục	Quản lý bộ môn, giảng dạy	Giáo dục thể chất, quốc phòng
Vũ Thị Hạnh Thu	ThS	Giảng viên	Quản lý Xã hội	Giảng dạy	Triết học, lịch sử Đảng CSVN
Trần Thị Ngọc Hoa	TS	Giảng viên	Luật quốc tế	Giảng dạy	Pháp luật
Phạm Hữu Thanh Nhã	ThS	Giảng viên	Kinh tế chính trị	Giảng dạy	Triết học, lịch sử Đảng CSVN
Trần Thị Liên	ThS	Giảng viên	Chính trị học	Giảng dạy	Triết học, lịch sử Đảng CSVN
Nguyễn Thị Ngọc	ThS	Giảng viên	Triết học	Giảng dạy	Triết học, lịch sử Đảng CSVN
Võ Thị Hồng Hiếu	ThS	Giảng viên	Lịch sử Đảng CSVN	Giảng dạy	Triết học, lịch sử Đảng CSVN
Lê Thị Thanh Thúy	ThS	Giảng viên	CNXH Khoa học	Giảng dạy	Triết học, lịch sử Đảng CSVN
Nguyễn Trọng Long	ThS	Giảng viên	Kinh tế chính trị	Giảng dạy	Triết học, lịch sử Đảng CSVN
Võ Đình Quyên Di	ThS	Giảng viên	Luật Kinh tế	Giảng dạy	Pháp luật
Đinh Thị Kim Lan	TS	Giảng viên	Triết học	Giảng dạy	Triết học, lịch sử Đảng CSVN
Biện Hùng Vỹ	ThS	Giảng viên	Đào tạo Giáo dục thể chất	Giảng dạy	Giáo dục thể chất, quốc phòng
Nguyễn Thế Thắng	ThS	Giảng viên	Giáo dục học	Giảng dạy	Giáo dục thể chất, quốc phòng
Nhan Bình Phương	ThS	Giảng viên	Khoa học giáo dục	Giảng dạy	Giáo dục thể chất, quốc phòng
Nguyễn Như Nam	ThS	Giảng viên	Khoa học giáo dục	Giảng dạy	Giáo dục thể chất, quốc phòng

c) Số lượng giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

- Viên chức và người lao động được cử đi đào tạo Tiến sĩ: 12 người.
- Viên chức và người lao động được cử đi bồi dưỡng ngắn hạn: 27 lượt.

d) Tỷ lệ sinh viên/giảng viên cơ hữu.

Tỷ lệ sinh viên/giảng viên cơ hữu: 22,8/1 (5598/245)

5. Thông tin về cơ sở vật chất dùng chung

a) Danh mục các khuôn viên, địa điểm đào tạo; thông tin về diện tích đất, địa chỉ, mục đích sử dụng chính (đào tạo, nghiên cứu, dịch vụ,...)

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Mục đích sử dụng chính
1	Trụ sở chính	236B Lê Văn Sỹ, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh	5.400	6.047	Đào tạo, nghiên cứu
2	Cơ sở Biên Hòa	205A Phùng Hưng, Phường Tam Phước, TP. Đồng Nai	54.888	5.021	Đào tạo, nghiên cứu
3	Cơ sở Nhà Bè	Xã Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	80.000	6.820	Đào tạo, nghiên cứu
Tổng cộng			140.288	17.888	

b) Danh mục các công trình xây dựng (hội trường, tòa giảng đường, ký túc xá, thư viện, trung tâm học liệu; tòa nhà làm việc,...) các hạng mục cơ sở vật chất; thông tin về khuôn viên, diện tích sàn xây dựng, diện tích sàn sử dụng cho đào tạo, nghiên cứu và mục đích khác

TT	Nội dung	Diện tích (m ²)
1	Tổng diện tích đất của trường	140.288
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ ĐT, nghiên cứu khoa học của trường Trong đó	26.452
2.1	<i>Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu</i>	23.029
2.2	<i>Thư viện, trung tâm học liệu</i>	401
2.3	<i>Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập</i>	3.022

c) Thông tin về thư viện (không gian làm việc, phòng đọc,...); số đầu sách và số bản sách giáo trình, sách chuyên khảo

TT	Chỉ số đánh giá	Số lượng	Ghi chú
1	Không gian làm việc	05 Phòng	01 Văn phòng, 04 phòng đọc kiêm làm việc
2	Phòng đọc	04 Phòng	cả 3 cơ sở
	Số đầu sách điện tử có thể truy cập trực tuyến	10.460	
	Số đầu sách có bản in	4.687	
	Số đầu sách có thể mượn trực tiếp	4.687	

6. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo

a) Kết quả tự đánh giá của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

Nhà trường đã hoàn thành Kiểm định chất lượng giáo dục và nhận giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cấp ngày 16/8/2021.

Sau khi đạt kiểm định, Nhà trường tiếp tục duy trì và cải tiến, bảo đảm chất lượng bên trong, triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng theo các khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài, đồng thời thực hiện công tác giám sát việc duy trì và nâng cao chất lượng theo quy định. Nhà trường đã thực hiện báo cáo giữa kỳ CSGD và đã gửi báo cáo đến Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Trường Đại học Vinh theo Công văn số 1378/TĐHTPHCM-KT&ĐBCL ngày 28/12/2023 về báo cáo giữa kỳ Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục.

Nhằm chuẩn bị cho công tác kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 2 (giai đoạn 2021-2026), ngày 17/9/2025, Nhà trường ban hành Kế hoạch số 607/KH-TĐHTPHCM về việc triển khai tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM. Trên cơ sở kế hoạch này, Hội đồng tự đánh giá và các nhóm chuyên trách được thành lập, thực hiện rà soát các hoạt động của Nhà trường theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.

Sau khi hoàn thành công tác tự đánh giá, Nhà trường đăng ký kiểm định chất lượng và phối hợp với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh triển khai Đánh giá ngoài vào tháng 6/2026.

b) Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục do tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục cấp theo quy định pháp luật qua các mốc thời gian.

Nhà trường đã đạt Chứng nhận Kiểm định chất lượng 12 chương trình đào tạo của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh cấp theo Quyết định:

TT	Chương trình đào tạo	Số quyết định	Ngày cấp chứng nhận kiểm định	Thời hạn kiểm định
1	[8850103.ThS] Quản lý đất đai	217/QĐ-KĐCLV	26/12/2025	26/12/2030
2	[8520320.ThS] Kỹ thuật môi trường	218/QĐ-KĐCLV	26/12/2025	26/12/2030
3	[7580213.ĐHCQ] Kỹ thuật Cấp thoát nước	23/QĐ-KĐCLV	04/03/2024	04/03/2029
4	[7850102.ĐHCQ] Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	22/QĐ-KĐCLV	04/03/2024	04/03/2029
5	[7440224.ĐHCQ] Thủy văn học	21/QĐ-KĐCLV	04/03/2024	04/03/2029
6	[7480104.ĐHCQ] Hệ thống thông tin	678/QĐ-KĐCLV	21/08/2023	21/08/2028
7	[7850103.ĐHCQ] Quản lý đất đai	679/QĐ-KĐCLV	21/08/2023	21/08/2028

TT	Chương trình đào tạo	Số quyết định	Ngày cấp chứng nhận kiểm định	Thời hạn kiểm định
8	[7340101.ĐHCQ] Quản trị kinh doanh	680/QĐ-KĐCLV	21/08/2023	21/08/2028
9	[7480201.ĐHCQ] Công nghệ thông tin	450/QĐ-KĐCLV	28/04/2022	28/04/2027
10	[7520503.ĐHCQ] Kỹ thuật trắc địa – Bản đồ	451/QĐ-KĐCLV	28/04/2022	28/04/2027
11	[7850101.ĐHCQ] Quản lý tài nguyên và môi trường	449/QĐ-KĐCLV	28/04/2022	28/04/2027
12	[7510406.ĐHCQ] Công nghệ kỹ thuật môi trường	448/QĐ-KĐCLV	28/04/2022	28/04/2027

c) Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

Nhà trường đã ban hành Kế hoạch số 1187/KH-TĐHTPHCM ngày 31/12/2021 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TPHCM về khắc phục các tồn tại sau đánh giá ngoài chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2026-2020.

Về kết quả thực hiện cải tiến sau đánh giá ngoài, Nhà trường đã thực hiện báo cáo giữ kỳ CSGD và đã gửi báo cáo đến Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Trường Đại học Vinh theo Công văn số 1378/TĐHTPHCM-KT&ĐBCL ngày 28/12/2023 về báo cáo giữa kì Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục.

Hằng năm, Nhà trường có ban hành các Kế hoạch cải tiến chất lượng, như sau:

+ Kế hoạch số 1019/KH-TĐHTPHCM ngày 22/11/2021 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh về Kế hoạch công tác đảm bảo chất lượng giáo dục năm 2021-2022.

+ Kế hoạch số 426/KH-TĐHTPHCM ngày 28/4/2023 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh về Kế hoạch cải tiến công tác đảm bảo chất lượng bên trong năm 2023.

+ Kế hoạch số 1400/KH-TĐHTPHCM ngày 29/12/2023 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh về Kế hoạch cải tiến công tác đảm bảo chất lượng bên trong năm 2024.

+ Kế hoạch số 542/KH-TĐHTPHCM ngày 18/6/2024 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh về Kế hoạch cải tiến công tác đảm bảo chất lượng bên trong năm 2024 (cập nhật).

+ Kế hoạch số 608/KH-TĐHTPHCM ngày 17/9/2025 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh về Đảm bảo chất lượng bên trong năm 2025-2026.

IV. Kế hoạch và kết quả hoạt động đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ

1. Thông tin về kế hoạch tuyển sinh, tổ chức đào tạo

A. Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy

❖ Đối tượng, điều kiện dự tuyển

○ Phương thức 1

- Đối tượng: Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Điều kiện xét tuyển:
 - + Thí sinh có kết quả các môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 phù hợp tổ hợp môn xét tuyển theo ngành đào tạo và đạt yêu cầu tiêu chí đảm bảo chất lượng của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh (Tiêu chí này sẽ được công bố sau khi có điểm thi THPT năm 2025).

+ Thí sinh có đăng ký xét tuyển vào Trường hợp lệ theo quy định.

○ Phương thức 2

- Đối tượng: Thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025 hoặc tương đương.
- Điều kiện xét tuyển:
 - + Hạnh kiểm năm học lớp 11 và lớp 12 xếp loại Khá trở lên.
 - + Tổng điểm trung bình của 03 môn theo tổ hợp xét tuyển của 04 học kỳ năm học lớp 11 và năm học lớp 12 đạt yêu cầu tiêu chí đảm bảo chất lượng do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh quy định.

+ Thí sinh có đăng ký xét tuyển vào Trường hợp lệ theo quy định.

○ Phương thức 3

- Đối tượng: Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương năm 2025.
- Điều kiện xét tuyển:
 - + Hạnh kiểm năm học lớp 11 và lớp 12 xếp loại Khá trở lên.
 - + Tổng điểm trung bình của 03 học kỳ gồm: học kỳ 2 năm lớp 11, học kỳ 1 và học kỳ 2 năm lớp 12 đạt yêu cầu tiêu chí đảm bảo chất lượng do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh quy định.

+ Thí sinh có đăng ký xét tuyển vào Trường hợp lệ theo quy định.

○ Phương thức 4

- Đối tượng: Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương từ năm 2017 đến 2024.
- Điều kiện xét tuyển:
 - + Hạnh kiểm năm học lớp 11 và lớp 12 xếp loại Khá trở lên.
 - + Tổng điểm trung bình của 03 môn theo tổ hợp xét tuyển của 04 học kỳ năm học lớp 11 và năm học lớp 12 đạt yêu cầu tiêu chí đảm bảo chất lượng do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh quy định.

+ Thí sinh có đăng ký xét tuyển vào Trường hợp lệ theo quy định.

○ Phương thức 5

- Đối tượng: Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Tham dự kỳ thi Đánh giá năng lực Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh năm 2025;
- Có đăng ký xét tuyển vào Trường hợp lệ theo quy định.

○ Phương thức 6

- Đối tượng: thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

- Đáp ứng tiêu chí theo quy định xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thí sinh theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng chính quy năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

❖ **Mô tả phương thức tuyển sinh**

Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh tuyển sinh tất cả các ngành đào tạo bằng phương thức xét tuyển thông qua các phương thức sau:

○ **Phương thức 1:**

- Điều kiện đăng ký: Tham khảo nội dung tại phần 1.1.
- Điểm xét tuyển: Điểm xét tuyển là tổng điểm 3 môn theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển cộng với điểm ưu tiên Khu vực và Đối tượng (theo Quy chế tuyển sinh hiện hành). Điểm xét tuyển được làm tròn đến hai chữ số thập phân và tính theo công thức:

$$\text{Điểm xét tuyển (ĐXT)} = M1 + M2 + M3 + ĐƯT$$

Trong đó:

+ M1, M2, M3 là điểm thi các môn không nhân hệ số trong tổ hợp môn xét tuyển phù hợp với ngành do thí sinh đăng ký.

Lưu ý: Có thể quy đổi điểm môn ngoại ngữ theo quy định.

+ Điểm ưu tiên (ĐƯT) = ĐƯT khu vực + ĐƯT đối tượng.

Ưu tiên gồm: ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng theo quy định của Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Trường.

Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì thí sinh có điểm môn Toán lớn hơn sẽ được ưu tiên trúng tuyển.

○ **Phương thức 2:**

- Điều kiện đăng ký: Tham khảo nội dung tại phần 1.2.
- Điểm xét tuyển: là tổng điểm 3 môn theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển cộng với điểm ưu tiên Khu vực và Đối tượng (theo Quy chế tuyển sinh hiện hành). Điểm xét tuyển được tính theo công thức:

$$Đ_{XT} = \sum_{i=1}^3 Đ_{Mi} + Đ_{ƯT}$$

Trong đó:

+ Đ_{XT}: Điểm xét tuyển được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

+ Đ_{Mi}: Điểm xét tuyển của môn i trong công thức trên được tính như sau:

$$Đ_{Mi} = \frac{Đ_{MiHK1L11} + Đ_{MiHK2L11} + Đ_{MiHK1L12} + Đ_{MiHK2L12}}{4}$$

+ Đ_{ƯT}: là tổng điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng được xác định theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành.

Lưu ý: Có thể quy đổi điểm môn ngoại ngữ theo quy định.

○ **Phương thức 3:**

- Điều kiện đăng ký: Tham khảo nội dung tại phần 1.3.

- Điểm xét tuyển: là tổng điểm trung bình 3 học kỳ (học kỳ 2 năm học lớp 11, học kỳ 1 và học kỳ 2 năm học lớp 12) cộng với điểm ưu tiên Khu vực và Đối tượng (theo Quy chế tuyển sinh hiện hành). Điểm xét tuyển được tính theo công thức:

$$Đ_{XT} = Đ_{TBHK2L11} + Đ_{TBHK1L12} + Đ_{TBHK2L12} + Đ_{UT}$$

Trong đó:

- + $Đ_{XT}$: Điểm xét tuyển được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.
- + $Đ_{TBHK2L11}$, $Đ_{TBHK1L12}$, $Đ_{TBHK2L12}$ là điểm trung bình của tất cả các môn học ở học kỳ 2 năm học lớp 11, học kỳ 1 và học kỳ 2 năm học lớp 12.
- + $Đ_{UT}$: là tổng điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng được xác định theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành.

Lưu ý: Có thể quy đổi điểm môn ngoại ngữ theo quy định.

○ **Phương thức 4:**

- Điều kiện đăng ký: Tham khảo nội dung tại phần 1.4.
- Điểm xét tuyển: là tổng điểm 3 môn theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển cộng với điểm ưu tiên Khu vực và Đối tượng (theo Quy chế tuyển sinh hiện hành). Điểm xét tuyển được tính theo công thức:

$$Đ_{XT} = \sum_{i=1}^3 Đ_{Mi} + Đ_{UT}$$

Trong đó:

- + $Đ_{XT}$: Điểm xét tuyển được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.
- + $Đ_{Mi}$: Điểm xét tuyển của môn i trong công thức trên được tính như sau:

$$Đ_{Mi} = \frac{Đ_{MiHK1L11} + Đ_{MiHK2L11} + Đ_{MiHK1L12} + Đ_{MiHK2L12}}{4}$$

+ $Đ_{UT}$: là tổng điểm ưu tiên theo khu vực và đối tượng được xác định theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành.

Lưu ý: Có thể quy đổi điểm môn ngoại ngữ theo quy định.

○ **Phương thức 5:**

- Điều kiện đăng ký: Tham khảo nội dung tại phần 1.5.
- Điểm xét tuyển: là tổng điểm bài thi đánh giá năng lực năm 2024 của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh (theo thang điểm 1.200) được quy đổi theo thang điểm do Bộ Giáo dục Đào tạo quy định.

Lưu ý: Điểm quy đổi theo quy định.

○ **Phương thức 6:**

- Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Đáp ứng tiêu chí theo quy định xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thí sinh theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng chính quy năm 2025 của Nhà trường.

❖ **Chỉ tiêu tuyển sinh:**

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1	7340101	Quản trị kinh doanh		Kinh doanh và quản lý	400	Tất cả các ngành xét tuyển đều xét tuyển theo 6 phương thức tuyển sinh như sau: - Phương thức 1: Xét tuyển dựa trên kết quả thi 3 môn thi THPT năm 2025 - Phương thức 2: Xét tuyển căn cứ kết quả học tập các môn học năm lớp 11, 12 theo học bạ bậc học THPT - Phương thức 3: Xét tuyển căn cứ vào kết quả học tập trung bình 3 học kỳ (học kỳ 2 năm lớp 11, học kỳ 1 và học kỳ 2 năm lớp 12) theo học bạ ở bậc học THPT - Phương thức 4: Xét tuyển căn cứ kết quả học tập các môn học năm lớp 11, 12 theo học bạ bậc học THPT cho đối tượng tốt nghiệp trước năm 2025. - Phương thức 5: Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	
2	7340116	Bất động sản		Kinh doanh và quản lý	200		
3	7440201	Địa chất học		Khoa học tự nhiên	25		
4	7440211	Biến đổi khí hậu		Khoa học tự nhiên	25		
5	7440221	Khí tượng và khí hậu học		Khoa học tự nhiên	25		
6	7440224	Thủy văn học		Khoa học tự nhiên	25		
7	7480104	Hệ thống thông tin		Máy tính và công nghệ thông tin	100		
8	7480201	Công nghệ thông tin		Máy tính và công nghệ thông tin	300		
9	7510401	Công nghệ kỹ thuật hóa học		Công nghệ kỹ thuật	25		
10	7510402	Công nghệ vật liệu		Công nghệ kỹ thuật	25		
11	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường		Công nghệ kỹ thuật	100		
12	7510605	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng		Quản lý công nghiệp	120		
13	7520503	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ		Kỹ thuật	200		
14	7580106	Quản lý đô thị và công trình		Kiến trúc và xây dựng	80		
15	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước		Kiến trúc và xây dựng	70		
16	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường		Môi trường và bảo vệ môi trường	250		
17	7850102	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên		Môi trường và bảo vệ môi trường	50		
18	7850103	Quản lý đất đai		Môi trường và bảo vệ môi trường	350		
19	7850197	Quản lý tài nguyên và môi trường biển đảo		Môi trường và bảo vệ môi trường	25		

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
20	7850198	Quản lý tài nguyên nước		Môi trường và bảo vệ môi trường	25	- Phương thức 6: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng	

❖ Ngưỡng đầu vào

○ Phương thức 1

Tổng điểm 3 môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển phù hợp với ngành đào tạo của Trường cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực phải thỏa mãn tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào; ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào sẽ thông báo khi có kết quả thi THPT năm 2025.

Ngưỡng đầu vào đối với các đợt xét tuyển bổ sung không thấp hơn điều kiện trúng tuyển đợt trước.

○ Phương thức 2,3,4

Tổng điểm trung bình năm (05) học kỳ (năm lớp 10, lớp 11 và học kỳ 1 năm lớp 12) của 3 môn thuộc tổ hợp môn xét tuyển phải đạt 18,00 điểm trở lên.

Ngưỡng đầu vào đối với các đợt xét tuyển bổ sung không thấp hơn điều kiện trúng tuyển đợt trước.

○ Phương thức 5

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào Hội đồng tuyển sinh công bố khi có kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh năm 2025.

Ngưỡng đầu vào đối với các đợt xét tuyển bổ sung không thấp hơn điều kiện trúng tuyển đợt trước.

❖ Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo: Xét tuyển

○ Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

- Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì thí sinh có điểm môn Toán lớn hơn sẽ được ưu tiên trúng tuyển.

○ Điểm cộng

- Điểm ưu tiên (ĐUT) = ĐUT khu vực + ĐUT đối tượng.

- Ưu tiên gồm: ưu tiên khu vực và ưu tiên đối tượng theo quy định của Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Trường.

○ Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành): không

○ Các thông tin khác: Tổ hợp xét tuyển

STT	Mã trường	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
1	DTM	Quản trị kinh doanh	7340101	Toán - Ngữ văn - Vật lý
				Toán - Ngữ văn - Hóa
				Toán - Ngữ văn - Lịch sử
				Toán - Ngữ văn - Địa lý
				Toán - Ngữ văn - Sinh học
				Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh
				Toán - Ngữ văn - Tiếng Trung
				Toán - Ngữ văn – GDKT&PL
2	DTM	Bất động sản	7340116	Toán - Ngữ văn - Vật lý
				Toán - Ngữ văn - Hóa
				Toán - Ngữ văn - Lịch sử
				Toán - Ngữ văn - Địa lý
				Toán - Ngữ văn - Sinh học
				Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh
				Toán - Ngữ văn – GDKT&PL
				Toán - Ngữ văn – Tin học
3	DTM	Địa chất học	7440201	Toán - Ngữ văn - Vật lý
				Toán - Ngữ văn - Hóa
				Toán - Ngữ văn - Lịch sử
				Toán - Ngữ văn - Địa lý
				Toán - Ngữ văn - Sinh học
				Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh
				Toán - Ngữ văn – GDKT&PL
				Toán - Ngữ văn - Công nghệ
4	DTM	Khí tượng và khí hậu học	7440222	Toán - Ngữ văn - Vật lý
				Toán - Ngữ văn - Hóa
				Toán - Ngữ văn - Lịch sử
				Toán - Ngữ văn - Địa lý
				Toán - Ngữ văn - Sinh học
				Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh
				Toán - Ngữ văn – GDKT&PL

STT	Mã trường	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
				Toán - Ngữ văn – Tin học
5	DTM	Thủy văn học	7440224	Toán - Ngữ văn - Vật lý
				Toán - Ngữ văn - Hóa
				Toán - Ngữ văn - Lịch sử
				Toán - Ngữ văn - Địa lý
				Toán - Ngữ văn - Sinh học
				Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh
				Toán - Ngữ văn – GD&ĐT&PL
				Toán - Ngữ văn – Tin học
6	DTM	Biến đổi khí hậu	7440221	Toán - Ngữ văn - Vật lý
				Toán - Ngữ văn - Hóa
				Toán - Ngữ văn - Lịch sử
				Toán - Ngữ văn - Địa lý
				Toán - Ngữ văn - Sinh học
				Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh
				Toán - Ngữ văn – GD&ĐT&PL
				Toán - Ngữ văn – Tin học
7	DTM	Hệ thống thông tin	7480104	Toán - Ngữ văn - Vật lý
				Toán - Ngữ văn - Hóa
				Toán - Ngữ văn - Lịch sử
				Toán - Ngữ văn - Địa lý
				Toán - Ngữ văn - Sinh học
				Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh
				Toán - Ngữ văn – GD&ĐT&PL
				Toán - Ngữ văn – Tin học
8	DTM	Công nghệ thông tin	7480201	Toán - Ngữ văn - Vật lý
				Toán - Ngữ văn - Hóa
				Toán - Ngữ văn - Lịch sử
				Toán - Ngữ văn - Địa lý
				Toán - Ngữ văn - Sinh học
				Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh
				Toán - Ngữ văn – GD&ĐT&PL
				Toán - Ngữ văn – Tin học
9	DTM	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	Toán - Ngữ văn - Vật lý
				Toán - Ngữ văn - Hóa
				Toán - Ngữ văn - Lịch sử

STT	Mã trường	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
				Toán - Ngữ văn - Địa lý
				Toán - Ngữ văn - Sinh học
				Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh
				Toán - Ngữ văn - Tin học
				Toán - Ngữ văn - Công nghệ
10	DTM	Công nghệ vật liệu	7510402	Toán - Ngữ văn - Vật lý
				Toán - Ngữ văn - Hóa
				Toán - Ngữ văn - Lịch sử
				Toán - Ngữ văn - Địa lý
				Toán - Ngữ văn - Sinh học
				Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh
				Toán - Ngữ văn - Tin học
				Toán - Ngữ văn - Công nghệ
11	DTM	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	Toán - Ngữ văn - Vật lý
				Toán - Ngữ văn - Hóa
				Toán - Ngữ văn - Lịch sử
				Toán - Ngữ văn - Sinh học
				Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh
				Toán - Ngữ văn - GDKT&PL
				Toán - Ngữ văn - Công nghệ
				Toán - Ngữ văn - Tin học
12	DTM	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Toán - Ngữ văn - Vật lý
				Toán - Ngữ văn - Hóa
				Toán - Ngữ văn - Lịch sử
				Toán - Ngữ văn - Địa lý
				Toán - Ngữ văn - Sinh học
				Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh
				Toán - Ngữ văn - Tiếng Trung
				Toán - Ngữ văn - GDKT&PL
13	DTM	Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ	7520503	Toán - Ngữ văn - Vật lý
				Toán - Ngữ văn - Hóa
				Toán - Ngữ văn - Lịch sử
				Toán - Ngữ văn - Địa lý
				Toán - Ngữ văn - Sinh học
				Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh
				Toán - Ngữ văn - Tin học
				Toán - Ngữ văn - Công nghệ
14	DTM	Quản lý đô thị và công trình	7580106	Toán - Ngữ văn - Vật lý
				Toán - Ngữ văn - Hóa

STT	Mã trường	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
				Toán - Ngữ văn – Lịch sử
				Toán - Ngữ văn – Địa lý
				Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh
				Toán - Ngữ văn – Sinh học
				Toán - Ngữ văn – Công nghệ
				Toán - Ngữ văn – Tin học
15	DTM	Kỹ thuật cấp thoát nước	7580213	Toán - Ngữ văn - Vật lý
				Toán - Ngữ văn - Hóa
				Toán - Ngữ văn – Tin học
				Toán - Ngữ văn - Sinh học
				Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh
				Toán - Ngữ văn – GDKT&PL
				Toán - Ngữ văn – Công nghệ
				Toán - Ngữ văn – Lịch sử
16	DTM	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	Toán - Ngữ văn - Hóa
				Toán - Ngữ văn - Lịch sử
				Toán - Ngữ văn - Địa lý
				Toán - Ngữ văn - Sinh học
				Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh
				Toán - Ngữ văn – GDKT&PL
				Toán - Ngữ văn – Tin học
				Toán - Ngữ văn – Công nghệ
17	DTM	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	7850102	Toán - Ngữ văn - Vật lý
				Toán - Ngữ văn - Hóa
				Toán - Ngữ văn - Lịch sử
				Toán - Ngữ văn - Địa lý
				Toán - Ngữ văn - Sinh học
				Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh
				Toán - Ngữ văn - Tiếng Trung
				Toán - Ngữ văn – GDKT&PL
18	DTM	Quản lý đất đai	7850103	Toán - Ngữ văn - Vật lý
				Toán - Ngữ văn - Hóa
				Toán - Ngữ văn - Lịch sử
				Toán - Ngữ văn - Địa lý
				Toán - Ngữ văn - Sinh học
				Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh
				Toán - Ngữ văn – GDKT&PL
				Toán - Ngữ văn – Tin học
19	DTM	Quản lý tài	7850198	Toán - Ngữ văn - Vật lý
				Toán - Ngữ văn - Hóa

STT	Mã trường	Tên ngành	Mã ngành	Tổ hợp xét tuyển
		nguyên nước		Toán - Ngữ văn - Lịch sử
				Toán - Ngữ văn - Địa lý
				Toán - Ngữ văn - Sinh học
				Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh
				Toán - Ngữ văn - Tin học
				Toán - Ngữ văn - GDKT&PL
20	DTM	Quản lý tài nguyên và môi trường Biển đảo	7850197	Toán - Ngữ văn - Vật lý
				Toán - Ngữ văn - Hóa
				Toán - Ngữ văn - Lịch sử
				Toán - Ngữ văn - Địa lý
				Toán - Ngữ văn - Sinh học
				Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh
				Toán - Ngữ văn - Tin học
				Toán - Ngữ văn - Tiếng Trung

❖ Thời gian tuyển sinh

○ Phương thức 1:

Thời gian nhận hồ sơ:

+ Đợt 1: 16/7 – 28/7/2025;

+ Đợt bổ sung: 01/9 – 15/09/2025;

○ Phương thức 2, 3, 4:

Thời gian nhận hồ sơ

+ Đợt 1: 15/6 – 28/7/2025;

+ Đợt 2 (bổ sung): 01/9 – 15/9/2025;

Phương thức 5:

Thời gian nhận hồ sơ: Theo kế hoạch tổ chức thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia

+ Đợt 1: 16/7 – 28/7/2025;

○ Phương thức 6

Thí sinh xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thí sinh theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo nộp hồ sơ xét tuyển về Trường theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

❖ Hình thức đăng ký xét tuyển

○ Phương thức 1

- Đợt 1: Đăng ký xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đợt xét tuyển bổ sung : Thí sinh nộp trực tiếp tại Phòng Đào tạo - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh hoặc gửi qua bưu điện.

○ Phương thức 2

- Thí sinh đăng ký xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh in phiếu đăng ký xét tuyển theo phương thức dựa trên kết quả học

tập ở bậc học THPT vào Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh tại website <https://ts.hcmunre.edu.vn>;

- Thí sinh chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và nộp trực tiếp tại Phòng Đào tạo, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh hoặc gửi qua bưu điện.

- **Phương thức 3**

- Thí sinh đăng ký xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh in phiếu đăng ký xét tuyển theo phương thức dựa trên kết quả học tập ở bậc học THPT vào Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh tại website <https://ts.hcmunre.edu.vn>;

- Thí sinh chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và nộp trực tiếp tại Phòng Đào tạo, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh hoặc gửi qua bưu điện.

- **Phương thức 4**

- Thí sinh đăng ký xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh in phiếu đăng ký xét tuyển theo phương thức dựa trên kết quả học tập ở bậc học THPT vào Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh tại website <https://ts.hcmunre.edu.vn>;

- Thí sinh chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và nộp trực tiếp tại Phòng Đào tạo, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh hoặc gửi qua bưu điện.

- **Phương thức 5**

Thí sinh đăng ký xét tuyển theo một trong các hình thức sau:

- Đăng ký xét tuyển thông qua Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh khi đăng ký thi kỳ thi đánh giá năng lực 2025 và đăng ký xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nộp hồ sơ xét tuyển về Hội đồng tuyển sinh của Trường (đối với thí sinh không đăng ký thông qua Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh).

- **Phương thức 6**

Thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển về Trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

B. Tuyển sinh đào tạo đại học vừa học vừa làm

❖ Tuyển sinh đào tạo đại học vừa làm vừa học đối tượng tốt nghiệp THPT

Năm 2025, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh không tuyển sinh đại học vừa làm vừa học cho đối tượng tốt nghiệp THPT (hệ 4 năm).

❖ Tuyển sinh đào tạo đại học vừa làm vừa học với đối tượng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên

- Đối tượng, điều kiện tuyển sinh

- + *Đối tượng tuyển sinh*

- Thí sinh đã tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp (hoặc tương đương).

- Thí sinh đã tốt nghiệp cao đẳng (hoặc tương đương).

- Thí sinh đã tốt nghiệp đại học (hoặc tương đương).

+ *Điều kiện tuyển sinh*

- Thí sinh tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng, Đại học hoặc tương đương các ngành phù hợp

- Thí sinh có kết quả học tập bậc Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng, Đại học hoặc tương đương đáp ứng ngưỡng đầu vào theo quy định.

❖ **Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.

❖ **Phương thức tuyển sinh:** Xét tuyển

❖ **Chỉ tiêu tuyển sinh:**

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành xét tuyển	Tên ngành xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển	Tên phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu (dự kiến)	Số văn bản đào tạo VLVH	Ngày tháng năm ban hành văn bản	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ ban hành	Năm bắt đầu đào tạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Đại học	7340101	Quản trị kinh doanh			20			Bộ GDĐT	
2	Đại học	7480201	Công nghệ thông tin			20			Bộ GDĐT	
3	Đại học	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường			40			Bộ GDĐT	
4	Đại học	7520503	Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ			150			Bộ GDĐT	
5	Đại học	7580213	Kỹ thuật cấp thoát nước			40			Bộ GDĐT	
6	Đại học	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường			40			Bộ GDĐT	
7	Đại học	7850103	Quản lý đất đai			110			Bộ GDĐT	
8	Đại học	7580106	Quản lý đô thị và công trình			30			Bộ GDĐT	

Liên kết công khai tuyển sinh đào tạo vừa học vừa làm trên trang thông tin điện tử của CSĐT: <https://hcmunre.edu.vn/tuyen-sinh-dai-hoc-lien-thong-vlvh>

❖ **Ngưỡng đầu vào**

Thí sinh phải có kết quả học tập toàn khóa bậc trung cấp/cao đẳng/đại học hoặc tương đương đạt từ 5,0 trở lên (tính theo thang điểm 10 đối với học chế niên chế) hoặc đạt từ 2,0 trở lên (tính theo thang điểm 4 đối với học chế tín chỉ) và được Hội đồng tuyển sinh xác định cụ thể theo ngành của từng khóa tuyển sinh.

❖ **Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào các ngành của trường**

Thông báo tuyển sinh của các đợt tuyển sinh hình thức vừa làm vừa học của Trường được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và trên các phương tiện truyền thông khác.

❖ **Tổ chức tuyển sinh**

- *Thời gian xét tuyển:* Từ ngày 01/05/2025 - 31/12/2025.

- *Hình thức xét tuyển:* Thí sinh nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký xét tuyển về Hội đồng tuyển sinh, trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh trong thời gian thông báo xét tuyển. Hồ sơ gồm có:

- + Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Trường;
- + Sơ yếu lý lịch theo mẫu của Trường;
- + 01 túi hồ sơ theo mẫu của Trường;
- + 01 bản sao bằng tốt nghiệp TCCN/Cao đẳng/Đại học hoặc tương đương có chứng thực;
- + 01 bản sao bằng điểm tốt nghiệp TCCN/Cao đẳng Đại học hoặc tương đương có chứng thực;
- + 01 bản sao có chứng thực các giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

❖ **Chính sách ưu tiên**

Theo quy định hiện hành

C. Tuyển sinh đào tạo sau đại học

Công tác tuyển sinh được tổ chức 2 đợt/năm. Trước mỗi đợt tuyển sinh Nhà trường ban hành Kế hoạch tuyển sinh chi tiết. Hình thức đào tạo: Chính quy tuân thủ đúng Quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ Thạc sĩ (Quyết định số 806/QĐ-TĐHTPHCM ngày 20 tháng 10 năm 2021) và Quy trình đào tạo Thạc sĩ (Quyết định số 607/QĐ-TĐHTPHCM ngày 12 tháng 7 năm 2021)

2. Thông tin về kết quả tuyển sinh và đào tạo

Thông tin về kết quả tuyển sinh và đào tạo hằng năm đối với từng trình độ đào tạo, tính cho toàn cơ sở giáo dục và phân theo lĩnh vực, ngành và hình thức đào tạo:

a) Quy mô đào tạo, số lượng nhập học mới và số lượng tốt nghiệp.

TT	Số lượng người học	Quy mô đào tạo	Tuyển mới 2025	Tốt nghiệp 2025
A	ĐẠI HỌC			
1	Đại học chính quy		2275	953
1.1	Các ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học			
1.2	Các ngành đào tạo (trừ ngành đào tạo đặc thù có nhu cầu cao về nhân lực trình độ đại học)		2275	953

TT	Số lượng người học	Quy mô đào tạo	Tuyển mới 2025	Tốt nghiệp 2025
1.2.1	Môi trường và bảo vệ môi trường	2543	711	415
1.2.1.1	Quản lý tài nguyên và môi trường	859	256	98
1.2.1.2	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	183	51	16
1.2.1.3	Quản lý đất đai	1414	358	292
1.2.1.4	Quản lý tài nguyên và môi trường biển đảo	38	23	3
1.2.1.5	Quản lý tài nguyên nước	49	23	6
1.2.2	Công nghệ kỹ thuật	552	272	38
1.2.2.1	Công nghệ kỹ thuật hóa học	98	24	
1.2.2.2	Công nghệ vật liệu	21	24	
1.2.2.3	Công nghệ kỹ thuật môi trường	277	101	38
1.2.2.4	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	156	123	
1.2.3	Kiến trúc và xây dựng	279	139	15
1.2.3.1	Quản lý đô thị và công trình	154	70	
1.2.3.2	Kỹ thuật cấp thoát nước	125	69	14
1.2.3.3	Kỹ thuật tài nguyên nước			1
1.2.4	Kinh doanh và quản lý	1341	547	303
1.2.4.1	Quản trị kinh doanh	1094	411	303
1.2.4.2	Bất động sản	247	136	
1.2.5	Kỹ thuật	397	158	45
1.2.5.1	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	397	158	45
1.2.6	Máy tính và công nghệ thông tin	1349	353	130
1.2.6.1	Hệ thống thông tin	277	100	28
1.2.6.2	Công nghệ thông tin	1072	253	102
1.2.7	Khoa học tự nhiên	207	95	7
1.2.7.1	Địa chất học	76	23	
1.2.7.2	Biến đổi khí hậu	23	25	1
1.2.7.3	Khí tượng và khí hậu học	88	24	5
1.2.7.4	Thủy văn học	20	23	1
2	Đại học vừa làm vừa học	453		
2.1.2	Môi trường và bảo vệ môi trường	63	36	89
2.1.2.1	Quản lý tài nguyên và môi trường			
2.1.2.2	Quản lý đất đai	63	36	89
2.1.3	Công nghệ kỹ thuật	25	13	3
2.1.3.1	Công nghệ kỹ thuật môi trường	25	13	3
2.1.4	Kiến trúc và xây dựng	80	39	25
2.1.4.1	Kỹ thuật cấp thoát nước	80	39	25
2.1.5	Kinh doanh và quản lý			
2.1.5.1	Quản trị kinh doanh			

TT	Số lượng người học	Quy mô đào tạo	Tuyển mới 2025	Tốt nghiệp 2025
2.1.6	Kỹ thuật	241	39	89
2.1.6.1	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	241	39	89
2.1.7	Máy tính và công nghệ thông tin			
2.1.7.1	Công nghệ thông tin			
2.1.8	Khoa học tự nhiên	44		
2.1.8.1	Khí tượng và khí hậu học	25		
2.1.8.2	Thủy văn học	19		
B	Thạc sĩ			
1	Kỹ thuật môi trường	90	24	24
2	Quản lý đất đai	418	153	132
3	Quản lý tài nguyên và môi trường	161	63	16
4	Trắc địa bản đồ	67	23	14
5	Công nghệ thông tin	41	21	3
6	Cấp thoát nước	39	5	0
7	Thủy văn học	20	23	0
8	Quản trị kinh doanh	17	17	0

b) Tỷ lệ nhập học so với kế hoạch, tỷ lệ thôi học, tỷ lệ thôi học năm đầu, tỷ lệ tốt nghiệp trong thời gian không quá 2 năm so với kế hoạch học tập chuẩn và tỷ lệ tốt nghiệp đúng thời hạn (trong thời gian tiêu chuẩn).

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo
1	Tỷ lệ nhập học so với kế hoạch	
	- Đại học	72%
	- Sau đại học	95%
3	Tỷ lệ thôi học	
	- Đại học	2,9%
	- Sau đại học	5%
4	Tỷ lệ thôi học năm đầu	
	- Đại học	5,2%
	- Sau đại học	0,3%
5	Tỷ lệ tốt nghiệp đúng thời hạn (trong thời gian tiêu chuẩn)	
	- Đại học chính quy	53,8%
	- Đại học vừa làm vừa học	97,8%
	- Sau đại học	60%
6	Tỷ lệ tốt nghiệp trong thời gian không quá 2 năm so với kế hoạch học tập chuẩn	
	- Đại học chính quy	60,7%
	- Đại học vừa làm vừa học	83,3%
	- Sau đại học	38%

c) Tỷ lệ người học tốt nghiệp đại học có việc làm phù hợp với trình độ đào tạo trong thời gian 12 tháng sau khi tốt nghiệp là 86,1%.

3. Thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ

Thông tin về kết quả hoạt động khoa học và công nghệ trong năm, tính cho toàn cơ sở giáo dục và phân theo lĩnh vực khoa học và công nghệ:

a) Danh mục dự án, đề tài hoặc nhiệm vụ khoa học công nghệ do cơ sở giáo dục chủ trì: Tên dự án, đề tài, nhiệm vụ; cấp quản lý; người chủ trì và các thành viên tham gia; đối tác trong nước và quốc tế; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện; tóm tắt kết quả và sản phẩm đạt được

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
ĐỀ TÀI CẤP QUỐC GIA						
1	Nghiên cứu công nghệ chế tạo titan xốp từ $TiCl_4$ tổng hợp từ sa khoáng ven biển Việt Nam	Chủ nhiệm: ThS. NCS Trần Anh Khoa Thành viên: TS. Trần Tuyết Sương TS. Trần Duy Hải PGS. TS. Lê Văn Lữ ThS. Hoàng Trung Ngôn GS. TS. Phan Đình Tuấn		2026- 2027	6.400 triệu đồng	- 01 bài báo quốc tế - 01 bài báo trong nước - 01 bộ quy trình công nghệ chế tạo titan xốp từ $TiCl_4$ tổng hợp từ sa khoáng ven biển Việt Nam, công suất 10 kg/mẻ - 01 bộ hồ sơ tính toán, thiết kế, quy trình công nghệ chế tạo, hướng dẫn lắp đặt, vận hành thiết bị chế tạo titan xốp từ $TiCl_4$, công suất 10 kg/mẻ. - 01 hệ thống thiết bị chế tạo Titan xốp từ $TiCl_4$ tổng hợp từ sa khoáng ven biển Việt Nam, công suất 10 kg/mẻ, chế tạo ra sản phẩm Titan xốp đáp ứng các chỉ tiêu: + Độ sạch: $\geq 98,5\%$; + Gồm các thiết bị: bình chứa nguyên liệu, thiết bị gia nhiệt, thiết bị phản ứng khử $TiCl_4$ - Titan kim loại xốp có độ sạch tối thiểu 98,5% với thành phần các tạp chất chính như yêu cầu đặt hàng, cụ thể như sau: $Mg \leq 0,15\%$; $Fe \leq 0,4\%$; $O \leq 0,3\%$; $Cl \leq 0,3\%$. - 01 đơn đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ (giải pháp hữu ích)
2	Nghiên cứu chế tạo điện cực PtM (M = Cu, W)/Ir-doped $CeO_2@C$ với hàm lượng kim loại quý platinum (Pt) thấp cho pin nhiên liệu sử dụng axit formic trực tiếp	Chủ nhiệm: PGS. TS Huỳnh Thiên Tài Thành viên: TS. Phạm Quốc Hậu TS. Nguyễn Quốc Khương Anh		2025- 2028	1.750 triệu đồng	- Quy trình chi tiết, rõ ràng cho việc tổng hợp vật liệu cấu trúc nano Ir-doped CeO_2 bằng phương pháp dung nhiệt không sử dụng chất hoạt động bề mặt/chất ổn định. - Quy trình chi tiết, rõ ràng để tổng hợp vật liệu nền composite Ir-doped $CeO_2@C$ bằng phương pháp dung nhiệt không sử dụng chất hoạt động bề mặt.

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
		TS. Nguyễn Tấn Thông TS. Trần Vĩnh Thiện				- Báo cáo chi tiết các tính chất đặc trưng (cấu trúc, hình thái, thành phần nguyên tố, diện tích bề mặt riêng, độ dẫn điện, tính chất điện hóa,...) của vật liệu cấu trúc nano Ir-doped CeO₂ và composite Ir-doped CeO₂@C tối ưu. - Chế tạo thành công điện cực sử dụng vật liệu xúc tác nano dị thể PtM (M = Cu, W)/Ir-doped CeO₂@C tổng hợp được. - Báo cáo chi tiết các tính chất đặc trưng (cấu trúc, hình thái, thành phần nguyên tố, lực tương tác,...) của điện cực PtM/Ir-doped CeO₂@C tối ưu. - Báo cáo chi tiết hiệu quả xúc tác (hoạt tính, độ bền), khả năng chống ngộ độc CO, cơ chế phản ứng của FAOR và ORR trên điện cực PtM/Ir-doped CeO₂@C. - Số bài báo trên tạp chí Q1: 01 bài; Q2: 01 bài - Có Quyết định chấp nhận đơn hợp lệ Bằng độc quyền sáng chế - Có Quyết định giao nhận đề tài - Bảo vệ thành công luận văn ThS
3	Nghiên cứu đề xuất các giải pháp phục hồi vùng đất ngập nước đặc trưng và xây dựng mô hình sinh kế bền vững ở Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên	Chủ nhiệm: TS. Cấn Thu Văn Thành viên: Hoàng Thị Thanh Thủy, PGS.TS. Địa chất-Môi trường Nguyễn Tiền Giang, PGS.TS. Tài nguyên nước Ngô Chí Tuấn, Tiến sĩ. Thủy văn Trần Đức Dũng, Tiến sĩ. Quản lý lưu vực Phạm Quỳnh Hương, Tiến sĩ. Sinh thái môi		2025-2029	6.605 triệu đồng	- 02 Bài báo khoa học quốc tế - 02 Bài báo khoa học trong nước - Báo cáo cơ sở lý luận và thực tiễn phục hồi vùng đất ngập nước và xây dựng mô hình sinh kế bền vững ở Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên - Báo cáo đánh giá hiện trạng các vùng đất ngập nước, cân bằng nước và khả năng cung cấp nước khu vực Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên - Báo cáo đề xuất các giải pháp phục hồi vùng đất ngập nước, các khu trữ nước chủ động khu vực Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên - Bản đồ hiện trạng các hệ sinh thái đất ngập nước; bản đồ các vùng có khả năng trữ nước chủ động khu vực Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên ở tỷ lệ phù hợp - Bộ cơ sở dữ liệu GIS về kết quả điều tra, nghiên cứu của đề tài - Tài liệu kỹ thuật phục hồi vùng đất ngập nước ở ĐTM và TGLX

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
		trường Lưu Văn Ninh Thạc sĩ, NCS. Thủy văn Nguyễn Hữu Trí Tiến sĩ, Kinh tế nông nghiệp				- Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật canh tác theo mô hình sinh kế bền vững ở quy mô nhỏ vùng đất ngập nước ĐTM và TGLX - Tài liệu báo cáo kết quả mô hình sinh kế bền vững dựa vào dịch vụ hệ sinh thái đất ngập nước vùng ĐTM và TGLX ở quy mô nhỏ - 01 mô hình sinh kế bền vững dựa vào dịch vụ hệ sinh thái ở quy mô phù hợp. - Được chấp nhận đơn ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ - GIẢI PHÁP HỮU ÍCH Mô hình sinh kế bền vững dựa trên dịch vụ hệ sinh thái vùng đất ngập nước đặc trưng ở ĐTM/TGLX
4	Nghiên cứu công nghệ, chế tạo hệ thống thiết bị quy mô pilot xử lý tấm quang điện mặt trời thải để thu hồi silic, một số kim loại có giá trị và tái chế thủy tinh thành vật liệu xốp định hướng ứng dụng trong nông nghiệp	Chủ nhiệm: TS. Lý Cẩm Hùng Thành viên: PGS. TS. Huỳnh Thiên Tài TS. Hoàng Minh Nam TS. Đỗ Hải Sâm TS. Huỳnh Anh Hoàng TS. Trần Bá Lê Hoàng ThS. Huỳnh Thị Minh Sương ThS. Nguyễn Thị Như Dung	Viện Nghiên cứu Ứng dụng Tài nguyên thiên nhiên, Vật liệu và Môi trường - Hội Khoa học các sản phẩm thiên nhiên Việt Nam	2025-2027	7.400 triệu đồng	- 02 bài báo khoa học trong nước - 01 bài báo quốc tế - Bộ tài liệu tính toán, thiết kế và chế tạo hệ thống thiết bị quy mô pilot hoạt động bán liên tục xử lý, thu hồi silic, một số kim loại có giá trị từ tấm quang điện mặt trời thải và tái chế thủy tinh thành vật liệu xốp - Quy trình công nghệ thu hồi Silic từ tấm quang điện mặt trời thải - Quy trình công nghệ thu hồi kim loại (Al, Cu, Ag) từ tấm quang điện mặt trời thải - Quy trình công nghệ chế biến thủy tinh từ tấm quang điện mặt trời thải bỏ - Báo cáo đánh giá các tính chất thành phần, cấu trúc, khả năng ứng dụng của vật liệu mới tạo thành và đánh giá được hiệu quả kinh tế, kỹ thuật và môi trường của công nghệ xử lý tấm quang điện mặt trời thải. - 01 hệ thống thiết bị quy mô pilot hoạt động bán liên tục xử lý, thu hồi silic, một số kim loại có giá trị từ tấm quang điện mặt trời thải và tái chế thủy tinh thành vật liệu xốp, đảm bảo loại trừ khả năng gây ô nhiễm môi trường - Silic, Đồng, Bạc - Vật liệu xốp định hướng ứng dụng trong nông nghiệp - 01 đơn đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ - Đào tạo 01 Thạc sĩ

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
ĐỀ TÀI CẤP SỞ/TỈNH						
1	Nghiên cứu xây dựng thử nghiệm hệ thống cảnh báo sớm nguy cơ sạt lở do hiện tượng thời tiết cực đoan trên nền tảng trí tuệ nhân tạo	Chủ nhiệm: Cần Thu Vãn, Tiến sĩ Thành viên: Phan Thị Thùy Dương Thạc sĩ Nguyễn Tiền Giang PGS.TS Nguyễn Hữu Duy Tiến sĩ Ngô Chí Tuấn Tiến sĩ Lưu Văn Ninh ThS, NCS Thiềm Quốc Tuấn ThS, NCS Trần Đức Dũng Tiến sĩ Nguyễn Trọng Khanh Thạc sĩ Nguyễn Quốc Phi Tiến sĩ	- Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh An Giang - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN - Công ty TNHH Tư vấn công nghệ và thiết bị Phan Lê - Công ty cổ phần Công nghệ Hải Âu	2023-2025	4.340.532.500 đồng	- Bộ thiết bị đo đạc hiện trường: - Bộ thu phát tín hiệu và server xử lý dữ liệu trung tâm - Bộ phần mềm dự báo, cảnh báo nguy cơ sạt lở bờ sông tỉnh An Giang - Bộ công cụ truyền phát tin cảnh báo, dự báo sạt lở - Chuyên đề: Cơ chế sạt lở đặc trưng của khu vực tỉnh An Giang do hiện tượng thời tiết cực đoan - Chuyên đề: Báo cáo mô hình ước lượng, phục vụ cho công tác chuẩn đoán nguy cơ sạt lở trong điều kiện biến đổi khí hậu - Platform (website, ứng dụng cho thiết bị thông minh) sẵn sàng cho việc chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và quy hoạch hạ tầng - Bộ tài liệu tính toán thiết kế và hướng dẫn áp dụng mô hình cảnh báo sớm sạt lở - Bộ quy trình và phương thức xác định các ngưỡng cảnh báo và sạt lở theo thời gian thực - 01 hệ thống thử nghiệm (Trạm di động) cảnh báo sớm sạt lở đất cho các khu vực dân cư bằng công nghệ tiệm cận trí tuệ nhân tạo. - Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt - Hồ sơ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với sản phẩm “Hệ thống cảnh báo sớm sạt lở bờ sông ở tỉnh An Giang bằng công nghệ trí tuệ nhân tạo” - Kế hoạch 5 năm: + 01/2026-12/2027: Vận hành và Bàn giao (hệ thống quan trắc tự động, thiết bị thu nhận dữ liệu, phần mềm dự báo, cảnh báo) cho Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh An Giang tiếp tục vận hành hệ thống dự báo, cảnh báo nguy cơ sạt lở cho vị trí thứ trên dòng chính sông Tiền. + 01/2028 – 12/2029: Di chuyển, lắp đặt, thiết lập và vận hành hệ thống dự báo, cảnh báo nguy cơ sạt lở để dự báo cho vị trí trên dòng chính sông Hậu.

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
						+ 01/2030 – 11/2030: Di chuyển, lắp đặt, thiết lập và vận hành hệ thống dự báo, cảnh báo nguy cơ sạt lở đề dự báo cho vị trí trên dòng kênh trực cấp 1. + 12/2030: Báo cáo, đánh giá kết thúc quá trình thử nghiệm hệ thống dự báo, cảnh báo nguy cơ sạt lở bờ sông ở tỉnh An Giang. - 02 Bài báo khoa học - Đào tạo 02 thạc sĩ - Hỗ trợ đào tạo 01 tiến sĩ
2	Xây dựng công cụ dự báo, cảnh báo xâm nhập mặn và mô phỏng lan truyền chất ô nhiễm trên hệ thống sông, kênh chính ở tỉnh Sóc Trăng	Chủ nhiệm: Nguyễn Trọng Khanh Thạc sĩ Thành viên: Ngô Nam Thịnh, Thạc sĩ Cần Thu Văn Tiến sĩ Lê Hoàng Nghiêm, PGS. Tiến sĩ Hoàng Thị Thanh Thủy, PGS. Tiến sĩ Nguyễn Đức Tài Thạc sĩ Trần Tuấn Hoàng, Thạc sĩ, NCS Cao Duy Trường, Thạc sĩ Dương Ngọc Thúy, Thạc sĩ Đỗ Huy Lập, CN, HVCH	- Trung tâm quan trắc TNMT tỉnh Sóc Trăng - Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Sóc Trăng - Công ty Cổ phần NetP.lus - Viện Khoa học Tài nguyên, Môi trường và Biến đổi khí hậu	2024-2026	1.753.529.542 đồng	- Bộ dữ liệu, số liệu thu thập và điều tra khảo sát. Bộ bản đồ về hiện trạng và xu thế nhiễm mặn và chất lượng nước tỉnh Sóc Trăng. - Bộ phần mềm dự báo, cảnh báo xâm nhập mặn và mô phỏng lan truyền chất ô nhiễm trên hệ thống sông, kênh chính ở tỉnh Sóc Trăng đảm bảo độ tin cậy; được tích hợp đầy đủ cơ sở dữ liệu. - Đào tạo, chuyển giao mô hình dự báo nghiệp vụ phục vụ công tác quản lý, kiểm soát ô nhiễm và cảnh báo xâm nhập mặn theo không gian và thời gian trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. - Các báo cáo chuyên đề (trung gian) thuộc các nội dung nghiên cứu. - Báo cáo đặc trưng dòng chảy, hiện trạng xâm nhập mặn và xu thế biến đổi mức độ xâm nhập mặn trên hệ thống sông, kênh chính tỉnh Sóc Trăng. - Báo cáo hiện trạng và quy hoạch nguồn thải vào hệ thống sông, kênh chính tỉnh Sóc Trăng. Báo cáo cơ sở khoa học xây dựng phương pháp dự báo xâm nhập mặn trên hệ thống sông, kênh chính tỉnh Sóc Trăng - Báo cáo cơ sở khoa học xây dựng phương pháp mô phỏng lan truyền chất ô nhiễm trên hệ thống sông, kênh chính tỉnh Sóc Trăng Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện đề tài. - 02 Bài báo khoa học trong nước - 01 Bài báo quốc tế

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
3	Mô phỏng dự báo biến dạng mặt đất khu vực Thành phố Hồ Chí Minh	Chủ nhiệm: PGS. TS. Lê Trung Chon Thành viên: ThS. Mai Thị Mỹ Nhân TS. Dương Thị Thúy Nga PGS.TS. Hoàng Thị Thanh Thủy TSKH Hồ Tổng Minh Định TS. Thiềm Quốc Tuấn ThS. Nguyễn Phan Hoài Vũ ThS. Vũ Văn Thái KS. Nguyễn Hào Quang CN Lê Thị Dung ThS. Phạm Quốc Phương KS. Huỳnh Minh Đức ThS. Nguyễn Văn Hồng CN Huỳnh Văn Thọ		2025-2026	3.400 triệu đồng	Dữ liệu lún đất của TPHCM từ năm 2015 đến 2025 được xử lý bằng kỹ thuật PSDS InSAR hình ảnh Sentinel 1 Bộ dữ liệu lớp phủ bề mặt khu vực nghiên cứu từ ảnh viễn thám quang học Phần mềm dự báo lún bằng phương pháp hồi quy không gian (GWR) Ứng dụng Web mô phỏng dự báo biến dạng mặt đất dựa trên dữ liệu theo chuỗi thời gian Cơ sở dữ liệu GIS phục vụ mô phỏng biến dạng mặt đất khu vực TPHCM Các dịch vụ bản đồ chia sẻ dữ liệu biến dạng mặt đất thông qua trực tích hợp các dịch vụ web của Sở Tài nguyên và Môi trường Bản đồ phân vùng sụt lún đất tỷ lệ 1:100.000 toàn TPHCM Bản đồ phân vùng sụt lún đất tỷ lệ 1:25.000 khu vực quận 7, quận 8 và quận Bình Tân Báo cáo tổng hợp Báo cáo tóm tắt Báo cáo kiến nghị các cơ quan nhà nước về các giải pháp giám sát và thích nghi với sụt lún đất tại TPHCM Tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống thông tin mô phỏng lún Bài báo quốc tế Bài báo trong nước Đào tạo thạc sĩ Đăng ký bản quyền tác giả cho phần mềm máy tính liên quan đến nhiệm vụ.
ĐỀ TÀI CẤP BỘ						
1	Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật thủy văn đồng vị để xác định nguồn gốc một số chất gây ô nhiễm nước mặt	Chủ nhiệm: ThS. NCS. Đoàn Thanh Vũ Thành viên: ThS.NCS. Ngô Nam Thịnh TS. Cấn Thu Văn TS. Trần Đăng An TS. Nguyễn	+ Phân hiệu Đại học Thủy Lợi + Trung tâm quan trắc TN&MT tỉnh Sóc Trăng	2025-2026	2.347 triệu đồng	- Báo cáo phân tích: Quy trình xác định nguồn gốc một số chất gây ô nhiễm nước mặt (nhóm N và O) khu vực ven biển bằng kỹ thuật thủy văn đồng vị - Báo cáo xác định nguồn gốc một số chất dinh dưỡng gây ô nhiễm nước mặt (nhóm N và P) tại khu vực cửa sông bằng kỹ thuật thủy văn đồng vị - Báo cáo đề giải pháp ứng dụng kỹ thuật xác định nguồn gốc một

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
		Thị Phương Thảo TS. Đinh Ngọc Huy ThS. Dương Thị Thành				số chất dinh dưỡng gây ô nhiễm nước mặt phục vụ công tác quản lý nước mặt khu vực cửa sông ven biển - Kết quả áp dụng kỹ thuật thủy văn đồng vị xác định một số chất gây ô nhiễm nước mặt cho khu vực cửa sông Hậu. - Bộ CSDL chất lượng nước mặt khu vực nghiên cứu ((hóa lý, hóa học, đồng vị bền, thủy hải văn...)) - 01 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế (ISI, Scopus) - 01 bài báo đăng trên tạp chí trong nước - Tham gia đào tạo 01 Thạc sỹ
2	Nghiên cứu đề xuất mô hình và giải pháp thúc đẩy thực thi chính sách kinh tế tuần hoàn trong hoạt động chế biến thủy sản	Chủ nhiệm: TS. Trần Hậu Vương Thành viên: Ngô Thị Ánh Tuyết Hoàng Thị Tố Nữ Huỳnh Thị Ngọc Hân Trần Ngọc Bảo Luân Đỗ Đức Thiện Nguyễn Thị Quỳnh Trang Nguyễn Ngọc Thiệp Nguyễn Thị Hằng Lê Thanh Lợi	-XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN HẢI SẢN (COIMEX) - Công ty Cổ phần Thủy sản và Xuất nhập khẩu Côn Đảo	2025-2026	2.410 triệu đồng	"- Báo cáo đề xuất công nghệ tái chế, tái sử dụng và tận thu chất thải từ hoạt động chế biến thủy sản - Báo cáo đề xuất mô hình kinh tế tuần hoàn trong chế biến thủy sản tại một số cơ sở sản xuất được lựa chọn - Báo cáo đánh giá hiệu quả kinh tế kỹ thuật mô hình kinh tế tuần hoàn tại một số cơ sở chế biến thủy sản - Báo cáo giải trình phương pháp thúc đẩy thực thi chính sách kinh tế tuần hoàn trong hoạt động chế biến thủy sản - 01 bài báo đăng trên tạp chí trong nước - Tham gia đào tạo 02 Thạc sỹ"
3	Nghiên cứu đề xuất giải pháp ứng dụng mô hình trí tuệ nhân tạo nhận diện đối tượng chụp ảnh bằng công nghệ UAV phục vụ thành lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1:1000 khu vực đất nông nghiệp	Chủ nhiệm: TS. Lê Văn Tình Thành viên: Lê Văn Tình Châu Ngọc Trác Nguyễn Hữu Cường Trần Mỹ Hào Nguyễn Văn Cương Nguyễn Đức		2026-2027	2.303 triệu đồng	- 02 bài báo khoa học trong danh mục có tính điểm của HEGSNN - Báo cáo cơ sở khoa học và phương pháp luận giải pháp ứng dụng mô hình trí tuệ nhân tạo nhận diện đối tượng chụp ảnh bằng công nghệ UAV phục vụ thành lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1:1000 khu vực đất nông nghiệp - Báo cáo đánh giá độ chính xác và hiệu quả ứng dụng mô hình trí tuệ nhân tạo nhận diện đối tượng chụp ảnh bằng công nghệ UAV phục vụ

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
		Anh Lê Văn Phận				thành lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1:1000 khu vực thực nghiệm so với các văn bản pháp lý hiện hành - Dự thảo quy định kỹ thuật ứng dụng công nghệ UAV thành lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1:1000 khu vực đất nông nghiệp - Tham gia đào tạo 01 Thạc sĩ Quản lý đất đai hoặc trắc địa bản đồ
ĐỀ TÀI CẤP TRƯỜNG						
1	Nghiên cứu tác động của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến phúc lợi con người tại nhóm quốc gia có thu nhập trung bình thấp	Trần Thị Diễm Nga		4/2025 - 11/2025	5	01 báo cáo tổng kết 01 báo cáo tóm tắt 01 Bài báo công bố trên Tạp chí có chỉ số ISSN
2	Tác động của tiêu thụ năng lượng đến phúc lợi con người tại Việt Nam	Đặng Bắc Hải		4/2025 - 11/2025	5	01 báo cáo tổng kết 01 báo cáo tóm tắt 01 Bài báo công bố trên Tạp chí có chỉ số ISSN
3	Chiến lược phát triển nguồn nhân lực giảng viên tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh đến năm 2030	Nguyễn Thị Hoài Thanh		4/2025 - 11/2025	Tự túc	01 báo cáo tổng kết 01 báo cáo tóm tắt 01 Bài báo công bố trên Tạp chí có chỉ số ISSN
4	Nghiên cứu tác động trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp lên giá trị thương hiệu trong ngành thời trang	Nguyễn Hoàng An		4/2025 - 11/2025	Tự túc	01 báo cáo tổng kết 01 báo cáo tóm tắt 01 Bài báo công bố trên Tạp chí có chỉ số ISSN
5	Ứng dụng mô hình mô phỏng đánh giá mức độ phát thải và thiệt hại kinh tế tại nút giao Nguyễn Văn Linh - 3 tháng 2 trên địa bàn Thành phố Cần Thơ	Vương Tấn Đức		4/2025 - 11/2025	5	01 báo cáo tổng kết 01 báo cáo tóm tắt 01 Bài báo công bố trên Tạp chí có chỉ số ISSN
6	Vai trò của giáo dục lý luận chính trị đối với sinh viên Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng hiện nay	Hồ Ngọc Vinh		4/2025 - 11/2025	5	01 báo cáo tổng kết 01 báo cáo tóm tắt 01 Bài báo công bố trên Tạp chí có chỉ số ISSN

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
7	Đánh giá thực trạng xây dựng môi trường văn hóa ở TP. Hồ Chí Minh hiện nay	Nguyễn Thị Hồng Hoa		4/2025 - 11/2025	5	01 báo cáo tổng kết 01 báo cáo tóm tắt 01 Bài báo công bố trên Tạp chí có chỉ số ISSN
8	Xử lý sinh học khử màu nước thải dệt nhuộm bằng vi khuẩn oxy hóa mangan trong hệ thống kết hợp kỵ khí - hiếu khí nối tiếp	Đinh Thị Thu Hà		4/2025 - 11/2025	8	01 báo cáo tổng kết 01 báo cáo tóm tắt 01 Bài báo công bố trên Tạp chí có chỉ số ISSN
9	Nghiên cứu sản xuất và nâng cấp khí sinh học từ vỏ củ khoai mì phối trộn với phân gà	Nguyễn Kim Chung		4/2025 - 11/2025	5	01 báo cáo tổng kết 01 báo cáo tóm tắt 01 Bài báo công bố trên Tạp chí có chỉ số ISSN
10	Nghiên cứu tiềm năng thu hồi terephthalic axit (H ₂ BDC) từ chất thải nhựa PET	Nguyễn Thị Hồng		4/2025 - 11/2025	5	01 báo cáo tổng kết 01 báo cáo tóm tắt 01 Bài báo công bố trên Tạp chí có chỉ số ISSN
11	Ứng dụng Machine Learning theo dõi biến động sử dụng đất giai đoạn 2010-2024 tại thành phố Tân An, tỉnh Long An	Nguyễn Kim Hoa		4/2025 - 11/2025	5	01 báo cáo tổng kết 01 báo cáo tóm tắt 01 Bài báo công bố trên Tạp chí có chỉ số ISSN
12	Tích hợp ảnh UAV, Deep Learning và WebGIS phục vụ công tác quản lý cây xanh đô thị - Trường hợp nghiên cứu tại TP. Hồ Chí Minh	Trần Ngọc Huyền Trang		4/2025 - 11/2025	5	01 báo cáo tổng kết 01 báo cáo tóm tắt 01 Bài báo công bố trên Tạp chí có chỉ số ISSN
13	Nghiên cứu xây dựng lưới không chế Trắc địa phục vụ công tác đào tạo tại cơ sở Nhà Bè, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh	Trần Văn Huân		4/2025 - 11/2025	8	01 báo cáo tổng kết 01 báo cáo tóm tắt 01 Bài báo công bố trên Tạp chí có chỉ số ISSN
14	Nghiên cứu tổng hợp ZnO nanorods trên vải than hoạt tính để loại bỏ kim loại nặng thông qua quá trình khử ion điện	Nguyễn Tấn Thông		4/2025 - 11/2025	5	01 báo cáo tổng kết 01 báo cáo tóm tắt 01 Bài báo công bố trên Tạp chí có chỉ số ISSN

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	dung					
15	Ứng dụng phương pháp phân vị với xấp xỉ Gamma hiệu chỉnh sản phẩm dự báo mưa từ mô hình động lực để dự báo mưa hạn nội mùa cho khu vực tỉnh Bình Định	Phạm Thị Minh		4/2025 - 11/2025	5	01 báo cáo tổng kết 01 báo cáo tóm tắt 01 Bài báo công bố trên Tạp chí có chỉ số ISSN
16	Nghiên cứu đánh giá xu thế biến đổi phi tuyến tính của mưa cực đoan trên khu vực tỉnh Bạc Liêu phục vụ công tác đánh giá biến đổi khí hậu tại tỉnh	Vũ Thị Hiền		4/2025 - 11/2025	5	01 báo cáo tổng kết 01 báo cáo tóm tắt 01 Bài báo công bố trên Tạp chí có chỉ số ISSN
17	Ứng dụng mô hình machine learning hiệu chỉnh sai số của dữ liệu mưa vệ tinh cho khu vực Đông Nam Bộ	Nguyễn Văn Tín		4/2025 - 11/2025	5	01 báo cáo tổng kết 01 báo cáo tóm tắt 01 Bài báo công bố trên Tạp chí có chỉ số ISSN
18	Nghiên cứu tổng hợp vật liệu composite N-doped Ti_3C_2Tx MXenes/ CeO_2 ứng dụng làm chất nền cho xúc tác hợp kim PtNi trong phản ứng tách nước tạo hydrogen	Huỳnh Thiên Tài		4/2025 - 11/2025	10	01 báo cáo tổng kết 01 báo cáo tóm tắt 01 bài báo được chấp nhận đăng trên tạp chí khoa học thuộc hệ thống quốc tế uy tín WoS (ISI)/Scopus. 01 bảng tóm tắt tính chất điện hóa của vật liệu xúc tác PtNi/N-doped Ti_3C_2Tx MXenes- CeO_2 .
19	Đánh giá hiệu quả tự học tiếng Anh của sinh viên năm nhất trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh qua việc sử dụng phần mềm hỗ trợ	Hồ Thị Lại		4/2025 - 11/2025	Tự túc	01 báo cáo tổng kết 01 báo cáo tóm tắt 01 Bài báo công bố trên Tạp chí có chỉ số ISSN
20	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên khi học các môn Toán tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố	Phạm Kim Thủy		4/2025 - 11/2025	Tự túc	01 báo cáo tổng kết 01 báo cáo tóm tắt 01 Bài báo công bố trên Tạp chí có chỉ số ISSN

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	Hồ Chí Minh					
21	Xây dựng quy định đo lường và đánh giá mức độ người học đạt chuẩn đầu ra chương trình đào tạo của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM - Đề xuất mô hình triển khai	Lê Thị Phụng		4/2025 - 11/2025	10	01 báo cáo tổng kết 01 báo cáo tóm tắt 01 Bài báo công bố trên Tạp chí có chỉ số ISSN
22	Nghiên cứu tính ổn định và lựa chọn tham số tối ưu trong phương pháp phân tích phổ kỳ dị (Singular Spectrum Analysis-SSA) cho chuỗi thời gian phi dừng	Dương Thị Xuân An		5/2026- 11/2026	10	- 01 báo cáo tổng kết - 01 báo cáo tóm tắt - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nằm trong danh mục chức danh HĐGS NN
23	Ứng dụng và đánh giá mô hình cực trị phi dừng trong phân tích xu thế và rủi ro mưa cực đoan tại khu vực Đông Nam Bộ, Việt Nam	Trần Đình Thành		5/2026- 11/2026	5	- 01 báo cáo tổng kết - 01 báo cáo tóm tắt - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nằm trong danh mục chức danh HĐGS NN
24	Mô hình hóa và phân tích định lượng kết quả học tập sinh viên phục vụ quản lý đào tạo tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh	Võ Thị Tuyết Mai		5/2026- 11/2026	5	- 01 báo cáo tổng kết - 01 báo cáo tóm tắt - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nằm trong danh mục chức danh HĐGS NN
25	Nâng cao năng lực cạnh tranh xuất khẩu hạt điều của Việt Nam	Lê Thị Xoan		5/2026- 11/2026	5	- 01 báo cáo tổng kết - 01 báo cáo tóm tắt - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nằm trong danh mục chức danh HĐGS NN
26	Đánh giá phát thải khí nhà kính từ hoạt động logistics và định hướng giải	Vương Tấn Đức		5/2026- 11/2026	5	- 01 báo cáo tổng kết - 01 báo cáo tóm tắt - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nằm trong danh mục chức danh

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	pháp giảm phát thải					HĐGS NN
27	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định chia sẻ tri thức của giảng viên các trường đại học tại TP. Hồ Chí Minh	Trần Văn Dũng		5/2026-11/2026	Tự túc	- 01 báo cáo tổng kết - 01 báo cáo tóm tắt - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nằm trong danh mục chức danh HĐGS NN
28	Nghiên cứu xây dựng mô hình “Căn tin - thân thiện môi trường” tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Trọng Khanh		5/2026-11/2026	Tự túc	- 01 báo cáo tổng kết - 01 báo cáo tóm tắt - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nằm trong danh mục chức danh HĐGS NN
29	Nghiên cứu đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác xã hội của sinh viên Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh	Nguyễn Bá Khoa		5/2026-11/2026	5	- 01 báo cáo tổng kết - 01 báo cáo tóm tắt - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nằm trong danh mục chức danh HĐGS NN
30	Nghiên cứu các yếu tố tâm lý ảnh hưởng đến hành vi giao tiếp của sinh viên hệ vừa làm vừa học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh	Trần Thị Lệ Hoa		5/2026-11/2026	5	- 01 báo cáo tổng kết - 01 báo cáo tóm tắt - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nằm trong danh mục chức danh HĐGS NN
31	Tổng hợp vật liệu ZnO/PANI và ứng dụng xử lý chất hữu cơ khó phân hủy (Congo red) bằng quá trình oxy hóa nâng cao	Nguyễn Thị Hồng		5/2026-11/2026	10	- 01 báo cáo tổng kết - 01 báo cáo tóm tắt - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nằm trong danh mục chức danh HĐGS NN
32	Nghiên cứu phân hủy quang xúc tác	Trần Thị Bích		5/2026-11/2026	5	- 01 báo cáo tổng kết - 01 báo cáo tóm tắt

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	phenol trong nước dùng vật liệu TiO ₂ trên nền than trấu	Phượng				- 01 Bài báo đăng trên tạp chí nằm trong danh mục chức danh HĐGS NN
33	Nghiên cứu tổng hợp vật liệu than sinh học xơ dừa biến tính ZrO ₂ làm vật liệu ứng dụng trong xử lý nước	Nguyễn Tấn Thông		5/2026-11/2026	10	- 01 báo cáo tổng kết - 01 báo cáo tóm tắt - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nằm trong danh mục chức danh HĐGS NN
34	Ứng dụng viễn thám, GIS và học máy mô phỏng sự thay đổi sử dụng đất khu vực phía Đông Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Thuận		5/2026-11/2026	5	- 01 báo cáo tổng kết - 01 báo cáo tóm tắt - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nằm trong danh mục chức danh HĐGS NN
35	Ứng dụng phân vùng khí hậu cục bộ (Local Climate Zone – LCZ) trong phân tích đảo nhiệt bề mặt đô thị tại một khu vực điển hình của Thành phố Hồ Chí Minh	Đoàn Thị Bích Ngọc		5/2026-11/2026	5	- 01 báo cáo tổng kết - 01 báo cáo tóm tắt - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nằm trong danh mục chức danh HĐGS NN
36	Nghiên cứu xu thế biến đổi mưa cực đoan và tác động của dao động khí hậu quy mô lớn tại khu vực Đông Nam Bộ giai đoạn 1980–2024	Phạm Thị Minh		5/2026-11/2026	5	- 01 báo cáo tổng kết - 01 báo cáo tóm tắt - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nằm trong danh mục chức danh HĐGS NN
37	Nghiên cứu thành phần hóa học và tiềm năng kiểm soát các loài muỗi truyền bệnh của một số tinh dầu trong hệ thực vật Việt Nam	Vũ Thị Hiền		5/2026-11/2026	10	- 01 báo cáo tổng kết - 01 báo cáo tóm tắt - 01 Bài báo đăng trên tạp chí nằm trong danh mục chức danh HĐGS NN
ĐỀ TÀI CẤP SINH VIÊN						
1	Ứng dụng công nghệ drone kết hợp thiết bị Airbeam 3 để theo dõi nồng độ bụi mịn tại trường	Trần Phương Linh 1350120217 Huỳnh Thị Thúy Vy		5/2026-11/2026	5	- 01 báo cáo tổng kết - 01 báo cáo tóm tắt - 01 Bài báo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị có chỉ số ISBN/ISSN

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	HCMUNRE	1350120237				
2	Nghiên cứu ứng dụng phương pháp khoa học công dân vào quản lý chất thải rắn trên tuyến kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè ở Thành phố Hồ Chí Minh	Võ Ngọc Minh Thương 1350120155 Nguyễn Đức Viết Hậu 1350120036		5/2026-11/2026	5	- 01 báo cáo tổng kết - 01 báo cáo tóm tắt - 01 Bài báo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị có chỉ số ISBN/ISSN
3	Nghiên cứu xử lý kháng sinh Meropenem trong nước thải bằng phương pháp Peroxymonosulfate	Trần Nguyễn Phan Nhân 1250020012		5/2026-11/2026	5	- 01 báo cáo tổng kết - 01 báo cáo tóm tắt - 01 Bài báo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị có chỉ số ISBN/ISSN
4	Đánh giá hiệu quả xử lý Niken bằng phương pháp điện hóa	Nguyễn Hiếu Ngọc 1150120063		5/2026-11/2026	5	- 01 báo cáo tổng kết - 01 báo cáo tóm tắt - 01 Bài báo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị có chỉ số ISBN/ISSN
5	Nghiên cứu ứng dụng vật liệu Sn-MOF@Fe ₃ O ₄ từ chất thải nhựa PET để xử lý Rhodamine B bằng quá trình quang xúc tác	Hà Văn Nam 1150120104 Huỳnh Thị Kim Tuyền 1150120122		5/2026-11/2026	5	- 01 báo cáo tổng kết - 01 báo cáo tóm tắt - 01 Bài báo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị có chỉ số ISBN/ISSN
6	Đánh giá rủi ro mưa cực đoạn tại thành phố Hồ Chí Minh dựa trên các chỉ số mưa cực đoạn (ETCCDI)	Trần Anh Tuấn 1250140002 Lê Nguyễn Gia Linh 1350140003		5/2026-11/2026	5	- 01 báo cáo tổng kết - 01 báo cáo tóm tắt - 01 Bài báo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị có chỉ số ISBN/ISSN
7	Đánh giá ảnh hưởng của ENSO đến mưa cực đoạn tại khu vực Đông Nam Bộ	Võ Hoàng Sang 1150010009 Trịnh Minh Tinh 1450010056		5/2026-11/2026	5	- 01 báo cáo tổng kết - 01 báo cáo tóm tắt - 01 Bài báo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị có chỉ số ISBN/ISSN
8	Phân tích xu thế và thay đổi cấu trúc mưa cực đoạn tại khu vực Đông Nam Bộ giai đoạn 1980 - 2024	Nguyễn Chí Dương 1250010003 Trần Nguyễn Anh Tài 1450010050		5/2026-11/2026	5	- 01 báo cáo tổng kết - 01 báo cáo tóm tắt - 01 Bài báo khoa học đăng trong kỷ yếu hội nghị có chỉ số ISBN/ISSN

b) Số lượng công trình khoa học được công bố trên các ấn phẩm quốc tế có uy tín và các công bố khoa học khác; số lượng bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp.

STT	Nội dung	Từ 2025 – 6/2026
I	Số lượng công bố khoa học	289
1	Số lượng bài báo trên tạp chí trong nước của GV	95
2	Số bài hội nghị/hội thảo trong nước	81
3	Số bài hội nghị/hội thảo quốc tế	16
4	Số lượng bài báo Scopus/Web of Science	85
5	Số lượng bài báo xuất bản tạp chí quốc tế uy tín không thuộc Scopus/Web of Science	12
II	Số lượng bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp	1 (có quyết định chấp nhận đơn)

c) Các kết quả chuyển giao tri thức, chuyển giao công nghệ, hỗ trợ khởi nghiệp (nếu có).

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Các Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Lưu: VT, KT&ĐBCL.



HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Quyền